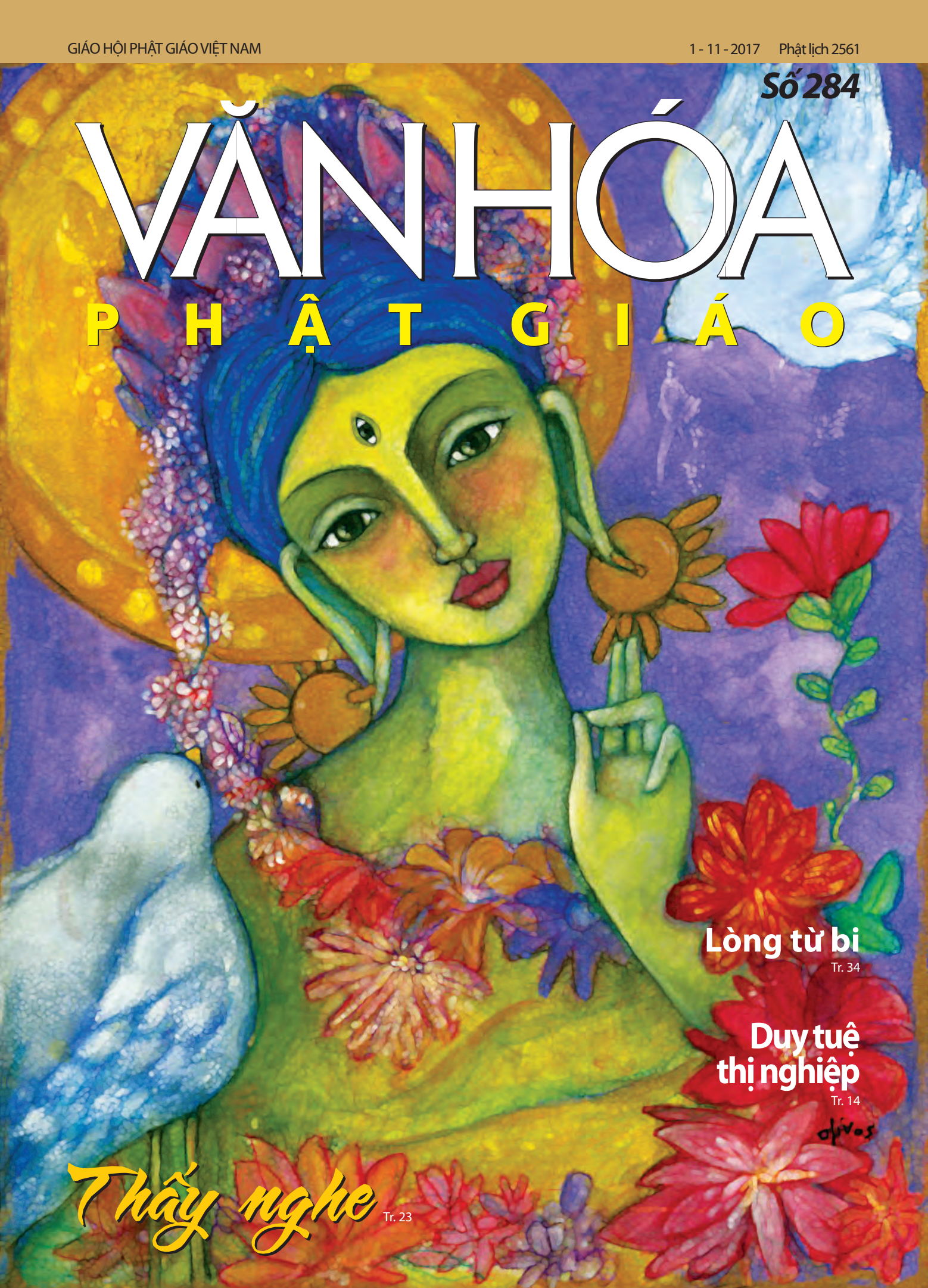


Số 284

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Lòng từ bi

Tr. 34

Duy tuệ
thị nghiệp

Tr. 14

Thầy nghe

Tr. 23

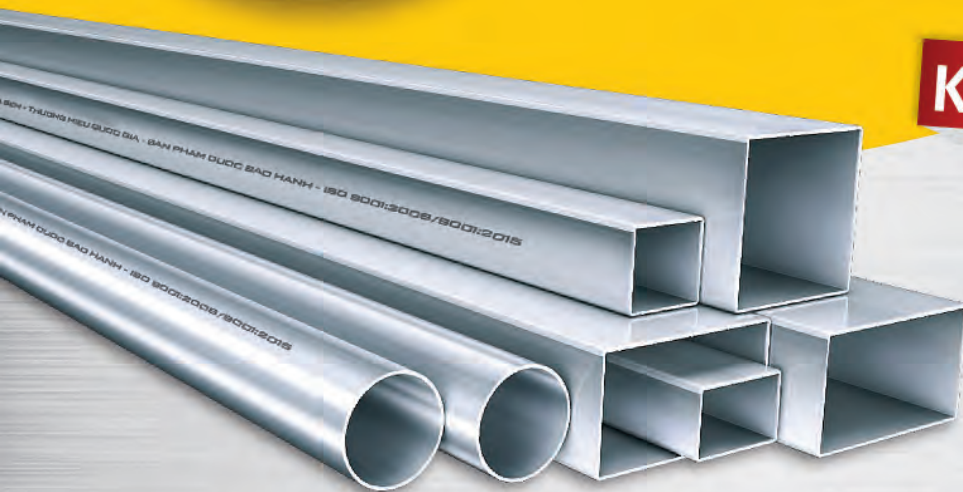
olivos

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ỐNG KẼM HOA SEN

- ASTM A500/A500M-10a; TC Mỹ
- JIS G3444:2004; TC Nhật Bản
- JIS G3466:2006; TC Nhật Bản
- AS 1163/2009; TC Úc

KHÔNG CẦN ĐI XA

**MUA ỐNG KẼM
NGAY TẠI NHÀ**



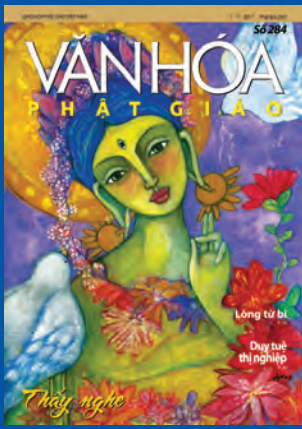
ỐNG KẼM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



**MUA HÀNG
TRỰC TUYẾN**

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Đôi điều về Văn hóa kinh doanh (Nguyễn Cảnh)	4
Phải chăng "Triều Nguyễn là một triều đại không được lòng dân?" (Nguyễn Văn Cương)	8
Việt Nam Quốc Tự (Sa-môn Thích Giác Toàn)	12
Duy tuệ thị nghiệp (Nguyễn Giác)	14
An tâm với bình đẳng (Nguyễn Thế Đăng)	18
Phật giáo Hoa tông theo dòng lịch sử (Thích Thiện Nhơn)	20
Thấy nghe (Thị Giới)	23
Thiền quán về Sống và Chết (Philip Kapleau; Thích Nguyên Tạng dịch)	26
Độc "Thần chú trong Phật giáo" của Giáo sư Lê Tự Hỷ (Thích Như Điển)	30
Họa phước vô môn (Trịnh Thị Nguyệt Yến)	33
Lòng từ bi (Nguyễn Hữu Đức)	34
Quá trình phát triển tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh (từ 1885 đến 1905) (Cao Văn Thức)	36
Bàn về tên gọi "Cầu Bông" ở Gia Định xưa (Tôn Thất Thọ)	40
Sự trừng phạt của văn hóa (Lê Hải Đăng)	42
Việc làm của ngày mai (Cao Huy Hóa)	44
Ham đọc chỉ là huyền thoại (Hồ Anh Thái)	47
Thất lòng Ba Thắc (Trần Bảo Định)	48
Thơ (Tánh Thiện, Nguyễn, Nguyên Từ, Phạm Ánh, Phan Thành Minh, Tịnh Bình, Trường Khánh)	52
Thiền... (Vũ Thị Huyền Trang)	54

Bìa 1: Từ Bi Bồ-tát. Nguồn: etsy.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trang đầu của phần quảng cáo trong số báo này (Văn Hóa Phật Giáo 284) là hình ảnh cuốn lịch Văn Hóa Phật Giáo năm Mậu Tuất 2018 sẽ phát hành nay mai. Đề tài của cuốn lịch này là Tứ Động Tâm, tức bốn Thánh tích quan trọng nhất của Phật giáo, liên quan đến cuộc đời của Đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni: nơi Ngài đản sanh, nơi Ngài thành đạo, nơi Ngài chuyển pháp luân, và nơi Ngài nhập diệt. Mỗi trang lịch đều có ghi lời Đức Phật dạy liên hệ đến sự kiện gợi nhớ về thánh tích. Chúng tôi sẽ gửi lịch tặng đến quý độc giả dài hạn, các điểm phát hành tạp chí VHPG, quý ân nhân, thân hữu, quý vị cộng tác viên thường xuyên, chậm nhất là vào đầu tháng 12/2018.


Cũng tại chân trang thứ 6 của phần quảng cáo trong số này, chúng tôi có in mẫu phiếu đặt báo dài hạn. Sắp tới, khi phát hành số báo kế tiếp VHPG 285 vào ngày 15/11/2017, trong mỗi tờ báo sẽ có kèm phiếu này gửi đến quý độc giả; mong quý vị sớm đặt báo dài hạn theo những chi tiết có nêu trong phiếu. Đối với các độc giả đã đặt báo dài hạn năm 2017, quý vị có thể gọi điện thoại trực tiếp đến tòa soạn, xác nhận tiếp tục đặt báo và gửi tiền báo về tòa soạn mà không cần sử dụng phiếu đặt báo. Xin thông báo thêm rằng giá báo năm tới vẫn không thay đổi.

Vi cần lập kế hoạch cho năm Mậu Tuất 2018, kính mong quý độc giả đặt báo dài hạn gửi đến tòa soạn những thông tin liên quan càng sớm càng tốt.

Kính chúc quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





**Nhờ không chấp thủ nên
không tháo động, nhờ
không tháo động, nên tự
thân chứng được Niết-bàn.
(Tiểu kinh Sư tử hống,
số 11, Trung Bộ Kinh)**



Nguồn: techj.vn

Đôi điều về Văn hóa kinh doanh

NGUYỄN CÂN

Nỗi lo sợ trước những luồng gió mới...

Hình ảnh ông Hiroaki Honjo, Tổng Giám đốc Công ty Xăng dầu Idemitsu Q8 (IQ8) của Nhật Bản, đứng cúi đầu chào khách hàng trong một chiều mưa khi mới khai trương cửa hàng xăng dầu tại Hà Nội đã làm dậy sóng dư luận. Đây là doanh nghiệp (DN) có 100% vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên mở cửa hàng xăng dầu tại Việt Nam. Ngay lập tức, người ta đánh giá, so sánh, đối chiếu, sẫm soi mọi khía cạnh: từ giá cả, tính chính xác của số lượng, và nhất là cung cách phục vụ của nhân viên. Chuyện tưởng bình thường nhưng lại trở nên không bình thường vì là dịp để người ta chọn lựa. Nói theo kinh tế học, khi “thượng đế” - khách hàng - có quyền phán xét. Các công ty xăng dầu trong nước vội vã ra tuyên bố kêu gọi “người Việt dùng hàng Việt”. Khẩu hiệu không mới nhưng không mấy ai thực hiện bấy lâu vì nhiều lý do cả chủ quan lẫn khách quan.

Người ta biện bạch, cây xăng Việt Nam cũng dùng cân điện tử. Khác nhau ở đâu? Đó là sự yên tâm về chất lượng, không sợ pha dung môi như hàng loạt cây xăng

ở Nghệ An bị phát hiện gần đây. Mà số lượng nghe bàng hoàng: 2 triệu lít! Hãy nhớ xăng của IQ8 cũng là xăng VN nhập từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Vậy thì điều gì làm nên sự khác biệt? Không chỉ là “... thiết kế hiện đại và lắp đặt những thiết bị tốt nhất đến từ Nhật Bản” mà còn là “đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản”, và hình ảnh “... khi khách hàng vào đến cây xăng đã có nhân viên đứng ngoài cúi chào và hướng dẫn khách”. Điều đặc biệt hơn là tại đây những chiếc ô-tô khi vào đổ xăng sẽ được các nhân viên lau qua kính phía ngoài của xe, phục vụ tận tình, lịch sự. Có người bình luận: “Đổ xăng xong, khi tôi ra về, nhân viên cửa hàng cúi chào và nói cảm ơn, khiến tôi rất bất ngờ về thái độ thân thiện của họ. Tôi rất vui, rất mong các cây xăng Việt Nam đều làm được điều này” (theo báo Pháp Luật).

Các nhà kinh tế nhận định sự có mặt của IQ8 trong lĩnh vực bán lẻ xăng dầu đã là cơ hội và thách thức cho chính IQ8 và các DN trong nước; trước hết là khiến các nhà kinh doanh trong nước phải thay đổi để tạo niềm tin với người tiêu dùng. Tuy vậy, các chuyên gia cho

rằng IQ8 sẽ gặp không ít khó khăn trong kinh doanh. Vì thị trường xăng dầu Việt Nam vẫn đang do một nhóm DN thống lĩnh nên Nhà nước phải quản lý giá cơ sở, lại không cho phép các DN nước ngoài mở cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam. Xăng dầu được xác định là yếu tố quyết định sống còn đối với một quốc gia (Phải chăng vì vậy mà dung túng độc quyền?).

Như vậy người tiêu dùng không hề được lợi. Nếu Nhà nước dừng can thiệp quá sâu, sự cạnh tranh tất diễn ra và lúc ấy người tiêu dùng mới có tiếng nói đủ sức nặng.

Cũng vì quen thói gần như độc quyền nên Vinasun cảm thấy dị ứng khi Uber và Grab vào thị trường Việt Nam. Cụ thể, họ cho tài xế dán sticker phản đối hai DN trên và dù có đồ thừa đó là hành vi tự phát của tài xế thì hành động này vẫn bị coi là không đúng mực và không đúng luật. Được biết, Sở Giao thông Vận tải TP.HCM đã yêu cầu Vinasun phải tháo gỡ các sticker. Câu chuyện ồn ào tạm lắng xuống, nhưng bài học mà nó để lại vẫn nóng hổi. Đó là vết tích của một thời bao cấp mà một vài DN hưởng ưu đãi chiếm lĩnh từ 50% đến 80% thị phần. Có người ví như một đứa bé quen ôm bình sữa lớn, đến khi buộc phải chia sẻ cho em mình thì giãy nảy, vùng vằng! Sao không cạnh tranh bằng cách giảm giá cước, đồng thời ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào kinh doanh, vào việc điều hành theo hướng tích cực?

Các nhà kinh tế gọi đó là những ngọn gió mới, khiến ai kia rùng mình vì không quen chịu đựng cảnh “chia lại miếng bánh”, nhưng điều khiến họ ớn lạnh chính là phải xét lại thái độ, cung cách phục vụ bấy lâu. Nói cách khác, VHĐN (VHĐN) bị thử thách.

VHĐN là gì?

Trong mỗi công ty, mỗi tổ chức và kể cả mỗi quốc gia... luôn có mặt những hệ thống hay mẫu mực về giá trị đặc trưng, hình tượng hay phong cách được tổ chức tôn trọng và truyền từ người này sang người khác, thế hệ này sang thế hệ khác, ảnh hưởng quan trọng đến hành vi của các thành viên. Khi phải xử lý hay đương đầu những vấn đề, những khó khăn, hệ thống hay giá trị căn bản này sẽ có tác dụng chỉ dẫn các thành viên cách giải quyết hay ra quyết định phù hợp với phương châm hành động của tổ chức. Khái niệm đó người ta gọi là văn hóa công ty (corporate culture) hay văn hóa tổ chức (organizational culture), văn hóa kinh doanh (business culture). Ví dụ, triết lý công ty X là luôn quan tâm đến nhân viên và khách hàng, muốn công ty là nơi làm việc lý tưởng và khách hàng luôn được thỏa mãn. Một công ty khác lại đề ra văn hóa là vượt qua mọi đối thủ trong ngành. Nhưng điểm chung của mọi DN là phải đem lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng, vì đó là nhân tố quyết định sự tồn vong của một tổ chức.

Nền móng của văn hóa là đạo đức kinh doanh và tính thể hiện là ở nơi tinh thần DN. VHĐN (VHĐN) là bộ mặt công ty. Nhưng phần chìm chính là đạo đức,

vì một DN thiếu đạo đức thì có nghĩa cũng vô văn hóa! Người ta đã biết rằng đạo đức kinh doanh vào đầu thập niên 1970 trở thành một lĩnh vực khoa học. Những học giả và những nhà tôn giáo đã đặt nền móng cho bộ môn khoa học này, thậm chí cho rằng cần áp dụng một số nguyên tắc giáo lý nhất định cho hoạt động kinh doanh. Giới kinh doanh ngày càng quan tâm đến hình ảnh họ trong mắt công chúng và khi yêu cầu xã hội ngày càng cao, họ phải đối diện thường xuyên hơn đến vấn đề đạo đức.

Người ta đã thống kê các hình thức vi phạm phổ biến nhất:

- sao chép nhãn hiệu, làm hàng nhái;
- thải chất thải độc ra môi trường;
- gây ô nhiễm môi trường;
- vi phạm luật chống độc quyền;
- vi phạm quy định an ninh quốc gia;

Nếu đặt trong bối cảnh VN thì phải thêm:

- làm hàng giả, hàng kém phẩm chất;
- chế biến thực phẩm không theo quy trình an toàn, dùng hóa chất phụ gia độc hại bất chấp tính mạng người dùng;

- bơm tạp chất cho tôm cá, thuốc mê cho heo, bơm nước cho bò trước khi giết mổ;

Công ty phải quan tâm những nghĩa vụ của mình theo thứ tự ưu tiên: Kinh tế, pháp lý, đạo lý và nhân văn. Khi một DN xả thải ra môi trường, DN ấy vi phạm toàn bộ những nghĩa vụ trên kể cả kinh tế vì anh đã xử lý công việc theo hướng phạm pháp nhằm tiết kiệm chi phí, vi phạm an toàn môi sinh, gây tai họa cho cộng đồng và chắc chắn là vô nhân đạo!

Chúng ta biết một DN phải hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ dù theo chủ thuyết kinh tế nào đi nữa. Chúng ta được biết nhiều công ty Hoa Kỳ đã có những chương trình nhân văn sâu rộng như Merck, một công ty dược phẩm, đã cung cấp miễn phí loại thuốc trị bệnh “mù sông” cho dân cư vùng nhiệt đới ở châu Phi và châu Mỹ La-tinh, gồm 11 triệu người thuộc 32 nước bằng một loại thuốc của họ trị loại bệnh này; hay các công ty Apple, Hewlett Packard, Mc Donald, Coca-Cola, Xerox... có nhiều chương trình cung ứng tiền, thiết bị cho nhiều trường học, vì họ quan niệm học sinh là khách hàng, người lao động tương lai... Ở VN, các công ty như Unilever, Vinamilk cũng có nhiều chương trình thiết thực...

VHĐN Việt Nam đang ở đâu?

Trong lúc nói chuyện với các doanh nhân trong ngày DN Việt Nam (11/10/2016), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh tới việc kêu gọi xây dựng VHĐN. Ông nói:

“Nếu như DN Mỹ có đặc trưng của tính tự do, phóng khoáng, có thiên hướng thực dụng; DN Nhật có tính kỷ luật, sự tận tụy và tinh thần hợp tác mang thiên hướng



gia đình; DN Hàn Quốc có đặc trưng là trung thành, trách nhiệm, tính cam kết cộng đồng rất cao; DN Đức thể hiện tính chính xác, thận trọng, kỷ luật và thực tế. Vậy nét văn hóa của DN Việt Nam là gì? Tôi nghĩ đó là câu hỏi mà tự mỗi DN sẽ có câu trả lời của riêng mình.

Nhưng tôi cho rằng các nguyên tắc cơ bản hay nói cách khác là những giá trị cốt lõi chính là nền tảng, là sức sống của VHDN. Những nguyên tắc hay giá trị đó có thể là: “liêm chính”, “sáng tạo”, “chuyên nghiệp”, “tận tụy” hay “trách nhiệm môi trường”... Chừng nào xã hội, khách hàng còn tin vào những giá trị và nguyên tắc này của một DN thì DN đó còn có cơ hội phát triển lớn mạnh. VHDN là phương tiện hữu hiệu nhất để chúng ta hòa nhập, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới”.

Trước đó, ông đã ca ngợi các tập đoàn Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ như Toyota, Sony, Samsung, Apple, Ford... không những có thể chinh phục khách hàng trên khắp thế giới mà còn có thể tồn tại và phát triển nhiều thập niên, thậm chí cả trăm năm; và khi gặp khủng hoảng, họ vẫn có thể đứng dậy, vượt lên... Phải chăng là vì họ có một nền tảng VHDN rất mạnh, thậm chí có những thương hiệu đã trở thành biểu tượng của một quốc gia. Những thương hiệu đó đại diện cho những giá trị về sức sáng tạo, tính kỷ luật, sự tiên phong, trách nhiệm xã hội...

Tính chuyên nghiệp hay tinh thần doanh nghiệp

Tinh thần DN là sự dẫn thân vì những giá trị mà mình tin tưởng hay do tổ chức đã để ra, là sự tận tụy phục vụ khách hàng, là sự làm tròn nghĩa vụ công ty về các mặt pháp lý, đạo lý, nhân văn. Tất cả nằm trong một tổng thể hài hòa. Không thể nói vì công ty tôi xây cầu cho dân đi hay đem lại việc làm cho người dân địa phương đó mà anh xả nước thải bừa bãi ảnh hưởng đến môi sinh như chuyện nhà máy thép hay nhà máy điện gần đây...

Chúng ta hiểu tinh thần DN phải được rèn luyện, huân tập, un đúc từ khi còn rất trẻ, mới vào nghề. Người có tinh thần DN sẽ luôn tôn trọng khách hàng nhiệt tâm với công việc. Sẽ không có đất sống cho phờ phớt, chảnh mắng, bún chửi... như một thời đã qua. Sẽ hiểu rằng ai mới là người trả lương cho mình - ông chủ hay khách hàng? Và sẽ hiểu bất kỳ ai trong công ty cũng làm công việc tiếp thị. Thử nghĩ xem một khách hàng lớn, khó khăn lắm mới có thể thiết lập quan hệ, ký hợp đồng đầu tiên. Khi ông ta đến công ty gặp một ông bảo vệ khó chịu, hạch sách... thì có khác nào “đâm sau lưng” công ty, cụ thể ném đi bao công sức của các nhân viên phòng kinh doanh!

Tôi nhớ thời gian làm cho Tập đoàn LG (Lucky-Goldstar) của Hàn Quốc; trong một khóa huấn luyện của công ty, ông giám đốc khu vực đã đưa ra một khái niệm mới về “khách hàng”. Ông yêu cầu nhân viên phải xem đồng nghiệp, cả vợ mình nữa, như khách hàng. Ai nấy cười ồ. Ông giải thích: “Nếu các bạn xem những người chung quanh là khách hàng, các bạn sẽ luôn tôn trọng yêu quý, cẩn trọng trong ứng xử, lời ăn tiếng nói, không dám hờ hững, hắt hủi, hay ở vào tình trạng quên bẵng sự có mặt của họ trong đời sống hàng ngày. Điều ấy hoàn toàn đúng vì chúng ta có thói quen xem nhẹ sự thân quen. Nói như một ngôn ngữ Anh, “sự thân mật sinh ra khinh rẻ” (familiarity breeds contempt), mà các cụ ta hay nói “Yêu chó, chó liếm mặt”.

Suy rộng ra, tinh thần DN không chỉ áp dụng cho DN mà cho mọi giới, mọi ngành nghề. Nó phải ăn sâu trong huyết quản, hay tâm thức người VN hôm nay để anh công an nhìn người dân như ‘khách hàng’ chứ không phải tội nhân dù họ có vi phạm luật giao thông. Nếu anh cứ ôn tồn giải thích và giải quyết, luật là luật. Họ sẽ nộp phạt vui vẻ nếu họ sai, còn nếu nhận thấy đây là lần đầu họ vi phạm vì con đường mang biển cấm mới chưa kịp thông báo thì anh có

thể giải thích cho họ hiểu. Vậy thì anh sẽ mãi là bạn của dân!

Trong tinh thần ấy, các quan chức Bộ Giáo dục xem học sinh và phụ huynh như khách hàng sẽ không thay đổi chương trình xoành xoạch, vì ai lại thay đổi công thức một món ăn vừa chế biến, chưa biết khách hàng có thích không? Hay làm một điều bất cập khác là ép người ta ăn món mà mình biết nấu dù chẳng ra gì! Ví dụ như xem sách giáo khoa là “pháp lệnh” buộc áp dụng và còn ra thông báo “... không được dạy ngoài sách giáo khoa”. Rồi khi dư luận phản đối quá, bèn nói rằng nghĩa là “cần áp dụng cái mới mà không nhất thiết dùng tư liệu cũ vào giảng dạy”. Đến nước này thì khách hàng - học sinh, giáo viên và phụ huynh - bó tay vì chẳng ai hiểu ông Bộ muốn diễn đạt cái gì? Ngôn ngữ quý ông nghe ra còn nhiều “tằng” hơn thơ nữ sĩ họ Hồ.

Bộ Giao thông Vận tải nếu xem hành khách, tài xế là khách hàng thì phải xem lại mấy cái đường ổ voi, mấy cái cầu lũng lảng, nhất là những cái trạm BOT mà nguyên Phó Chủ nhiệm Quốc hội Nguyễn Sĩ Dũng phát biểu nhiều trạm thu tiền kiểu “trấn lột”. Làm đường một nơi, thu tiền một nẻo. Hết sức tùy tiện, vô nguyên tắc và... phạm pháp! Con các Bộ khác... nếu xem người dân là khách hàng thì chắc không để cảnh khai thác tài nguyên, rừng vàng biển bạc cạn kiệt đến độ lũ về không gì cản nổi, ngư dân phải chạy sang xứ người đánh cá để bị bắt bị giết, hay truyền thông mạng đứt hoại mà dân vẫn phải trả tiền...

Tinh thần DN rất cần thiết lúc này. Nếu chúng ta sang một nước gần chúng ta như Thái Lan, chúng ta sẽ thấy cả nước làm du lịch, từ anh tài xế cho đến cô hướng dẫn hay người bán hàng trong siêu thị. Họ hiểu du khách là nguồn lợi. Luôn luôn niềm nở, tươi cười. Chúng ta có ngạc nhiên không khi họ thu hút đến 30 triệu du khách hàng năm, gấp 3 lần so với chúng ta... Vì sao? Trong khi biển họ không đẹp bằng biển của chúng ta, cảnh trí cũng không đặc sắc hơn? Đó chính là do họ có *tinh thần DN*.

Thế nên trong Hội nghị Ngày Doanh nhân, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng đã nhấn mạnh đến niềm tin: “Đánh mất văn hóa nói chung và VHDN nói riêng là đánh mất chính mình. Làm gì có tổn thất nào lớn hơn và khó khắc phục hơn là tổn thất đó”. Đánh mất niềm tin là mất tất cả. “Văn hóa của DN cũng chính là niềm tin của khách hàng”. Liệu DN Việt Nam tạo niềm tin nơi khách hàng chưa? Chúng ta chỉ đếm trên đầu ngón tay về một vài công ty như Vinamilk, Bia Sài Gòn... Cái chúng ta đang thiếu chính là *tinh thần DN*. Nhưng nếu người VN làm cho công ty nước ngoài thì lại được rèn luyện và trang bị?

Tinh thần DN tạo nên nét đẹp cho VHDN, tạo nên hình ảnh về quốc gia, tạo nên thương hiệu không chỉ cho công ty mà cho cả đất nước đó. Nhắc đến Thụy Sĩ,

ta nhớ đến đồng hồ; nhắc đến Nhật bản, ta nhớ hàng điện tử; đến Hoa Kỳ, công nghệ tin học và... chúng ta luôn liên tưởng, cả cái tốt và cái xấu vì thói quen “tổng quát hóa” của tâm lý con người. Vậy thì nhắc đến VN, người nước ngoài sẽ nghĩ đến hình ảnh nào về sản phẩm, về đất nước, con người? Trong năm nhóm biện pháp đưa ra trong Hội nghị Doanh nhân nhằm xây dựng VHDN, có nhóm thứ hai về “xây dựng và phát triển nền tảng VHDN Việt Nam gắn với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc”, và nhóm thứ ba là “... đẩy lùi tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từng doanh nhân và mỗi DN kiên quyết nói không với hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh, gây tổn hại cho xã hội”.

Chúng ta hiểu “Hoàn hảo hóa một sản phẩm có nghĩa chia sẻ niềm vui đến với người mua. Chính trong quá trình này, hạnh phúc của người kinh doanh là niềm hy vọng cung ứng một sản phẩm tốt đẹp trên thị trường hay trong công xưởng. Niềm vui này không phải là niềm vui có được vật chất, sở hữu của cải, nó là một viễn ảnh (vision) hướng dẫn người kinh doanh hoàn tất công việc trước khi công việc đem đến kết quả. Niềm vui này nối kết với trí tuệ chính là hạnh từ bi trong công việc”.

(Thái Kim Lan, *Vài suy nghĩ về đạo đức kinh tế*, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 97)

Chúng tôi nhớ một bài viết cách đây đã lâu về Doanh nhân và tam đức, trong đó chúng tôi đã đề cập đến trường hợp Cấp Cô Độc, người được xem là một biểu tượng muôn đời cho sự kết hợp hài hòa giữa sự phát triển kinh doanh và chăm lo vun trồng ân đức. Nói theo Ingall Holmberg và Jonas Ridderstrale thì “Tình yêu, lòng khao khát, niềm vui, sự hồn nhiên và tính hài hước - tại sao những phẩm chất đó lại không được tán thành ở nhiều công ty? Còn nữa, chúng ta biết rằng điều tốt nhất và điều xấu nhất trên đời đều có liên quan tới tình cảm mạnh mẽ của con người. Công ty nào mong muốn có sức cạnh tranh trong tương lai thì không thể tự tước đi sức mạnh liên quan đến cái mà chúng ta thích gọi là nền kinh tế dựa trên tâm hồn con người”.

(Ingall Holmberg và Jonas Ridderstrale, *Phong cách lãnh đạo có sức truyền cảm*, trích “Quản lý trong thế kỷ XXI”, Lê Hồng Minh dịch)

Quan niệm ngày xưa của Henry Ford là “Tại sao tôi luôn phải thuê cả một con người, trong khi cái mà tôi cần chỉ là một đôi bàn tay”. Ngày nay chúng ta cần toàn bộ con người, cái đầu và trái tim, thân thể và tâm hồn của họ. Không có tâm hồn thì con người chỉ là những cỗ máy rất hạn chế. Vì chỉ có tâm hồn mới tạo nên tinh thần DN, cốt lõi của VHDN và là thành quả của một nền đạo đức kinh doanh bền vững, hướng thiện và nhân bản.

Nếu cần, hãy đi lại từ đầu, ngay hôm nay! ■



Phải chăng

“Triều Nguyễn là một triều đại không được lòng dân”?

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Vừa qua trên *Tuần báo Văn Nghệ TP.HCM* số 470/2017 có đăng tải bài viết *Về quan điểm cho rằng Nguyễn Ánh thống nhất đất nước* của tác giả Nguyễn Văn Toàn (T/g NVT). Bài viết đã nêu ra hai vấn đề chính: “*Nguyễn Huệ trồng cây, Gia Long hái quả*” và đưa ra lập luận “*Triều Nguyễn là một triều đại không được lòng dân*”. Ngoài ý kiến chủ quan của chính mình, T/g bài viết còn nêu một vài ý kiến đánh giá về hai nhân vật chủ đạo lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XVIII là Gia Long - Nguyễn Ánh và Quang Trung - Nguyễn Huệ của một vài giáo sư, tiến sĩ sử học ở Việt Nam.

Theo đó, PGS.TS Trần Đức Cường, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, cho rằng: “*Sau khi lên ngôi, thành lập vương triều Nguyễn năm 1802, nhà Nguyễn đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước - sự nghiệp mà nhà Tây Sơn và người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã mở màn ra nhưng chưa hoàn thiện. Vua Gia Long lên ngôi đã góp phần hoàn thiện vào sự nghiệp thống nhất đất nước*”. Để phủ nhận ý kiến trên của TS Trần Đức Cường, T/g đưa ra một bài viết khác đánh giá về Nguyễn Ánh của PGS.TS Trần Cao Sơn mà T/g cho là nhận định “*rất xác đáng*”. TS Trần Cao Sơn trong bài *Nguyễn Ánh - một ẩn số của lịch sử Gia Long và triều Nguyễn - một thực thể vương quyền Đại Việt trên tạp chí Sông Hương* (số 175/09- 2003) có nhận định: “*Cái khác biệt cơ bản và*

trọng tội của Nguyễn Ánh... Nguyễn Huệ muốn đập tan các thế lực cát cứ để đưa giang sơn về một mối. Nguyễn Ánh lo bảo vệ cho chế độ chúa Nguyễn Đàng Trong của mình”, đồng thời TS Trần Cao Sơn cũng cho rằng “*Nguyễn Huệ trồng cây, Gia Long hái quả*” và t/g NVT rút ra kết luận nhận xét của TS.Trần Cao Sơn là “*rất đúng*”.

Sau khi đọc kĩ, chúng tôi quyết định viết bài này để cùng trao đổi với T/g NVT một vài quan điểm “*chủ quan*” của chúng tôi về những vấn đề liên quan đến giai đoạn lịch sử thời chúa Nguyễn, Tây Sơn và nhà Nguyễn mà tác giả đã đề cập trong bài báo trên.

Phủ nhận công lao và thành quả của thời chúa Nguyễn xứ Đàng Trong và vương triều Nguyễn

Bài viết và lập luận của T/g NVT đưa ra với một mục đích là đề cao triều đại Tây Sơn - Quang Trung và hạ thấp vai trò vương triều Nguyễn, thậm chí là phủ định sạch trơn vai trò của các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong, bài viết có đoạn: “*Thực tế là các chúa Nguyễn, các đời trước của Nguyễn Ánh, trong vòng 100 năm đều không thể thắng được các chúa Trịnh. Hai dòng họ Trịnh - Nguyễn đánh nhau 7 lần với những trận chiến ác liệt, có khi kéo dài năm này qua năm khác nhưng bất phân thắng bại. Cuộc chiến tranh đã làm hao tổn sức người, sức của dân, triệt phá đồng ruộng, xóm làng*”. Quả đúng

là trong 46 năm ròng rã, hai bên Trịnh - Nguyễn đánh nhau lớn bảy lần và một số lần đánh nhau quy mô nhỏ hơn. Cả hai bên đều kiệt quệ về sức người sức của nên phải chấp nhận đình chiến, chia cắt lâu dài. Sông Gianh, sử sách hay gọi là Linh giang, trở thành ranh giới chia nước Đại Việt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tuy nhiên không vì thế mà chúng ta không đề cập hay quên đi những công lao, những đóng góp của các chúa Nguyễn đối với nửa phần còn lại của đất nước. GS. Phan Huy Lê - Chủ tịch danh dự Hội Khoa học Lịch sử VN trình bày trong buổi thông tin khoa học “*Một số thành tựu mới trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam*” do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức tại Hà Nội vào ngày 22/2/2017 đã nhấn mạnh: “*Một trong những công lao rất lớn của chúa Nguyễn và nhà Nguyễn là mở mang bờ cõi, thống nhất đất nước, khai phá đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1757 chúa Nguyễn đã định hình được lãnh thổ VN mà về cơ bản gần giống như lãnh thổ VN hiện nay từ phía Bắc vào Cà Mau, từ Tây Nguyên ra biển, bao gồm cả vùng biển, các đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. Nhà Nguyễn có công rất lớn trong việc hình thành và định hình một nhà nước thống nhất và xác lập lãnh thổ - không gian sinh tồn của nước Việt Nam. Công lao nhà Nguyễn về phương diện này không thể chối cãi. Đã đến lúc cần nhìn rõ công, tội của nhà Nguyễn*”. Đặc biệt, GS Lê đã chỉ ra nhiều khoảng trống lịch sử nguy hiểm trong tư duy, nhận thức về lịch sử VN hiện nay. Qua đó, T/g NVT đã lược bỏ, cắt xén, cố tình “lờ đi” không đề cập phần công lao của các chúa Nguyễn Đàng Trong trong công cuộc dựng nước và mở nước. Bài viết T/g chỉ với một mục đích là để đi đến kết luận phủ nhận vai trò, công lao mở cõi, thống nhất đất nước của chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn.

Để đánh giá vai trò, vị trí, và tầm ảnh hưởng của Quang Trung - Nguyễn Huệ dưới triều đại Tây Sơn. T/g NVT viết: “*Sau khi đánh bại quân Thanh vào năm 1789, Quang Trung - Nguyễn Huệ trở thành nhà lãnh đạo tối cao của triều Tây Sơn và là vị Hoàng đế duy nhất cai trị tại Việt Nam vì Nguyễn Nhạc đã bỏ đũa hiệu, Lê Chiêu Thống đã chạy sang Trung Quốc, còn Nguyễn Ánh khi đó địa bàn còn nhỏ hẹp và chưa xưng đế. Vua Quang Trung còn có được uy tín lớn sau chiến công chống quân Thanh, được nhà Thanh công nhận là vị vua chính thống của Việt Nam (thay thế địa vị của nhà Hậu Lê), lại dẹp bỏ được mâu thuẫn trong nội bộ nhà Tây Sơn và nắm quyền lãnh đạo thống nhất (vua anh Nguyễn Nhạc đã bỏ đũa hiệu, tự giáng xuống làm vương để tỏ ý quy phục sự lãnh đạo của Quang Trung)*”. Những gì tác giả trình bày ở trên tựu trung đã để lộ những lỗ hổng kiến thức cơ bản về lịch sử dân tộc, sự lệch lạc về quan điểm, không biết đến những nhìn nhận mới về vai trò của vua Gia Long - Nguyễn Ánh trong công cuộc chấm dứt loạn Tây Sơn để thống nhất đất nước. Trên thực tế, thời đại loạn lạc nhất trong lịch sử Đại Việt chính là

khoảng thời gian hậu bán thế kỷ XVIII. Sau khi chấm dứt thế lực Trịnh - Nguyễn bằng võ lực, anh em nhà Tây Sơn lại bước sang cảnh “huynh đệ tương tàn”, đất nước dưới thời Tây Sơn chủ yếu bị chia cắt thành ba khu vực; đó là Phú Xuân, kinh đô của Quang Trung; Đồ Bàn (tức Hoàng đế thành - Quy Nhơn), thủ phủ của vua Thái Đức-Nguyễn Nhạc (anh trai Nguyễn Huệ); và Gia Định, thủ phủ tạm thời của Nguyễn Ánh giành lại dưới tay Nguyễn Lữ (em trai Nhạc, Huệ). Cố sử gia Tạ Chí Đại Trường trong cuốn *Lịch sử nội chiến Việt Nam từ 1771 đến 1802* đã nhận xét giai đoạn rối ren này như sau: “*Ngôi sao Nguyễn Huệ có chói sáng rực rỡ vì chiến công cũng không che lấp được tính cách mâu thuẫn bấp bênh của chế độ Tây Sơn. Cho nên, Nguyễn Hữu Chỉnh có độc giữa xứ Bắc Hà cũ kỹ trong thành kiến đến phải mắc tội ‘bội phản’ mà chết, Nguyễn Nhạc ôm lấy Chà Bàn chờ Nguyễn Ánh mạnh lên... Cho nên, họ phải chịu sự hủy diệt - cụ thể là sự hủy diệt thân xác - để cho trào lưu kia (Tây Sơn) tan biến hình thức để kháng mạnh mẽ nhất*”. Sau khi tiến quân ra Bắc lật đổ chúa Trịnh năm 1786, giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc đã bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Do chủ trương trong các cuộc chiến, phân chia cai quản lãnh địa, quyền lợi thu được trong chiến tranh của hai anh em khác nhau, đồng thời Nguyễn Nhạc không yên tâm với sự phát triển thế lực riêng của Nguyễn Huệ. Nền khoảng đầu năm 1787, Nguyễn Huệ chủ động mang 60.000 quân Nam tiến vây thành Quy Nhơn của Nguyễn Nhạc. Sau biến cố đó, hai anh em cũng đã giảng hòa nhưng rạn nứt thì không thể cứu chữa. Có thể nói chính Quang Trung là người tạo tiền lệ xấu cho hàng loạt mâu thuẫn nội bộ sau này. Ở Bắc Hà, Nguyễn Hữu Chỉnh nhân lúc Tây Sơn lục đục bèn có ý chống lại Tây Sơn. Nguyễn Huệ phái Vũ Văn Nhậm, con rể của Nguyễn Nhạc, ra tiêu diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Tuy nhiên, đến lượt Vũ Văn Nhậm chuyên quyền, có ý chống Nguyễn Huệ. Tháng 4 năm 1788, Lê Chiêu Thống đã bỏ kinh đô lưu vong. Nguyễn Huệ phải đem quân ra Bắc lần thứ hai, giết Vũ Văn Nhậm. Có thể thấy, nhà Tây Sơn ngay từ đầu đã có sự “bấp bênh” về mặt bản chất cai trị và nội bộ lục đục, dẫn đến tình trạng thanh toán lẫn nhau ngay bên trong chính quyền khiến đất nước, nhân dân vẫn mãi chìm trong cơn binh hỏa liên miên. Có thể nói rằng, thời Tây Sơn là giai đoạn biến loạn nhất, rối ren nhất trong giai đoạn lịch sử Việt Nam hậu bán thế kỷ XVIII chứ không là một “triều đại tiến bộ” và “rất hợp lòng nhân dân” như T/g NVT đã viết.

Đi ngược lại các giá trị truyền thống và quan điểm tư duy nhận thức về lịch sử dân tộc Việt Nam

Trên thực tế, các vua chúa triều Nguyễn cũng có nhiều công lao to lớn trong sự nghiệp mở nước và thống nhất đất nước, chấm dứt nội chiến... mà vì



nhiều lý do, T/g NVT cố tình bỏ quên hoặc lảng tránh, không nhắc đến các sự kiện đó, hoặc khi buộc phải nhắc đến thì lại cố tình gán ghép cho những động cơ sai trái, suy diễn theo hướng có tội. Đó là một thái độ không công bằng, thiếu tôn trọng sự thật khách quan.

Trong toàn bộ bài viết, T/g NVT đã sử dụng những tư duy và quan điểm có phần chủ quan từ phía T/g và một phần do những kiến thức và quan niệm cũ của thời đại trong vấn đề đánh giá và nhìn nhận vấn đề lịch sử mà T/g đã tiếp nhận trước đó. T/g nhận định “*Triều Nguyễn là một triều đại không được lòng dân*”, đánh giá “*Nguyễn Ánh, đại diện cho giai cấp phong kiến, đã tước đoạt đi thành quả vĩ đại của phong trào Tây Sơn cũng như các cải cách tiến bộ của vua Quang Trung*”. Để minh chứng cho “*thành quả vĩ đại*” mà Tây Sơn đã đạt được, T/g đã trích dẫn bài *Tụng Tây Hồ phú* của Nguyễn Huy Lượng² như sau: “*tình hình thương nghiệp (nội thương và ngoại thương) nước ta thời vua Quang Trung được phục hưng và phát triển. Mô tả Thăng Long bấy giờ, nhà nho Nguyễn Huy Lượng sống dưới thời Tây Sơn viết: ‘Lò Thạch khói khói tuôn nghi ngút, thoi oanh nọ gheo hai phường dệt gấm, lửa đom đóm nhen năm xã gây lò; và ‘rập rình cuối bãi đuôi nheo, thuyền thương khách hãy nhen buồm bướm bướm’ (Phú Tụng Tây Hồ). Nền ngoại thương nước ta thời Quang Trung khác hẳn với ngoại thương thời vua Lê chúa Trịnh, chúa Nguyễn trước đó. Nó xuất phát từ yêu cầu nội tại của nền kinh tế và đời sống của nhân dân, từ yêu cầu đẩy mạnh nền kinh tế hàng hóa. Tư tưởng ‘thông thương’ tiến bộ của vua Quang Trung đã thể hiện nhân quan kinh tế rộng mở phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, đó là mở cửa ải, thông thương buôn bán, khiến cho các hàng hóa không ngừng chuyển động để làm lợi cho dân chúng*”. T/g đã có sự nhầm lẫn khi không xét đến khoảng thời gian ra đời của bài phú này chăng? Bởi vì Nguyễn Huy Lượng sáng tác bài này trong hoàn cảnh triều Quang Toàn phải lục đục bỏ Phú Xuân (do bị Nguyễn Ánh chiếm) để chạy ra Bắc vào 1801 (năm cuối cùng của mặt triều Tây Sơn-Quang Toàn), thủ hỏi một

đất nước đang trong tình trạng chiến tranh, binh lửa thì lấy đầu ra cảnh “*Lò Thạch khói khói tuôn nghi ngút, thoi oanh nọ gheo hai phường dệt gấm... rập rình cuối bãi đuôi nheo, thuyền thương khách hãy nhen buồm bướm bướm*”. Chẳng qua, Nguyễn Huy Lượng với danh nghĩa thân tử triều Cảnh Thịnh, nhiệm vụ bắt buộc phải sáng tác bài phú ca ngợi sự “*phồn vinh*” giả tạo mặt triều Cảnh Thịnh để người ngoài đi nỗi buồn tha phương của ông vua trẻ Quang Toàn trong tình trạng phải bỏ cả kinh đô Phú Xuân do vua cha Quang Trung gây dựng để chạy trốn ra Thăng Long trước sự phát triển như vũ bão của lực lượng Nguyễn Ánh ở Phú Xuân. Thời điểm đó triều đại Tây Sơn - Cảnh Thịnh (Quang Toàn) đã đang trong sự suy tàn trên đà sắp tắt hẳn của ngọn lửa Tây Sơn. Tháng 6 âm lịch năm 1802, Gia Long tiến ra chiếm được Thăng Long, Quang Toàn không chống nổi, bỏ chạy và sau đó bị bắt. Nhà Tây Sơn bị tiêu diệt, Gia Long chính thức thống nhất quốc gia. Dấu ấn về vang duy nhất mà thời đại Tây Sơn để lại là hai cuộc đại thắng giặc Xiêm và quân Thanh xâm lược dưới thời chỉ huy của vị vua cha - nhà lãnh đạo thiên tài quân sự Nguyễn Huệ. Những cải cách dưới thời Quang Trung trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, ngoại giao đúng là có những mặt tích cực, tiến bộ nhằm xây dựng Đại Việt trở nên hùng mạnh hơn nhưng rốt cục chính sách đó chưa thực hiện triệt để đã tan theo mây khói trước cái chết của vị anh hùng áo vải (1792, Quang Trung mất). Trên thực tế, triều đại Tây Sơn do Quang Trung sáng lập thời gian tồn tại rất ngắn ngủi (24 năm), thực chất “*thành quả vĩ đại*” mà triều đại Tây Sơn để lại chỉ là những cuộc nội chiến liên miên, tranh quyền đoạt vị giữa anh em nhà Tây Sơn và những cuộc thanh toán nội bộ trong hàng ngũ tướng tá Tây Sơn như Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh rồi sau đó là Bùi Đắc Tuyên, Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu dưới triều Quang Toàn. Năm 1787 - 1788, Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về đã chiếm lại Gia Định từ tay Nguyễn Lữ, đồng thời cho xây dựng lực lượng ở Gia Định, đắp Gia Định thành, làm bàn đạp tiến hành chiến tranh chống lại Tây Sơn cho đến 1802 thì thống nhất đất nước. Trong đó có việc tiêu diệt thế lực Nguyễn Lữ ở Gia Định năm 1787, đánh bại Nguyễn Nhạc năm 1793 và cuối cùng tiến ra Thăng Long chấm dứt triều đại Cảnh Thịnh - Nguyễn Quang Toàn.

Nếu thời các chúa Nguyễn, nhà Nguyễn là một triều đại không hợp lòng dân thì vua Gia Long - Nguyễn Ánh dựa vào cơ sở, lực lượng nào để chiến thắng Tây Sơn? Bởi Gia Long không thể chỉ “*tọa hưởng kỳ thành*” (ngồi không hưởng thành quả) mà thống nhất đất nước; thực chất, đó là một cuộc chiến tranh kéo dài 14 năm rất gian khổ với nhiều bước thăng trầm rất ác liệt. Trong lịch sử, chúng ta có thể thấy nhà Nguyễn có những vị tướng như Võ Tánh, sẵn sàng tử tiết vì chủ để giữ vững thành Diên Khánh nhằm giúp Nguyễn Ánh thực hiện ý đồ chiến lược tiến ra Phú Xuân; như Lê Văn Duyệt dững

cảm quên thân trong muôn ngàn mũi tên làn đạn Tây Sơn ở trận thủy chiến Thị Nại; hay những tình cảm mà người dân Nam Bộ dành cho các chúa Nguyễn, cho Gia Long vẫn còn lưu lại dấu tích cho đến ngày nay. Trong văn học dân gian còn nhiều khúc hát ca dao mang tính chất thời sự liên quan đến lịch sử thời chúa Nguyễn, phản ánh tâm tư và tình cảm của người dân đối với vua Gia Long, người đã có công thống nhất nước nhà, đem giang sơn về một mối.

*"Lạy trời cho chóng gió nổi
Cho thuyền chúa Nguyễn thuận buồm trẩy ra".*

Đất Nam Bộ là thành quả công nghiệp mở cõi của tám đời chúa Nguyễn ở Thuận Hóa - Phú Xuân. Đặc biệt là vai trò của lực lượng thủy quân trên biển dưới thời các chúa Nguyễn cho đến nhà Nguyễn và chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam đã sớm được xác lập dưới các triều đại này. Theo sách *Đại Nam thực lục*, vào tháng 7 năm Quý Hợi (1803), nghĩa là chỉ mới mấy tháng sau khi thành lập vương triều, vua Gia Long đã quyết định "lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập đội Hoàng Sa"³. Ngày 17 tháng 2 năm Giáp Tý (1804), vua Gia Long bãi bỏ tên gọi cũ của nước An Nam và chính thức xưng quốc hiệu mới Việt Nam, đồng thời tập trung đẩy mạnh hoạt động bảo vệ an toàn các vùng biển đảo giữa Biển Đông, phát huy trên một tầm cao mới truyền thống khai thác và bảo vệ biển đảo từ thời các chúa Nguyễn. Năm 1820, Minh Mệnh lên ngôi hoàng đế, được sử sách đánh giá là một vị vua anh minh, suốt 20 năm trị vì của mình, ông đã đẩy hoạt động chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa lên đỉnh cao nhất của tất cả các triều đại quân chủ Việt Nam. Ngay cả chính trong giai đoạn thoái trào của triều Nguyễn, bên cạnh những vị vua ham vương vị chấp nhận làm bù nhìn cho thực dân Pháp như Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại thì cũng có không ít những vị vua yêu nước của vương triều này, sẵn sàng từ bỏ ngai vàng của mình để đấu tranh, chống lại sự xâm lược của thực dân, hy sinh vì sự nghiệp độc lập dân tộc như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Đến nay, những cống hiến, công lao của các vị vua yêu nước triều Nguyễn vẫn còn mãi trong tấm lòng của người dân cố đô Huế nói riêng và Việt Nam nói chung. Bằng chứng là cứ mỗi dịp 23/5 âm lịch hằng năm, người dân ở Huế lại tổ chức lễ tế tưởng niệm ngày "Thất thủ kinh đô", ngày mà cách đây 132 năm trước, hàng ngàn binh lính triều đình dưới sự chỉ huy Tôn Thất Thuyết và vị vua yêu nước Hàm Nghi đã sát cánh cùng hàng vạn nhân dân Huế chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, hy sinh anh dũng để bảo vệ mảnh đất này trước gót giày xâm lược của thực dân Pháp.

Chúng ta không thể phủ nhận vai trò, tầm vóc của vua Quang Trung và triều đại Tây Sơn trong lịch sử dân tộc, nhưng cũng không thể vì điều đó mà hạ thấp công

lao của vua Gia Long trong tiến trình chấm dứt tình trạng cát cứ, chia cắt đất nước, thống nhất quốc gia, cũng như vai trò của triều Nguyễn trong việc xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam trong dòng chảy khách quan của lịch sử dân tộc.

Trong hội thảo quốc gia với chủ đề *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX* năm 2008, GS Phan Huy Lê chỉ ra "sự phê phán, lên án đến mức độ gần như phủ định mọi thành tựu của thời kỳ các chúa Nguyễn và triều Nguyễn trước đây là quá bất công, thiếu khách quan, nhất là khi đưa vào nội dung sách giáo khoa phổ thông để phổ cập trong lớp trẻ và xã hội... các nhà sử học dĩ nhiên có trách nhiệm của mình trong vận dụng phương pháp luận sử học chưa được khách quan, trung thực". Trên tờ *Sông Hương* (Huế) vào năm 1987, cố GS.Trần Quốc Vượng đã bày tỏ chính kiến "Tôi không thích nhà làm sử cứ theo ý chủ quan của mình, và từ chỗ đứng của thời đại mình mà chủ trương phủ lấp toàn bộ nhà Nguyễn cho sừng miêng và ra về có lập trường. Có thời nhà Nguyễn chúng ta mới có một Việt Nam hoàn chỉnh như ngày nay".

Ca Huế, Nhã nhạc (triều Nguyễn), Quần thể di tích cố đô, Hệ thống phủ đệ, Âm thực, Lễ hội, Hệ thống Mộc bản triều Nguyễn... Đó là những giá trị vật chất lẫn tinh thần mang ý nghĩa quốc hồn quốc túy của dân tộc. Những tinh hoa đó không phải được tạo ra trong ngày một, ngày hai, mà được xây dựng bằng mồ hôi, tâm huyết của bao nhiêu thế hệ cha ông, tổ tiên. Là thế hệ trẻ, chúng tôi cảm thấy tự hào mình là người dân cố đô, thừa hưởng những giá trị văn vật tốt đẹp mà cha ông để lại, giờ đây chúng tôi phải có trách nhiệm gìn giữ, bảo đảm, đối xử với lịch sử, với văn hóa một cách công bằng hơn, xứng đáng hơn. ■

Chú thích:

1. Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, Nxb Tri Thức, 2014, tr.341, 342.
2. Nguyễn Huy Lượng (? - 1808) là văn thần và là nhà thơ ở cuối đời Lê trung hưng, nhà Tây Sơn đến đầu đời nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo Dục, 2002, tr.565-566.

Tài liệu tham khảo:

1. Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, Nxb Tri Thức, 2014.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo Dục, 2002.
3. Phan Huy Lê, *Công cuộc khôi phục thống nhất quốc gia cuối thế kỷ XVIII*, tạp chí *Xưa & Nay*, số 486 tháng 8/2017.
4. Nguyễn Quang Ngọc, *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa - Trường Sa trong thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX*, tạp chí *Xưa & Nay*, số 486 tháng 8/2017.



Việt Nam Quốc Tự

Sa-môn THÍCH GIÁC TOÀN

Kỷ niệm Đại lễ Khánh thành Việt Nam Quốc Tự, Q.10, TP.HCM
(19/9/Đinh Dậu, nhằm ngày 07/11/2017)

1.

THIỆN QUANG BẤT TẬN

Việt siêu Tổ phụ anh linh

Việt ngàn năm vẫn hữu tình non sông

Việt Hùng huyết thống Tiên Rồng

Việt Phật nhuần rạng Lạc Hồng thiêng liêng.

Nam dòng tộc mãi nhiệm huyền

Nam phương phúc địa Rồng Tiên giống nòi

Nam bang chữ "S" ngời ngời

Nam Việt bùng sáng tuyệt vời Biển Đông.

Quốc ca âm điệu hưng long

Quốc kỳ sắc thắm tươi hồng giang sơn

Quốc dân, quốc túy, quốc hồn

Quốc thiên thu đẹp dấu son nghĩa tình.

Tự tu, tự dưỡng huyền minh

Tự nguồn sử ngọc tâm linh ngút ngàn

Tự lòng bất tận thiện quang

Tự vô ngôn tỏa ánh vàng long lanh.

2.

DẤU SON LỊCH SỬ

Thế kỷ hai mươi đành rành

Thập niên lục thập sử xanh lưu truyền

Bồ-tát Quảng Đức rộng tuyên

"**Quả tim bất diệt**" tịnh yên ta-bà

Nam-mô Bát-nhã Ba-la

Ánh lửa bùng cháy, nở hoa đại hiển
Việt Nam Quốc tự hạo nhiên
 Dấu son lịch sử pháp duyên Sài thành
Bi hùng ca... ấn thiên sanh
Bi hùng ca... rạng rỡ danh đạo trường
Bi hùng ca... cảm mười phương
Bi hùng ca... sáng soi đường nhân gian
 Tham sân si... kết trái oan
Quả tim bất diệt khai đàn từ bi
 Tham sân si... lỗi đạo nghi
Quả tim bất diệt lưu ly thể trần
 Người về tọa thị chân nhân
Quả tim bất diệt hiển thân hoàng dương
Lửa từ bi... hiện cát tường
Lửa từ bi... đẹp chơn thường tịnh thanh
Lửa từ bi... nhiếp tử sanh
Lửa từ bi... chuyển hóa thành linh nham.

3.

TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Việt Nam Quốc tự trắng rằm
Việt Nam Quốc tự tịch trầm thặng hoa
 Vào năm một chín sáu ba
 Trái tim Bồ-tát kết tòa đại bi
 Hùng tâm bất khả tư nghi
 Bốn ngàn độ nóng khó bì Kim cang
 Năm mươi tư năm¹ hòa quang
Việt Nam Quốc tự viết trang sử hồng
 Hào hùng trí lực tâm thông
 Tánh hạnh niệm tín văn phong chơn hà
 Đức xưa chiếu diệu hằng sa
 Phụng thờ ứng hiện tháp ngà sen thiêng
 Lục phàm Tứ thánh nhiệm huyền
 Tam tôn đỉnh ngự mối giếng Phật tông
Quả tim bất diệt tịnh không
 "Tùng địa dũng xuất" thanh trong biển trời
 Sắc màu rực rỡ mười mười
 Tâm đưa tài hóa... hộ đời bình an.

4.

TỰ PHÚC HỒNG ÂN

Dòng thời gian... nổi thời gian
 Tứ đức thường lạc Niết-bàn nhất như
 Phật Pháp Tăng... kết thuyền từ
 Giới Định Tuệ... tự kinh thư hoằng truyền
 Thập nhật an trú nội thiên²
 Quán soi giải thoát nghiệp duyên phong trần
 Ta về tìm lại chân thân
 Ngã như thị ngã, hóa phần bể dâu
 Ta về luật luận thượng cầu
 Báo thân thị báu, nhiệm mầu bến xưa
 Lục thời tịnh hóa thuyền đưa
 Sáu căn trần thức... mộng thừa xả buông
 Tự thân cảm nhiếp vô thường

Thắng tâm vô lượng cát tường nhân gian
 Đạo đời chuyển độ trái oan
 Tinh tấn hỷ lạc tịnh đàn thậm thâm
Việt Nam Quốc tự trắng rằm
Việt Nam Quốc tự hùng tâm bao đời
Quốc tự hồng ân tuyệt vời
Quốc tự tự phúc tình người xưa nay.

5.

TUỆ GIÁC THĂNG HOA

Con quỳ kính lạy Như Lai
 Kính Phật ân đức sâu dày ngàn sau
 Độ con tình giác chiêm bao
 Như thật, như thị mật đào huyền thân
 Độ con giác ngộ ảo trần
 Như thật, như thị thất phần³ phạm âm
Việt Nam Quốc tự trắng rằm
Việt Nam Quốc tự ngàn năm vẫn là
 Nam-mô Bát-nhã Ba-la
 Nam-mô Tuệ giác thăng hoa chính mình
 Nam-mô Bát-nhã Tâm kinh
 Chánh đẳng chánh giác huyền linh nhiệm mầu
 Nhất tâm thành kính nguyện cầu...

PV.Minh Đăng Quang, 20/6N/Đình Dậu ■

Chú thích:

1. Từ năm 1963 đến năm 2017.
2. Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM tổ chức khóa cấm túc an cư trong 10 ngày tại Việt Nam Quốc Tự.
3. Thất Bồ-đề phần hay Thất giác chi gồm có: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.



Duy tuệ thị nghiệp

NGUYÊN GIÁC

“**D**uy tuệ thị nghiệp” là câu nói trong kinh *Bát đại nhân giác*, có nghĩa là “chỉ có trí tuệ mới xứng đáng là sự nghiệp”, một cách nói nhấn mạnh về trí tuệ, về vai trò quan trọng của trí tuệ trong đời sống của con người. Câu nói hàm ý như vậy: Hãy lấy trí tuệ làm sự nghiệp của đời mình; hãy nỗ lực nuôi dưỡng và phát triển trí tuệ; hãy dùng trí tuệ soi sáng cho đời sống của mình; hãy dồn mọi nỗ lực trong cuộc đời để đạt cho được trí tuệ.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật đánh giá cao vai trò của trí tuệ:

“Ít có giá trị, này các Tỳ-kheo, là những mất mát này, như mất mát bà con. Cái này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỳ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.

Ít có giá trị, này các Tỳ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng bà con. Cái này là tối thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỳ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ.

Ít có giá trị, này các Tỳ-kheo, là những mất mát này, như mất mát tài sản. Cái này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỳ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.

Ít có giá trị, này các Tỳ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng tài sản. Cái này là tối thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỳ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ.

Ít có giá trị, này các Tỳ-kheo, là những mất mát này, như mất mát danh tiếng. Cái này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỳ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.

Do vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải học tập như sau: ‘Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ.’ Như vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải học tập¹.

Vì sao trí tuệ (*pañña/ ñāṇa/ vijjā*) được nhấn mạnh và đánh giá cao trong đạo Phật?

Vì mục đích diệt khổ và thoát khổ. Vì chỉ có trí tuệ mới khiến cho cuộc đời vui khổ, mới giúp cho con người giải quyết tận gốc rễ vấn đề khổ đau nhân sinh. Đạo Phật quan niệm về nhân sinh và mục tiêu của nhân sinh qua bốn chân lý cao cả gọi là Tứ Thánh đế: chân lý về khổ, chân lý về khổ tập khởi, chân lý về khổ đoạn diệt, chân lý về con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nhấn mạnh rằng chỉ có trí tuệ mới giúp cho con người đạt được bốn chân lý, tức giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi, thành tựu mục tiêu cứu cánh của nhân sinh².

Tôn giả Mahàkotthita hỏi Tôn giả Sàriputta:

“Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là trí tuệ?

- Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: đây là Khổ, có tuệ tri: đây là Khổ tập, có tuệ tri: đây là Khổ diệt, có tuệ tri: đây là Con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ³.

Trên đây là ý nghĩa tổng quát của trí tuệ được nói đến trong đạo Phật nguyên thủy, tức là sự thông đạt về khổ, về nguyên nhân của khổ, về sự diệt khổ và về con đường hay phương pháp đưa đến sự diệt khổ.

Một ý nghĩa khác trong Kinh tạng Pàli xác nhận rõ vai trò và công năng của trí tuệ gắn liền với mục tiêu đoạn tận khổ đau sinh tử luân hồi: *“Trí tuệ có nghĩa là thắng tri (abhinnatthà), có nghĩa là liễu tri (parinnatthà), có nghĩa là đoạn tận (pahānatthà)⁴.*

Thắng tri (*Abhijānāti*) hay thấy biết thù thắng, có nghĩa là thông hiểu khổ qua kinh nghiệm tu tập Bát Thánh đạo hay qua sự thực tập chuyển hóa tự nội bằng con đường Giới-Định-Tuệ, thấy rõ bản chất biến

hoại khổ đau hàm tàng trong mọi hiện hữu, trong con người ngũ uẩn, có khả năng dứt trừ vô minh, buông bỏ mọi tập quán tham ái và chấp thủ, hướng đến chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi.

Liễu tri (*Parijànāti*) có nghĩa là thấy biết rõ ràng khổ đau, nguyên nhân khổ đau, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ, hoàn toàn thoát ly khổ đau sinh tử luân hồi. Đây là cái thấy biết của Đức Phật và của các bậc đã giác ngộ.

Đoạn tận (*Pahàna*) có nghĩa là cắt đứt hoàn toàn mọi nguyên nhân gây nên khổ đau sinh tử luân hồi, không còn tái sinh, chấm dứt khổ đau ngay trong đời này. Đó là sự đoạn tận dục hỷ (*nandi*), hay tham-sân-si, hay các lậu hoặc (dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu), hay các kiết sử (thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân, sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh), gọi chung là đoạn tận sanh y (*upadhi*) hay dứt trừ hữu kiết sử (*bhavasamyojana*).

Như vậy, nói đến trí tuệ tức là nói đến sự hiểu biết gắn liền với kinh nghiệm tu tập, gắn liền với sự thực chứng Tăng thượng giới (*Adhisīla*), Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), Tăng thượng trí tuệ (*Adhipanna*), gắn liền với giải thoát khổ đau (*dukkha-khaya*) sinh tử luân hồi. Đó là một loại hiểu biết đặc biệt, có năng lực loại bỏ các tập quán mê lầm, có sức đề kháng đối với khổ đau và nguyên nhân làm sinh khởi khổ đau, khiến khổ đau không có cơ hội phát sinh, đi đến chấm dứt, đi đến diệt tận.

Tiếp theo, chúng ta nghe Thế Tôn cắt nghĩa chi tiết thế nào là tuệ tri về khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt và con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đưa đến liễu tri khổ đau và đoạn tận khổ đau. Nói khác đi, muốn có được trí tuệ hướng đến giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi thì con người cần tập trung nắm bắt và thực hành theo những gì bậc Giác ngộ đã giảng dạy sau đây:

“*Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo như thật tuệ tri: ‘Đây là khổ; như thật tuệ tri: ‘Đây là khổ tập; như thật tuệ tri: ‘Đây là khổ diệt; như thật tuệ tri: ‘Đây là con đường đưa đến khổ diệt.’*

Và *này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ.*

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là sanh.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới hạn, sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này các Tỳ-kheo, như vậy là già.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự tử trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là chết.

Này các Tỳ-kheo, thế nào gọi là sầu? Này các Tỳ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với

những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn, nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là sầu.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là bi? Này các Tỳ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là bi.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ? Này các Tỳ-kheo, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là khổ.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là ưu? Này các Tỳ-kheo, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là ưu.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là não? Này các Tỳ-kheo, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là não.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là cầu bất đắc khổ? Này các Tỳ-kheo, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: ‘Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh’. Lời cầu mong ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ! Này các Tỳ-kheo, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: ‘Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi được chịu sầu, bi, khổ, ưu, não’. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy là cầu bất đắc khổ.

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là tóm lại, Năm Thủ uẩn là khổ? Như Sắc thủ uẩn, Thọ thủ uẩn, Tưởng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn. Này các Tỳ-kheo, như vậy là tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế? Sự tham ái đưa đến tái sanh, cầu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Như dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Này các Tỳ-kheo, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu, khi an trú thì an trú ở đâu? Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái. Ở đời con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời cái tai... ở đời mũi... ở đời lưỡi... ở đời thân... ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời các sắc... ở đời các tiếng... ở đời các hương... ở đời các vị... ở đời các cảm xúc... ở đời các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức... ở đời thân thức... ở đời ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời nhân xúc... ở đời nhĩ xúc... ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc... ở đời thân xúc... ở đời ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời nhân xúc sở sanh thọ... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ... ở đời thân xúc sở sanh thọ... ở đời ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng... ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư... ở đời hương tư... ở đời vị tư... ở đời xúc tư... ở đời pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái... ở đời hương ái... ở đời vị ái... ở đời xúc ái... ở đời pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời sắc tâm... ở đời thanh tâm... ở đời hương tâm... ở đời vị tâm... ở đời xúc tâm... ở đời pháp tâm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ... ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Đây các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này các Tỳ-kheo, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khi xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy).

Này các Tỳ-kheo, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đâu, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu? Ở đời các sắc gì thân, các sắc gì ái, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc gì thân, sắc gì khả ái? Ở đời con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời lỗ tai... ở đời mũi... ở đời lưỡi... ở đời thân... ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời các sắc... ở đời các tiếng... ở đời các mùi hương... ở đời các vị... ở đời các xúc... ở đời các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời nhân thức... ở đời nhĩ thức... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức... ở đời thân thức... ở đời ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời nhân xúc... ở đời nhĩ xúc... ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc... ở đời thân xúc... ở đời ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời nhân xúc sở sanh thọ... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ... ở đời thân xúc sở sanh thọ... ở đời ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng... ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư... ở đời hương tư... ở đời vị tư... ở đời xúc tư... ở đời pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái... ở đời hương ái... ở đời vị ái... ở đời xúc ái... ở đời pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc tâm... ở đời thanh tâm... ở đời hương tâm... ở đời vị tâm... ở đời xúc tâm... ở đời pháp tâm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ... ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là bát chi Thánh đạo, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh tri kiến? Này các Tỳ-kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, không chế không nói lời phù phiếm. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỳ-kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này các Tỳ-kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh

tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đây các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh niệm? Đây các Tỳ-kheo, ở đây vị Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời; trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tỉnh cần, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Chánh định? Đây các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh định.

Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế⁵.

Như vậy, tập trung nhận thức và thực hành đầy đủ về bốn chân lý: khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt và con đường đưa đến khổ đoạn diệt, tức là điều kiện để có được trí tuệ, có khả năng đoạn tận gốc rễ khổ đau, hướng đến giải thoát sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Đó chính là biểu hiện thiết thực của trí tuệ được nhấn mạnh trong đạo Phật, tức như thật tuệ tri khổ, như thật tuệ tri khổ tập khởi, như thật tuệ tri khổ đoạn diệt, như thật tuệ tri con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Nói cách khác, trí tuệ được nói đến trong đạo Phật chính là hệ quả của sự nỗ lực chứng nghiệm rốt ráo về khổ đau (liễu tri khổ), nỗ lực đoạn trừ tham ái (đoạn trừ khổ tập khởi), nỗ lực chứng đắc Niết-bàn (chứng đắc khổ đoạn diệt) và nỗ lực thực hành Bát Thánh đạo (tu tập con đường đưa đến khổ đoạn diệt).

Cần lưu ý rằng bốn chân lý: khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt, con đường đưa đến khổ đoạn diệt mà bậc Giác ngộ đã cắt nghĩa rất chi tiết, là các nhân tố vốn có sẵn trong con người, hàm tàng trong mỗi người, không cần phải tìm kiếm ở đâu xa. Chỉ cần con người quay về với chính mình, nhìn vào chính mình, nhìn lại chính mình, thì thấy rõ muôn vàn khổ đau (sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não) có mặt trong chính mình, nguyên nhân gây nên khổ đau (lòng tham ái) cũng ở trong chính mình, khả năng dứt trừ khổ đau (dứt trừ tham ái) cũng có sẵn trong bản thân mình, phương pháp hay cách thức dứt trừ khổ đau (Bát Thánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) cũng không gì khác là các phẩm chất giác ngộ tiềm tàng trong chính mình. Nhận thức rõ về mình có

đầy đủ khổ và tiềm năng thoát khổ như thế tức là có chánh kiến, có trí tuệ, có khả năng đi ra khỏi khổ đau sinh tử luân hồi.

Hẳn nhiên, mọi tiềm năng giác ngộ cần phải được vận dụng và phát huy thường xuyên thì trí tuệ mới tăng trưởng, mới đi đến viên mãn, mới có khả năng giúp con người đoạn tận khổ đau sinh tử luân hồi. Đức Phật xác chứng rằng trí tuệ không được hoàn thành ngay lập tức, nhưng được hoàn thành nhờ học từ từ (*anupubbassikkhà*), hành từ từ (*anupubbakiriyà*), thực tập từ từ (*anupubba-patipadà*)⁶. Học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ nghĩa là có một cách học tập và tu tập tuần tự khiến trí tuệ đi đến tăng trưởng, đi đến viên mãn. Bậc Giác ngộ gọi lối đi phát triển trí tuệ:

"Và này các Tỳ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ? Ở đây, này các Tỳ-kheo, một vị có lòng tin đi đến gần (bậc đạo sư giác ngộ); sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ; sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai; sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp; sau khi thọ trì pháp, vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa, các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy nỗ lực; sau khi nỗ lực vị ấy cân nhắc; sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần. Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy⁷."

Đáng chú ý rằng đạo Phật phân sự hiểu biết thành nhiều cấp độ khác nhau, gồm tưởng tri (*sanjànàti*), thức tri (*vijànàti*), thắng tri (*abhijànàti*), tuệ tri (*pajànàti*), liễu tri (*parijànàti*), cho thấy trí tuệ của đạo Phật khác với tri thức thông thường của thế gian, vì trí tuệ là kết quả của sự tu tập chuyển hóa tự nội thông qua tiến trình rèn luyện đạo đức (Giới), huấn luyện tâm thức (Định) và phát triển trí tuệ (Tuệ), đưa đến liễu tri (*parijànàti*) khổ đau và đoạn tận (*pahàna*) khổ đau. Trí tuệ của đạo Phật có công năng giúp cho con người hiểu biết rốt ráo khổ đau và đoạn tận khổ đau, vì nó trưởng thành trên nền tảng sự thực hành Bát Thánh đạo hay Giới-Định-Tuệ, tức kết quả của thắng tri (*abhijànàti*), tuệ tri (*pajànàti*) và liễu tri (*parijànàti*). Kiến thức hay tri thức thông thường của thế gian chỉ giới hạn ở cấp độ tưởng tri (*sanjànàti*) và thức tri (*vijànàti*), không phát triển theo như cách của đạo Phật nên không có khả năng đảm đương vai trò liễu tri (*parijànàti*) và đoạn tận (*pahàna*) khổ đau. ■

Chú thích:

1. Kinh Làm bạn với thiện, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Minh, *Tương Ưng Bộ*.
3. Đại kinh Phương quảng, *Trung Bộ*.
4. Đại kinh Phương quảng, *Trung Bộ*.
5. Đại kinh Niệm xứ, *Trường Bộ*.
6. Kinh Kitagiri, *Trung Bộ*.
7. Kinh Kitagiri, *Trung Bộ*.

An tâm với bình đẳng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Bình đẳng là mơ ước của loài người. Trải qua lịch sử của mình, con người đã tạo ra hiến pháp, pháp luật, những loại xã hội có tổ chức, những quy định về kinh tế, chính trị, xã hội... để đem lại sự bình đẳng cho tất cả mọi người, Nhưng sự bình đẳng do con người tổ chức ấy vẫn là tương đối, vì khi mới sinh ra đã có những khác biệt không thể lấp đầy: có người thông minh hơn, may mắn hơn, giàu có hơn, sống thọ hơn, ít bệnh tật hơn... Có vẻ sự bất bình đẳng đã gắn liền với số phận con người. Và điều này tạo ra sự không yên tâm, oán thân trách phận suốt cả một đời người.

Thế thì đạo Phật có đóng góp gì cho lý thuyết và thực hành sự bình đẳng, một trong những ước vọng lớn nhất của con người? “Chánh kiến” của đạo Phật về vấn đề này là thế nào? Có sự bình đẳng nào để cho con người yên tâm mà sống và tự hoàn thiện mình?

Bình đẳng về phương diện vật chất

Ngày nay, khoa học đã cho chúng ta biết là bộ óc, cấu trúc của nó, sự phát triển những trung tâm và sự nối kết giữa chúng đã hoàn thành từ lúc 2 tuổi. Sau đó, sự học chỉ là đưa thông tin và dữ liệu vào và phát triển cái căn bản đã có. Nghĩa là từ lúc 2 tuổi, bộ óc đã được cấu trúc để xác định sẽ trở thành nhạc sĩ, nhà khoa học, nhà toán học, nhà văn... điều chúng ta gọi là năng khiếu. Năng khiếu ấy không bình đẳng giữa người này và người khác; bộ môn này người này giỏi hơn, ngành kia người kia giỏi hơn.

Sở dĩ như thế vì có sự khác biệt ở đời trước. Đời trước người học nhiều về toán, đời này người ấy giỏi về toán. Người kia đã làm nhiều về điêu khắc trong đời trước, đời này tự nhiên có năng khiếu điêu khắc. Hiện nay, có tác giả chia trí thông minh làm bảy loại (*Bảy loại hình*

thông minh - Thomas Armstrong), tất cả là do công phu học tập rèn luyện từ những đời trước. Không phải do *gene* của cha mẹ, không phải do hoàn cảnh, những cái này chỉ là những yếu tố phụ, mà yếu tố chính là công sức người ấy từ những kiếp trước. Thế thì sự bất bình đẳng thấy được ở đời này thật ra là sự bình đẳng của nhân quả: trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, trồng lúa được lúa, trồng sầu riêng được sầu riêng.

Khi hiểu được sự vận hành của luật nhân quả, sự công bằng của nó, người ta yên tâm, vì chẳng có quả nào mà không có nhân, và muốn được quả gì thì hãy gieo nhân đó. Cái gì xảy ra với mình đều là sự chọn lựa, dù tốt dù xấu, của mình trong quá khứ. Sự bình đẳng, công bình của luật nhân quả làm người ta yên tâm. Cuộc đời chúng ta hiện tại và mai sau là do chúng ta tạo nên theo định luật nhân quả. Định luật nhân quả là cơ sở cho sự vận hành của đời sống trước mắt như chúng ta đang thấy. Chúng ta hành động (hành động là karma, nghiệp) như thế nào thì chúng ta sẽ có kết quả của hành động (nghiệp quả) như thế ấy. Tốt hay xấu, thông minh hay kém trí, may mắn hay xui rủi, giàu hay nghèo, thọ hay yếu... đều là kết quả của những nhân đã tạo và tương lai như thế nào là do những nhân chúng ta đang tạo.





Với định luật nhân quả, chúng ta tự tạo ra đời mình. Không phải oán trách một ông Trời đã sanh ra tôi thế này, không oán trách gia đình, người khác làm cho tôi như thế này, không oán trách hoàn cảnh khiến cho tôi thành thế này. Không oán giận, không trả thù, không đố kỵ, không kiêu căng... là những thứ phiền não cứ làm khổ đời người. Người tin và sống theo định luật nhân quả thì yên tâm và tích cực làm việc tốt cho mình và cho người. Nhờ luật nhân quả mà người ta tìm thấy ý nghĩa đời sống, để tiến bộ, để thăng hoa.

Định luật nhân quả là sự bình đẳng tuyệt đối và chính nó cũng là cái điều hòa, quản lý cuộc đời của mỗi cá nhân và đời sống xã hội. Định luật nhân quả là sự bình đẳng, công bình trong đời sống vật chất, hay thế giới của chân lý tương đối (thế đế hay tục đế).

Bình đẳng về phương diện tâm linh

Kinh *Đại Bát-niết-bàn* nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Đây là sự bình đẳng tuyệt đối về mặt tâm linh.

Kinh *Viên Giác* nói: "*Nhân địa bản khởi tu hành của tất cả chư Như Lai là y vào tánh Giác thanh tịnh tròn đầy soi khắp này mà vĩnh viễn đoạn dứt vô minh và thành Phật đạo. Bồ-tát y vào tánh Giác đó mà phát tâm thanh tịnh, chúng sanh đời sau y vào tánh Giác đó mà tu hành thì chẳng sa vào tà kiến*".

Tánh Giác và tánh Không ấy là bình đẳng, không có nhiều hơn ở chỗ này người này, ít hơn ở chỗ kia người kia. Như *Bát-nhã Tâm kinh* nói: "*không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm*".

Phật tánh, hay tánh Giác, hay tánh Không là bình đẳng tuyệt đối trong tất cả chúng sanh, trong mọi không gian, mọi thời gian. Tất cả chúng sanh chúng ta đều bình đẳng trong cái Phật tánh không tùy thuộc không gian và thời gian, nghĩa là cái Phật tánh tại đây và bây giờ.

Vậy tại sao có sự bất bình đẳng giữa thánh và phàm, người ngộ và người mê? Chúng ta không bình đẳng mặc dầu vẫn ở trong Phật tánh bình đẳng bởi vì chúng ta bị che đậy bởi phiền não chướng và sở tri chướng. Hai che chướng này chẳng phải các bậc giác ngộ làm ra, chẳng phải ma quỷ nào có thể làm ra: chúng có là do chúng ta tự che chướng lấy, do quá trình tích tập sự che chướng trong nhiều kiếp,

Chúng ta cùng một nền tảng Phật tánh với chư Phật và với mọi loài. Nhưng cũng chính trong cùng một nền tảng Phật tánh ấy chúng ta đã tạo ra nghiệp xấu để che lấp chính mình (nghiệp chướng, sự che chướng bởi nghiệp). Cho nên để thấy và sống Phật tánh chung ấy, chúng ta phải lột bỏ những che chướng do chính mình tạo ra. Thực hành Phật giáo không phải là tạo thêm, làm ra cái gì cao siêu, siêu việt, mà là bớt đi những che chướng tự tạo.

Bởi vì xưa nay chúng ta vẫn sống trong Phật tánh bình đẳng, như Huệ Trung Thượng sĩ nói:

Lông mày ngang, lỗ mũi dọc

Phật với chúng sanh cùng một mặt.

(Phàm Thánh bất dị)

Chúng ta không phải sửa sang hay tạo thêm để có sự bình đẳng; sự bình đẳng xưa nay đã có sẵn. Đây là sự bình đẳng tuyệt đối về mặt tâm linh, về mặt bản tánh. Thế nên đạo Phật không phải là một lời hứa hẹn ở tương lai xa xôi, một thưởng phạt của ông Trời sẽ xuất hiện. Đạo Phật là sự có mặt ở tại đây và bây giờ, nền tảng Phật tánh có mặt ở đây và bây giờ, mà sự cảm nhận, tiếp xúc, thấy biết, kinh nghiệm trọn vẹn tùy thuộc vào mỗi chúng ta.

Sự bình đẳng về mặt nhân quả (thế đế) và bình đẳng về mặt bản tánh (chân đế) khiến người ta có niềm tin, có tự tin để sống. Sự tự tin ấy là điểm khởi đầu của một đời sống hạnh phúc; hạnh phúc tương đối cũng như hạnh phúc tuyệt đối. ■

Phật giáo Hoa tông theo dòng lịch sử

THÍCH THIÊN NHƠN



Tổ sư Nguyên Thiệu

Vào thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725), thỉnh thoảng đã có những đoàn người Hoa từ Quảng Đông, Phúc Kiến, và đảo Hải Nam dong thuyền sang Đàng Trong (Việt Nam); chúa Nguyễn đã cho họ định cư rải rác cùng với người Việt từ Thuận Quảng di cư vào vùng đất mới ở Đồng Nai, Gia Định, Mỹ Tho, Trà Vinh, Hà Tiên. Cao điểm là phong trào *Phản Thanh phục Minh* năm 1697 do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên lãnh đạo, do đó số lượng người Hoa sinh sống ở Đàng Trong ngày càng đông.

Trên cơ sở đó, năm 1698 chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm Kinh lược sứ, trấn nhậm xứ Đồng Nai, Gia Định, lập huyện Phước Long dinh Trấn Biên - Biên Hòa, huyện Tân Bình dinh Phiên Trấn - Gia Định; cho lập làng Minh Hương, phân cử các chức danh để quản lý nhân khẩu, sổ bộ, đánh thuế và tổ chức sinh hoạt trong lòng người

Việt (Đàng Trong). Cụ thể là Cù Lao Phố Đồng Nai, quận 5 Chợ Lớn; di tích còn lại hiện nay là đình làng Minh Hương Gia Thạnh xây dựng năm 1789, số 380, đường Trần Hưng Đạo, quận 5, TP.Hồ Chí Minh (trước năm 1975 là đường Đồng Khánh).

Ấn tượng và ý nghĩa nhất là hai câu đối của đình làng Minh Hương Gia Thạnh còn lưu lại:

明同日月耀南天鳳翥鄰翔嘉錦秀
香滿乾坤馨越地龍蟠虎踞盛文章

Âm Hán Việt:

"Minh đồng nhật nguyệt diệu Nam thiên, phụng chữ lân tường gia cẩm tú.

Hương mãn càn khôn hình Việt địa, long bàn hổ cứ thanh văn chương".

(Nghĩa: Sáng đồng nhật nguyệt rực rỡ trời Nam, phụng thờ lân múa tăng thêm vẻ gấm vóc.

Mùi hương đầy trời đất thơm tho đất Việt, rồng chờ hổ phục hưng thịnh văn chương).

Có thể nói, người đặt nền móng cho Phật giáo Hoa tông chính là Tổ sư Nguyễn Thiều (1648-1738) hành đạo tại chùa Đại Giác, chùa Kim Cang, Đồng Nai. Thiển sư Linh Nhạc Phật Ý (1725-1821), người Minh Hương, đệ tử Thiển sư Thành Đăng Minh Lượng (1686-1789), từ chùa Đại Giác, Đồng Nai theo dòng người di dân xuống Tân Bình (dinh Phiên Trấn - Gia Định), ngài thành lập thảo am năm 1744 tại làng Tân Lộc chợ Đũi, quận 3 ngày nay. Đến năm 1752, tu bổ lại thảo am và đặt tên là chùa Từ Ân, một trong các ngôi chùa có mặt sớm nhất tại Gia Định. Năm 1744, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, Phật tử Lý Thụy Long người Minh Hương phát tâm xây dựng chùa Tập Phúc (còn gọi là chùa Cẩm Sơn, Cẩm Đệm, sau này gọi là chùa Giác Lâm), Tân Bình do Pháp sư Tịnh Hải người Minh Hương trụ trì đầu tiên; về sau năm 1774, Thiển sư Tổ Tông Viên Quang (1758-1827) đệ tử Thiển sư Phật Ý cũng là người Minh Hương kế thế trụ trì.

Năm 1892, Lão sư Lưu Minh thành lập chùa Ngọc Hoàng (điện Ngọc Hoàng), Đa Kao. Sau 14 năm xây dựng, đại lễ khánh thành được tổ chức vào năm 1906. Từ thời Pháp sư Huệ Ân, Pháp sư Tự Quảng, Hòa thượng Vĩnh Khương, chùa theo hệ Phật giáo Hoa tông. Sau ngày thống nhất Phật giáo cả nước (1981), đăng ký tự viện với Giáo hội Phật giáo Việt Nam với tên là chùa Phước Hải, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Đến năm 1928 - 1930, có Pháp sư Điều Hòa, Pháp sư Thanh Truyền, Pháp sư Thống Lương từ Quảng Đông, Phúc Kiến sang Chợ Lớn hành đạo, làm chỗ dựa tinh thần cho cộng đồng người Hoa. Ban đầu phần lớn các Pháp sư đều cư trú tại những Hội quán của người Hoa, sau đó các chùa Phật giáo người Hoa được thành lập như chùa Phụng Sơn, chùa Nam Phổ Đà, chùa Từ Ân, chùa Từ Đức, chùa Hoa Tạng, chùa Vạn Phật, chùa Thảo Đường... Để có cơ sở in ấn, phát hành kinh sách cho người Hoa nghiên cứu đọc tụng, nên Hội Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm được thành lập năm 1950, cơ sở tọa lạc tại đường Marchaise, trước năm 1975 là đường Đốc Phủ Thơm, Đốc Phủ Thoại, ngày nay mang số 26-30 đường Võ Chí Hiếu, quận 5.

Trước năm 1975, cơ sở Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm còn là nơi cung cấp tài liệu Kinh Luật Luận bằng chữ Hán và song ngữ Hán Việt cho Tăng Ni Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định thuộc các tổ chức Giáo hội Phật giáo người Việt nghiên cứu đọc tụng, học tập... Nhất là Hội Sư Trúc Hiền thành lập năm 1963, địa chỉ số 33 đường Phú Hữu, quận 5 chuyên lo về công tác từ thiện xã hội khắp cả miền Nam Việt Nam.

Để tỏ tình đoàn kết Hoa - Việt, Phật giáo Hoa tông đã đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh bảo vệ Đạo pháp của Phật giáo miền Nam chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm năm 1963. Sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, cuộc chính biến ngày 1/11/1963 thành công, Đại hội thống nhất Phật giáo miền Nam

đã diễn ra tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn ngày 31/12/1963. Nhận lời mời của Ban Tổ chức (Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo) do Thượng tọa Tâm Châu - Chủ tịch Ủy ban Liên phái kiêm Trưởng ban Tổ chức, phái đoàn Phật giáo Hoa tông đã tham dự Đại hội với tư cách là quan sát viên của Đại hội. Đoàn gồm có: Pháp sư Điều Hòa, Pháp sư Thanh Truyền, Pháp sư Diệu Duyên, Ni sư Tịnh Hoa, Ni sư Hùng Lương, Ni sư Duy Trinh, Cư sĩ Lý Tịch, Cư sĩ Đỗ Bá Kiên, Cư sĩ Lý Dương, Cư sĩ Lâm Vinh, Cư sĩ Lý Tôn Đức.

Hòa chung với phong trào thành lập các tổ chức Giáo hội tại miền Nam, năm 1968, Pháp sư Siêu Trần, khai sơn chùa Long Hoa quận 8, đã đứng đơn xin phép chính quyền Sài Gòn thành lập Giáo hội Phật giáo Hoa tông. Nhưng mãi đến ngày 20/5/1973 Đại hội mới chính thức khai mạc. Đại hội đã suy cử một Ban Chấp hành Giáo hội Phật giáo Hoa tông Việt Nam, do Pháp sư Siêu Trần làm Chủ tịch; Pháp sư Thanh Truyền và Tăng Đức Bổn làm Phó Chủ tịch, cùng các thành viên: Pháp sư Diệu Duyên, Pháp sư Diệu Nguyên, Pháp sư Diệu Hòa, Pháp sư Ngô Chân và quý HT.Vĩnh Khương, HT.Duy Nhựt, HT.Phước Quang, HT.Ninh Hùng... Văn phòng đặt tại chùa Long Hoa, quận 8, Sài Gòn.

Đặc biệt, Phật giáo Hoa tông đã thực hiện một số công tác ngoại giao ấn tượng như kết hợp cùng Hội Phật học Nam Việt tiếp phái đoàn Pháp sư Diễm Bồi sang thăm Hội Phật giáo Hoa tông và Hội Phật học Nam Việt, thuyết giảng tại chùa Xá Lợi, quận 3, Sài Gòn. Nhất là từ năm 1999 khi quan hệ hữu nghị giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Trung Quốc được thiết lập, Phật giáo Hoa tông đã cùng với Giáo hội Phật giáo Việt Nam đón tiếp nhiều phái đoàn thuộc Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, do Pháp sư Thành Nhất, Pháp sư Thường Tạng, Cư sĩ Trương Lâm dẫn đầu thăm hữu nghị GHPGVN tại Trụ sở Văn phòng II Trung ương Giáo hội - TP.Hồ Chí Minh và Văn phòng Ban Đại diện Phật giáo Người Hoa tại chùa Vạn Phật cùng một số chùa tiêu biểu của người Hoa như chùa Phước Hải, Long Hoa, Nam Phổ Đà... Những cuộc đón tiếp đã thành công tốt đẹp, để lại những ấn tượng hữu nghị giữa Phật giáo hai nước Việt Nam và Trung Quốc đời đời bền vững; đồng thời, Phật giáo Hoa tông còn là thành viên sáng lập Giáo hội Hoa Tăng Thế giới tại Đài Loan.

Sau ngày 30/4/1975, một số Hòa thượng đã định cư nước ngoài. Do đó, ngày 21/8/1975 Hòa thượng Phước Quang đã triệu tập Đại hội Phật giáo Hoa tông, cử Ban Chấp hành mới, do Hòa thượng Phước Quang làm Chủ tịch, Hòa thượng Tăng Đức Bổn làm Phó Chủ tịch, cùng các thành viên: HT.Vĩnh Khương, HT.Ninh Hùng, HT.Duy Nhựt, HT.Kiến Trí, Thượng tọa Tôn Thật, TT.Tôn Trấn, TT.Tôn Quảng, TT.Nhật Tu, TT.Duy Trấn, NS.Duy Trì, NS.Hồng Bi, NS.Chấn Nhân... Văn phòng đặt tại chùa Vạn Phật, đường Nghĩa Thục, quận 5, Chợ Lớn. Đại hội cũng xác định Phật giáo Hoa tông là thành viên của



Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước thành phố Hồ Chí Minh, do Hòa thượng Minh Nguyệt làm Chủ tịch.

Năm 1980, Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được thành lập bao gồm các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo đang sinh hoạt tại Việt Nam, do Hòa thượng Trí Thủ - Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN làm Trưởng ban, Hòa thượng Phước Quang là Ủy viên Thường trực của Ban Vận động, đại diện cho Phật giáo Hoa tông.

Tại Đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo cả nước tổ chức tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, từ ngày 04 - 07/11/1981, Đại hội suy cử Hòa thượng Phước Quang làm Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, đồng thời là Ủy viên Ban Trị sự Phật giáo TP.Hồ Chí Minh. Những nhiệm kỳ sau do Thượng tọa Tôn Thất và TT.Truyền Cường là Ủy viên Hội đồng Trị sự kiêm Ủy viên Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh.

Qua đó, từ Đại hội nhiệm kỳ I (1981) đến nay, chư tôn giáo phẩm Phật giáo Hoa tông đã tham gia các cấp Giáo hội, Ban Viện Trung ương như sau:

- Hội đồng Chứng minh: HT.Phước Quang, HT.Tăng Đức Bổn, HT.Duy Nhựt, HT.Vĩnh Khương, HT.Ninh Hùng.
- Hội đồng Trị sự: HT.Tăng Đức Bổn, TT.Tôn Thất, TT.Huệ Công, TT.Truyền Cường.
- Các Ban Trung ương: TT.Tôn Thất, TT.Duy Trấn, TT.Huệ Công, TT.Truyền Cường, ĐĐ.Minh Thông, NS.Duy Trì v.v...

Từ Đại hội V (2002), cơ chế tổ chức Phật giáo Hoa tông được thay đổi, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh, thông qua Ban Công tác Người Hoa, chỉ cho thành lập Ban Đại diện Phật giáo Người Hoa, gồm 10 thành viên: TT.Tôn Thất - Trưởng ban; TT.Huệ Công, TT.Truyền Cường - Phó ban cùng các thành viên: TT.Tôn Trấn, TT.Tôn Quảng, TT.Nhật Tu, TT.Kiến Trí, TT.Duy Trấn, ĐĐ.Minh Thông, ĐĐ.Trung Nghĩa, NS.Duy Trì, NS.Hồng Bi, NS.Chấn Nhân... Văn phòng đặt tại chùa

Vạn Phật, đường Nghĩa Thực, quận 5, TP.Hồ Chí Minh. Qua đó, từ Đại hội VI, TT.Tôn Thất là Ủy viên HĐTS; Đại hội VII, TT.Huệ Công là Ủy viên HĐTS, TT.Truyền Cường là Ủy viên Thường trực HĐTS, đồng thời TT.Huệ Công là UV.Ban Tăng sự, Phó ban TTXH Trung ương; TT.Duy Trấn là Phó ban Hoằng pháp, Phó ban Hướng dẫn Phật tử; TT.Truyền Cường, Phó ban Kinh tế Tài chánh Trung ương GHPGVN đại diện Phật giáo Người Hoa.

Ban Đại diện Phật giáo Người Hoa trong lòng GHPGVN quản lý điều hành sinh hoạt của 58 cơ sở tự viện (có đăng ký với Giáo hội) và hơn 560 Tăng Ni, cùng nửa triệu tín đồ Phật tử và người Hoa có tín ngưỡng đạo Phật (vì người Hoa chủ trương Tam giáo đồng nguyên), Phật giáo người Hoa sinh hoạt chủ yếu tại TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai cùng một số tỉnh thành tại miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Kể từ khi thống nhất Phật giáo Việt Nam đến nay, tinh thần Hoa - Việt ngày càng gắn bó, đoàn kết hòa hợp, chung lo Phật sự trong ngôi nhà chung GHPGVN. Phật giáo người Hoa đã đồng hành cùng Phật giáo người Kinh (Việt) trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước và GHPGVN. ■

Bị chú:

- Thiền sư Linh Nhạc Phật Ý và Thiền sư Tịnh Hải đều thuộc dòng Lâm Tế Nghĩa Huyền. Song Thiền sư Linh Nhạc Phật Ý thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ theo bài kệ của ngài Đạo Mãn Mộc Trăn: *Đạo Bổn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên*. Còn Thiền sư Tịnh Hải thuộc dòng Lâm Tế Trí Tuệ theo bài kệ của ngài Trí Bàng Đột Không (Trí Thắng - Bích Dung): *Trí Huệ Thanh Tịnh, Đạo Đức Viên Minh, Chơn Như Tánh Hải, Tịch Chiếu Phổ Thông, Tâm Nguyên Quảng Tục, Bổn Giác Xương Long, Nặng Nhon Thánh Quả, Thường Diễn Khoan Hoàng, Duy Truyền Pháp Ấn, Chứng Ngộ Hội Dung, Kiên Trì Giới Định, Vĩnh Kế Tổ Tông*. Các Pháp sư Phật giáo Hoa tông đều theo một trong ba Thiền phái: Lâm Tế Nghĩa Huyền, Tào Động hoặc Thiền phái Thảo Đường. Phần lớn thuộc phái Lâm Tế Nghĩa Huyền theo bài kệ như trên. Hoặc theo bài kệ của Tổ Định Tuyết Phong Lâm Tế Nghĩa Huyền: *Tổ Đạo Giới Định Tông, Phương Quảng Chứng Viên Thông, Hạnh Siêu Minh Thật Tế, Liễu Đạt Ngộ Chơn Không, Như Nhật Quang Thường Chiếu, Phổ Châu Lợi Ích Đồng, Tín Hương Sinh Phước Huệ, Tương Kế Chấn Từ Phong*. Một số ít theo phái Tào Động thuộc dòng kệ pháp phái Vĩnh Xương như: *Huệ Nguyên Đại Đạo Hung...*

- Làng Minh Hương được thành lập năm 1698, còn đình làng Minh Hương thành lập năm 1789. Do đó, làng và đình là nơi sinh sống và làm việc của người Minh Hương, còn gọi là xã Minh Hương. Năm Mậu Thìn (1808), vua Gia Long cho phép đổi lại là Gia Thạnh đường, gọi chung là "Minh Hương Gia Thạnh đường". Năm Kỷ Sửu 1829, vua Minh Mạng cho nhập vào thành Gia Định. Năm 1865, chính quyền Pháp sát nhập làng Minh Hương vào Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến năm 1867, người Minh Hương xin phép chính quyền Pháp thành lập Hội Minh Hương để được hoạt động hợp pháp dưới thời Pháp thuộc.

Thấy nghe

THỊ GIỚI

Thiên sư Kính Thanh hỏi một vị Tăng: “Tiếng gì ngoài cửa?”, vị Tăng đáp: “Tiếng mưa rơi”.

Ngài Kính Thanh nói: “Chúng sanh điên đảo, quên mình chạy theo vật”. Vị Tăng hỏi: “Còn Thấy thì sao?”. Đáp: “Ta suýt nữa chẳng quên mình”.

Ở đây, ngài Kính Thanh khai thị cho vị Tăng cũng như khai thị cho tất cả chúng ta cái thấy nghe “không chạy theo vật”. Không chạy theo vật cũng là “không quên mình”. Cả hai lần trả lời, ngài đều đề cập đến “không quên mình”.

“Không quên mình” ở đây không phải qui về mình, nhưng là mở tâm ra đến đối tượng để thấy nghe. Nói cách khác là thấy các pháp không ở ngoài tâm. Và khi tâm mở rộng, rỗng rang thì đáp ứng tự do với mọi sự, thâm nhập tự do trong mọi sự. Ở trong chỗ “không quên mình” để thấy nghe là thấy nghe trong tánh tương dung.

Ngài Động Sơn đến tham bái ngài Vân Nham. Động Sơn hỏi: “Vô tình thuyết pháp ai có thể nghe được?”, ngài Vân Nham trả lời: “Vô tình nghe được.”

Động Sơn hỏi: “Hòa thượng nghe không?”, Vân Nham nói: “Nếu ta nghe, ông không nghe ta thuyết pháp”. Động Sơn nói: “Sao con không nghe?”, ngài Vân Nham đưa phất trần lên, hỏi: “Nghe

không?”, Động Sơn trả lời: “Không.”, Vân Nham nói: “Ta thuyết pháp ông không nghe, làm sao nghe được loài vô tình thuyết pháp?”, Động Sơn hỏi: “Vô tình thuyết pháp căn cứ vào kinh nào?”, Vân Nham nói: “Ông có đọc Kinh Di Đà chưa, trong đó nói rằng nước, chim, cây, rừng tất cả đều niệm Phật, niệm Pháp”. Động Sơn nhận đó được lãnh hội.

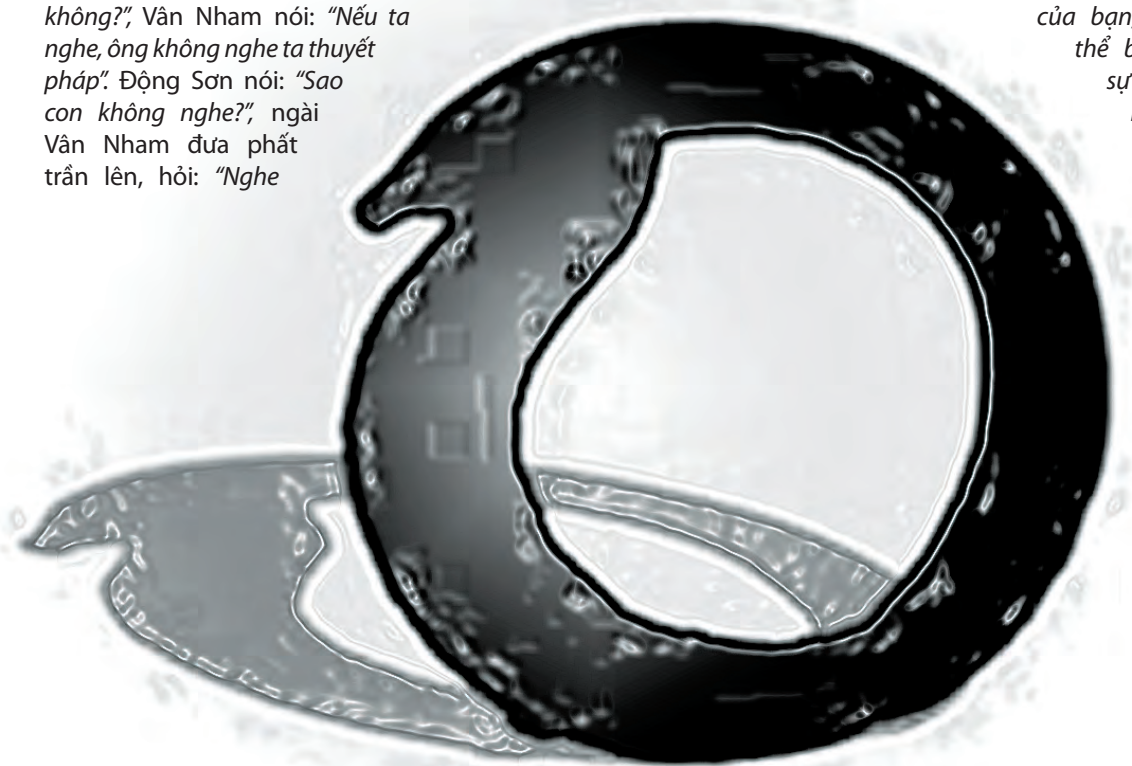
Sau đó, khi ngài Động Sơn lội qua một con sông, nhìn thấy bóng mình dưới nước, đại ngộ, ngài làm bài kệ:

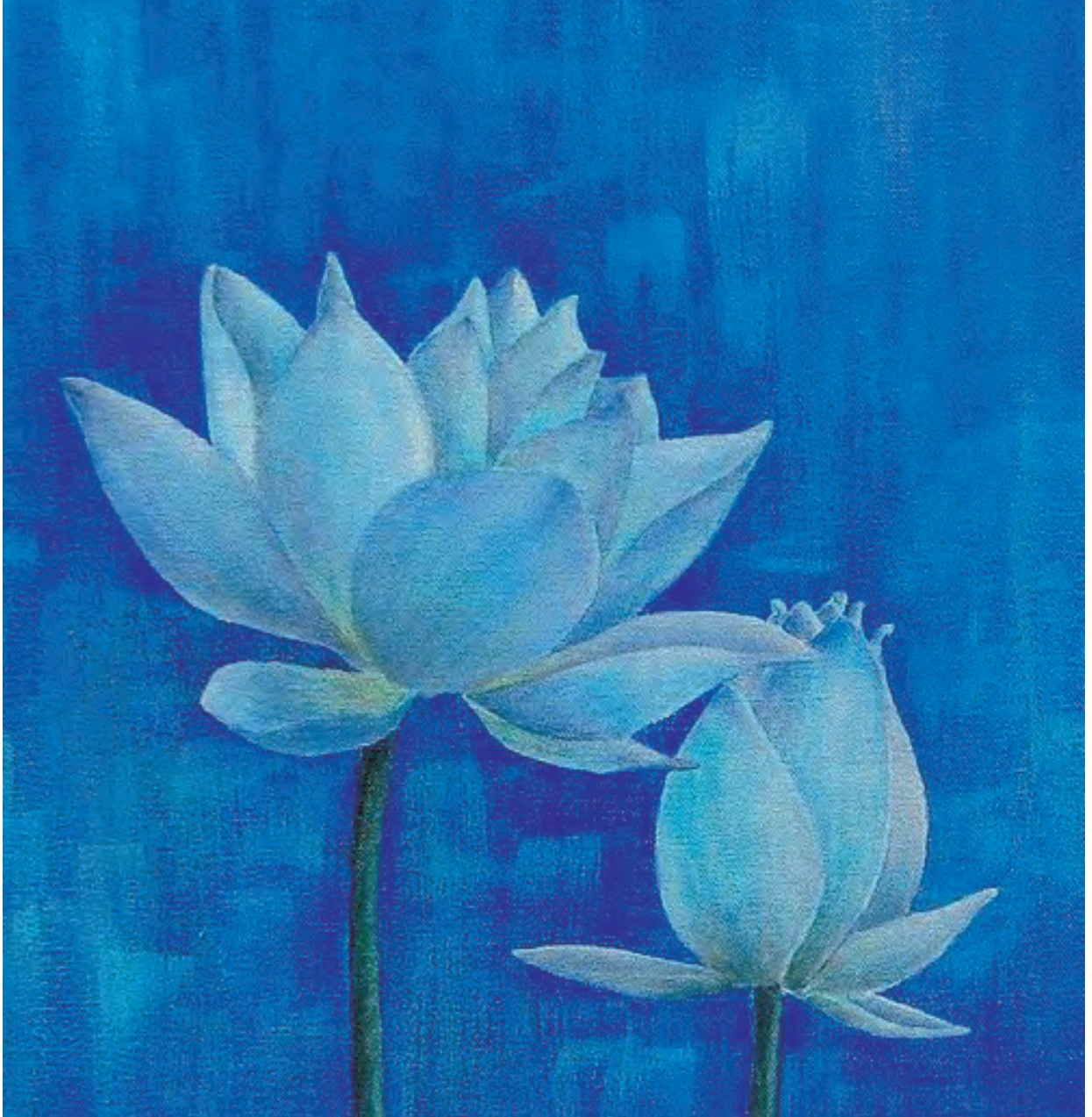
*Đừng tìm kiếm bên ngoài,
Xa lạ với chính mình.
Ta nay đi một mình,
Nơi nơi đều gặp nó.
Nó giờ chính là ta,
Ta giờ không phải nó.
Thấu hiểu được việc đó,
Mới khế hợp chân như.^(*)*

“Đừng tìm kiếm bên ngoài” là quay về với chính mình, không quên mình, không chạy theo vật.

“Ta nay đi một mình, nơi nơi đều gặp nó”. Chỉ trở về với chính mình, không nương tựa, “không quên mình”.

Như ngài Đạo Nguyên nói: “Bởi vì bạn không biết sự bước đi của bạn, bạn không thể biết trọn vẹn sự bước đi của núi”. Chỉ khi nào biết rõ bước đi





của mình thì mới biết được bước đi của núi. Chỉ khi nào thật sự “không quên mình” thì khi đó thấy nghe được sự vận động của thế giới, là duyên khởi, tánh Không. Khi nào chúng ta hoàn toàn “không quên mình”, hoàn toàn không chạy theo vật, thì chúng ta nhìn thấy tướng lười của Phật đang phơi bày cái Không đó ở mọi nơi.

“Nó giờ chính là ta, ta giờ không phải nó”. Tánh Không đó cũng là tánh Như của các pháp. Tánh Như vượt ra ngoài tính chất nhị nguyên, không tương đối, không tuyệt đối, không trên, không dưới, không có, không không, không trong, không ngoài. Trong tánh Như đó, mọi pháp là một nhưng mỗi pháp là mỗi pháp. Một mà hai, hai mà một. Và tu là “không quên mình”, không chạy theo vật, trở về chánh niệm, để nhận ra tánh Như, ở trong tánh Như, và thấy nghe từ trong tánh Như đó. Vừa chứng nghiệm “không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý” vừa bước đi trong thế giới. Đó là không phân biệt mà phân biệt, phân biệt mà không phân biệt. Nói như Thiền sư Keido Fukushima (Phúc Đảo Khánh Đạo): *“Nếu chính bạn không là một với một cây tùng đó (cây tùng của ngài*

Triệu Châu), bạn sẽ không bao giờ có thể biểu lộ Phật tánh của bạn” (Zen Bridge). Đó là mở tâm ra chấp nhận mọi đối nghịch trong sự tương dung. Khi đó là tự do.

Dainin Katagiri (Phiến Đồng Đại Nhãn) lấy ví dụ về nấu ăn để nói về sự tương quan không phân biệt nhưng phân biệt: *“Chúng ta sẽ tiếp cận với một thứ rau nào đó như thế nào? Trước tiên đặt rau vào chỗ không có thời gian, ở đó cà-rốt, bắp cải, khoai tây hiện hữu không phân biệt. Rồi trở lại với thời gian thông thường, ở đó chúng ta không thể cắt một củ cà-rốt theo cách cắt một củ khoai tây, vì những tính chất khác nhau giữa chúng. Nhận ra rằng một củ cà-rốt là một củ cà-rốt, và tiếp cận với củ cà-rốt không lẫn lộn với khoai tây. Khi tiếp cận với củ cà-rốt theo cách đó, chúng ta hiển lộ chúng ta như một người đầu bếp, và củ cà-rốt như một hữu thể đặc thù, đồng thời cả chúng ta và củ cà-rốt đều hiển lộ trong tánh giác” (Sống trong thời gian thật).*

Một vị Tăng hỏi Nam Dương Trung Quốc sư: *“Tâm của Cổ Phật là gì?”.* Quốc sư trả lời: *“Rào, tường, ngói, đá”.* Vị Tăng hỏi: *“Rào, tường, ngói, đá có phải là loài*

vô tình không?” Quốc sư nói: “Phải!”. Tăng hỏi: “Có biết thuyết pháp không?” Quốc sư nói: “Thuyết pháp không dùng nghĩ”...

Sau một hồi vẫn đáp, cuối cùng vị Tăng hỏi: “Kinh nào làm căn cứ cho việc thuyết pháp của loài vô tình?”. Quốc sư nói: “Những lời không hợp với kinh điển thì không phải là lời của người học đạo. Ông có đọc kinh Hoa Nghiêm chưa? Kinh nói rằng đất thuyết pháp, chúng sanh thuyết pháp, mọi vật trong ba thời quá khứ hiện tại tương lai thuyết pháp”.

Rào, tường, ngói, đá, nước, chim, cây, rừng, mọi vật trong ba thời gian luôn thuyết pháp, luôn niệm Phật, niệm Pháp. Những cái đó chỉ có thể được thấy nghe bằng cả thân và tâm, thân và tâm không còn bị giới hạn trong vách ngăn của sự qui ngã để thấy và nghe từ bên trong của sự vật. Nói như ngài Đạo Nguyên, “Học Phật là học về cái ngã; học về cái ngã là quên cái ngã. Quên cái ngã là được đánh thức trong mọi sự” hay “Quên mình là mở ra chính mình”.

Quên mình cũng là thấy biết rõ ràng trong tính chất không có, không không, không hữu tình, không vô tình, không cô lập một thứ gì trong thế giới. “Núi không là hữu tình cũng không là vô tình. Bạn cũng không là hữu tình, cũng không là vô tình. Ngay bây giờ, bạn không còn nghi ngờ gì về sự bước đi của núi” (Đạo Nguyên). Cũng có nghĩa là không còn nghi ngờ Phật pháp hiện diện khắp nơi, không còn nghi ngờ lưới của Phật trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Zhengyan Guo Jun (Chính Ngạn Quả Tuấn), vị Thầy hướng dẫn về Thiền ở Canada và là trưởng Trung tâm Dharma Drum Retreat ở Pine Bush, New York, hiện trụ trì chùa Mahabodhi ở Singapore, viết về Lưới của Phật:

“Lưới của Phật dài. Giáo pháp lan xa khắp nơi như những con suối chảy xuống từ núi. Luôn luôn di động. Luôn luôn đổi thay. Không cố định. Tiếng của dòng sông là giáo pháp của Phật dạy chúng ta ở đây và bây giờ.

Vẻ đẹp của thiên nhiên ở khắp mọi nơi. Trong núi rừng Java nơi tôi đang ở, nhìn xuống sườn đồi xanh, những khóm lá dứa và chuỗi óng ánh, những con chim ruồi chờn vờn trên những đóa hoa, dưới cùng, một con sông chạy qua kềm núi.

Tiếng sấm kêu vang trên đỉnh. Gió đập. Những giọt mưa đầu tiên vỡ ra trên mái, trên hành lang. Rồi mưa bắt đầu rơi nặng. Con sông chảy tràn qua thung lũng, trôi nhanh qua những tảng đá xám. Nó hát cho chúng ta, không ngừng dạy chúng ta - nếu chúng ta lắng nghe”.

Chúng ta dừng lại ở đây và lắng nghe. Nghe tiếng của không gian, tiếng của thời gian, tiếng của muôn loài, và tiếng của yên lặng. Rồi chúng ta đến với con người, lắng nghe tiếng của con người và nhìn rõ con người cùng với vị thầy:

“Chúng ta có thể cảm kích trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vì sao chúng ta không cảm kích trước con người giống như vậy? Chúng ta có thể chiêm ngưỡng mỗi và mọi đóa hoa,

vì sao chúng ta không thể chiêm ngưỡng mỗi và mọi con người? Người mà bạn bỏ quên; người mà bạn tởm ghét; người mà bạn cảm thấy khó chịu; người làm cho bạn lánh xa; người làm cho bạn tổn thương; người mà bạn thích; người đã giúp đỡ bạn; người phản bội bạn; người mà bạn chẳng cần đến; người trung lập; vô số người mà bạn chưa từng gặp; người mà bạn sẽ gặp trong ngày mai...

Mỗi người - mỗi người là người đầu tiên và người sau cùng. Mỗi người là thầy của chúng ta. Mỗi người là một thế giới, một vũ trụ, là lưới của Phật, là một món quà, một bài ca, một sự tỉnh giác. Trở về trong khoảnh khắc. Trở về với con người. Mở tâm. Và lắng nghe!...”

Rồi ông kết luận:

“Lưới của Phật dài. Luôn luôn nói, luôn luôn dạy, luôn luôn mở ra cho chúng ta sự nhiệm mầu của đời sống, luôn luôn tỏ thể với chúng ta trong mỗi hơi thở về tình yêu thương đối với mọi sự sống” (Chan Heart, Chan Mind).

Tóm lại, không quên mình là mở tâm ra với thế giới. Tâm mở ra thì thân cũng mở ra để thấy nghe, xúc chạm thế giới. Thiền sư Keido Fukushima viết: “Vi Thiền nhấn mạnh rằng chúng ta phải trở thành sự vật chúng ta tiếp xúc, khi tiếp xúc với sự vui, chúng ta vui, khi tiếp xúc với sự buồn, chúng ta có thể khóc” (Zen Bridge). Chúng ta bắt đầu bằng thấy nghe hơi thở của mình để thấy nghe hơi thở của người, của vật, của cỏ cây, của sông, của núi... Chúng ta bắt đầu bằng thấy nghe bước đi, sự chuyển động và dừng nghỉ của mình để thấy nghe bước đi, sự chuyển động và dừng nghỉ của người, của vật, của cỏ cây, của sông, của núi... Đó là bắt đầu mở rộng tâm và thân để thấy nghe tướng lưới của Phật hiện diện khắp nơi, dạy cho chúng ta tính chất tương quan duyên khởi của thế giới, để chúng ta đi trên con đường thực hành vô ngã, kết nối, thương yêu và an lành. ■

Chú thích:

(*)

切 忌 從 他 覓
迢 迢 與 我 疎
我 今 獨 自 往
處 處 得 逢 渠
渠 今 正 是 我
我 今 不 是 渠
應 修 甚 麼 會
方 得 契 如 如

Thiết ký tông tha mịch
Điều điều dữ ngã sơ
Ngã kim độc tự vãng
Xứ xứ đắc phùng cừ
Cừ kim chính thị ngã
Ngã kim bất thị cừ
Ứng tu nhâm ma hội
Phương đắc kế như như.



Thiền Quán về Sống và Chết

PHILIP KAPLEAU
THÍCH NGUYỄN TẠNG dịch

Có rất nhiều nghiên cứu loại văn học về sự chết và hấp hối cũng như một khối lượng lớn những cuốn sách và những bài báo viết về những điều này. Trong thập niên vừa qua, số lượng của chúng tăng vọt đều gồm cả những cuốn sách viết về tự tử vốn gây tranh luận, những lời kể về kinh nghiệm cận tử, và những bài báo viết về cách thi hành ý nguyện lúc sống của những người hấp hối. Khối lượng thông tin lớn lao này đáp ứng nhu cầu sâu xa của con người, nhu cầu có lời giải đáp cho những câu hỏi vĩnh cửu "Tôi đã từ đâu tới khi được sinh ra và sẽ đi đâu khi chết? Đời sống và cái chết của tôi có ý nghĩa gì?".

Là con người thì ai cũng có những điều thắc mắc này phản chiếu sự nghi ngờ lớn nhất của chúng ta, sự xa lạ sâu xa nhất của chúng ta với Tự Ngã. Không có những lời giải đáp thích đáng thỏa mãn, thì trong tâm vẫn còn mối thắc mắc day dứt làm hỏng cả những kinh nghiệm ngọt ngào nhất của đời sống. Vì đối với quảng đại quần chúng, vẫn có một niềm tin rằng sự chết là tai họa lớn nhất của con người, và sự hấp hối là cuộc chiến đấu cuối cùng đầy đau đớn chống lại sự diệt vong. Cùng lúc đó tính chất bí ẩn của sự chết vốn

được coi là sự kết thúc của cuộc đời, làm cho loài người kinh sợ từ khi họ có ý thức về đời sống.

Tại sao lại có thêm một cuốn sách nữa về sự chết và hấp hối? Và cuốn sách này khác những cuốn khác ở chỗ nào? Giá trị của những cuốn sách nhiều vô số này là đã uốn nắn thái độ xây dựng và từ bi của xã hội đối với người bệnh sắp chết; đã rọi sáng cho lối nghĩ của chúng ta về cuộc đời và cái chết của chính mình, nhưng phần lớn những cuốn sách này thiếu phương diện tâm linh, tức thái độ có tính cách tôn giáo đối với sự sống và sự chết, cũng như sự hướng dẫn thực dụng về điều có thể được gọi là nghệ thuật và tôn giáo của sự chết.

Một sự định hướng tâm linh về sự chết bao gồm một số điều, trong đó có sự hiểu và thực tâm chấp nhận nguyên nhân và tính liên tục của sự sống. Điều này cũng hàm ý công nhận giá trị của nghi thức tang lễ mà khi được thi hành với sự thành tâm, sẽ giúp cho sự chuyển tiếp được thuận lợi từ kiếp này sang kiếp tới ở tương lai. Nhiều người cảm thấy tang lễ ngày nay là một sự kiện đơn sơ, vội vã, không có ý nghĩa tâm linh đích thực, kể cả khi được cử hành bởi tu sĩ, một nghi lễ bề ngoài mà người ta không nhận thấy sự thật của sự chết, sự mất mát và sự đau buồn.

Giáo sư xã hội học Robert Fulton và những người khác đã ghi nhận, rằng trong thế hệ vừa qua một sự thể tục hóa lớn lao về cái chết đã diễn ra; bây giờ người ta chết một cách “khổ hạnh” trong những bệnh viện vô trùng thay vì chết một cách “mỹ thuật” ở tại nhà của họ. Y sĩ đã thay thế giáo sĩ, y sĩ là thầy pháp của thời nay với quyền lực kéo dài sự sống, y sĩ là người hộ tống mới của chúng ta đi khỏi cõi đầy nước mắt này. Chúng ta trả giá cao cho sự thay đổi giá trị này.

Trong cuốn sách có tựa là *“Người hiện đại đi tìm linh hồn”* (Modern Man in Search of a Soul), vị bác sĩ tâm thần và tâm lý người Thụy Sĩ, ông Carl Jung (1875-1962), đã nói về cái giá trị đó: *“Trong số tất cả những bệnh nhân của tôi ở nửa sau của cuộc đời, tức là trên 35 tuổi, không có một người nào có vấn đề trong phương cách cuối cùng không phải là tìm một nhân quan tôn giáo về đời sống. Có thể nói rằng mỗi người trong số họ cảm thấy bệnh tật vì mình đã mất cái mà các tôn giáo của mọi thời đại đã ban cho các tín đồ, và không có người nào trong số họ đã thực sự khỏi bệnh mà không lấy lại nhân sinh quan tôn giáo của mình”*.

Một lối tiếp cận tâm linh tới người hấp hối không cần phải có những giáo điều, tín điều hay những nguyên tắc đạo đức tuyệt đối, giống như không khí mà chúng ta thở, lối tiếp cận tâm linh này không phân cách với đời sống. *“Tứ Thư Ai Cập”* (Egyptian Book of the Death) của thời xưa rồi *“Tứ Thư Tây Tạng”* (Tibetan Book of the Death) có sau đó, và *“Nghệ Thuật Chết”* (The Art of Dying) của Thiên Chúa giáo thời Trung cổ đều cung cấp sự hướng dẫn thực tiễn đó. Nhưng những cuốn sách cổ này có điểm bất lợi là trình bày những dữ kiện bí ẩn với những từ ngữ quá khó hiểu hay kỳ lạ đối với người đọc ngày nay.

Một nghệ thuật chết được dùng trong thời đại chúng ta có thể tiến xa trong việc giải tỏa bầu không khí được phi phân hóa của cái chết bệnh viện vốn đã trở thành dấu hiệu bi thảm của thời đại này. Việc thực hành y khoa biểu tỏ tính chất thông cảm sâu xa vốn có của mình, nhưng sự thông cảm đó mỗi lúc mỗi đi lạc ra ngoài đường lối khi nghệ thuật và tôn giáo của sự chết bị chìm đắm trong khoa học kéo dài sự sống với bất cứ giá nào.

Nói về sự tai hại của việc kéo dài sự sống của khoa học ngày nay, trong phần đề tựa của mình cho cuốn *“Tứ Thư Tây Tạng”* (Tibetan Book of the Death), W.Y. Evans-Wentz đã viết: *“Chết trong bệnh viện, có thể khi đang chịu ảnh hưởng của nha phiến, hoặc đang chịu sự kích thích của một loại thuốc nào đó được chích vào cơ thể, để làm cho người hấp hối bám vào sự sống càng lâu càng tốt, thì như vậy chỉ là một cái chết không đáng mong ước, giống như cái chết vì bị chấn động bởi bom đạn của người lính trên chiến địa. Kết quả bình thường của việc sinh đẻ có thể hỏng vì sự sai lầm của người hộ sinh, cũng giống như vậy, kết quả bình thường của tiến trình chết có thể bị hỏng vì sự sai lầm của người cứu chữa”*.

Những cuộc nghiên cứu cho thấy rằng khi trạng thái tâm trí của người bệnh hấp hối không bị can thiệp bởi thuốc an thần hay bởi một loại y dược nào khác, tức là khi họ hoàn toàn tỉnh táo và có thể đáp ứng môi trường với ý thức trọn vẹn, cảm xúc chính yếu của họ là an tĩnh, không lo sợ, và càng an tĩnh hơn nếu họ đã có niềm tin vững chắc rằng sự sống là liên tục chứ không chấm dứt vào lúc chết.

Nói cho công bằng với y khoa thì việc ngăn cản tiến trình chết bằng những chất hóa học mạnh và những phương tiện khác phản chiếu một mô thức văn hóa vốn không chỉ xem mọi sự đau đớn là không cần thiết, mà còn xem sự chết là kẻ địch lớn tới hậu để ngăn cản và chế ngự với bất cứ giá nào. Sự chết vốn phải được chào đón như một sự kiện tự nhiên không thể tránh được, trở thành Tử Thần Cẩm Lưỡi Hải Khắc Nghiệt, và chết trở thành điều đáng sợ nhất. Nếu con người ngày nay muốn tự “làm chủ” sự qua đời của mình và không bị lừa bịp với cái chết của chính mình, họ phải giành lại quyền lực của mình như một cá nhân hành động một cách tự trị, và khi hành động cụ thể sáng suốt trong tâm trí, phải dàn dựng sự kiện qua đời của chính mình, chống lại sự khống chế của thể lực gia đình và những thể lực khác áp đặt lên họ. Nhận xét sự bất lực của cá nhân về việc này trong thế giới đương đại, sử gia người Pháp Phillip Aries viết: *“Cái chết trong bệnh viện không còn là dịp tang lễ mà người hấp hối đứng đầu giữa những thân nhân và bạn bè của mình. Cái chết là một hiện tượng kỹ thuật xuất hiện với sự ngừng cứu chữa được quyết định bởi y sĩ và nhân viên bệnh viện. Sự thật là trong đa số trường hợp người hấp hối đã bất tỉnh rồi. Cái chết đã được mở xẻ, được cắt thành từng miếng nhỏ bởi một loạt những bước nhỏ, mà rốt cuộc người ta không thể biết bước nào là cái chết thực sự; là bước mà trong đó ý thức đã bị mất; hay là bước mà trong đó hơi thở đã ngừng”*.

Ngày nay cái chết trong bệnh viện trung bình ở Mỹ còn kém đàng hoàng hơn và kém chặt chẽ hơn hai mươi, ba mươi năm trước (1975) khi cuốn sách của Aries được xuất bản. Và chính sự chăm sóc của bệnh viện cũng trở nên phi nhân hơn. Một phần của điều này là do các bác sĩ, y tá và nhân viên bệnh viện phải làm việc trong những điều kiện nặng nề. Mới đây, một tạp chí quốc gia viết: *“Lo ngại, trầm uất và cô đơn là những nhân tố chính trong đời sống của các bác sĩ, và bây giờ đây là một trong những bí mật được giữ gìn lỏng lẻo nhất của thế giới”*. Nhưng còn có những nguyên nhân khác, một trong những nguyên nhân này là thái độ chung của Tây phương cố gắng gây ảnh hưởng tới những sự kiện thay vì để cho chúng đi theo con đường tự nhiên của chúng. Thái độ này được thu tóm trong câu nói: *“Đừng ngồi yên một chỗ, hãy làm một điều gì đi chứ!”* (Don't just sit there, do something!).

Minh họa cho thái độ này là kinh nghiệm của một bác sĩ bạn của tôi. Một hôm khi ông ta đang làm việc

trong một bệnh viện lớn, một bà cao tuổi trong tình trạng hôn mê được đưa vào phòng cấp cứu nơi ông đang trực. Bà ta đang hấp hối vì một căn bệnh hiểm nghèo. Khi bác sĩ đang khám cho bà ta, một bác sĩ trưởng xuất hiện, nhìn qua bà ta rồi ra lệnh cho bác sĩ đưa ngay bà ta tới phòng chuyên khoa.

Ông bác sĩ bạn tôi nói: *"Khoan. Chúng ta biết bà ta đang hấp hối. Hãy để tôi ngồi với bà ta, nắm tay và cố gắng an ủi cho tới khi bà ta chết, có thể không hơn một hay hai tiếng đồng hồ nữa"*. Ngó bạn tôi với ánh mắt hung dữ, vị bác sĩ trưởng phản đối: *"Tại sao lại lạnh lùng và vô tâm như vậy, bác sĩ?"*; rồi ông gọi một y tá đưa người bệnh tới phòng chuyên khoa. Vị bác sĩ bạn tôi bình luận: *"Tôi nghĩ ông ta là người không biết thông cảm, và ông ta cũng đã nghĩ tôi là người như vậy. Nhận thức của người ta rất khác nhau"*. Nhưng cũng có những tín hiệu tốt. Phong trào bệnh xá đang tăng trưởng, và đây là những nhà y tế chăm sóc những người bệnh thời kỳ cuối một cách riêng tư hơn và thông cảm hơn; và phong trào *"ý nguyện lúc sống"* là những dấu hiệu đầy hy vọng của sự thay đổi thái độ đối với sự chết và hấp hối. Thêm nữa, sự thay đổi trong những môn học của một số trường y khoa ở Hoa Kỳ và những nước khác đang tập trung không chỉ vào việc chăm sóc người hấp hối, mà còn vào việc dành cho họ sự hỗ trợ về tình cảm nữa. Việc tái xác định giá trị của thuyết nhân quả và thuyết luân hồi đã có những bước tiến lớn ở Tây phương trong những năm gần đây, nhưng sự chấp nhận thành tâm của

giới khoa học thì có vẻ vẫn còn xa. Tuy nhiên nhiều người tin vào luân hồi và nhân quả đã tìm kiếm những tài liệu của Đông phương và Tây phương để biết thêm về chu trình sống và chết. Những người này đã bắt đầu phá bỏ những hàng rào, những sự kiêng kỵ trí thức mà những người được coi là có đầu óc khoa học đã dựng lên vì họ cho rằng không có bằng chứng.

Có lẽ chướng ngại chính yếu cho sự chấp nhận rộng rãi thuyết sự sống sau khi thể xác đã chết là sự khác biệt về quan điểm triết lý giữa văn hóa Đông phương và văn hóa Tây phương. Giáo sư P.J. Saher viết: *"Thái độ của triết lý Tây phương là điều gì không được chứng minh thì phải bị coi là sai lầm. Thái độ của triết lý Đông phương là điều gì không được chứng minh thì có thể được chấp nhận là sự thật cho tới khi được chứng minh là sai lầm"*. Và cũng có nhiều bằng chứng để thuyết phục bất cứ suy nghĩ hợp lý nào về giá trị của thuyết luân hồi.

Không giống như thần học Tây phương, Phật giáo và huyền học Đông phương dạy rằng: *Sống và chết là hai sự kiện liên tiếp trong một chu trình liên tục trong mọi*

phương diện của thiên nhiên. Phật giáo nói rằng sự sống và sự chết của sinh vật chỉ là phương diện được trông thấy của một dòng bất tận những nguyên nhân và hệ quả, với đời sống thế gian và đời sống ngoài thế gian liên tiếp nhau.

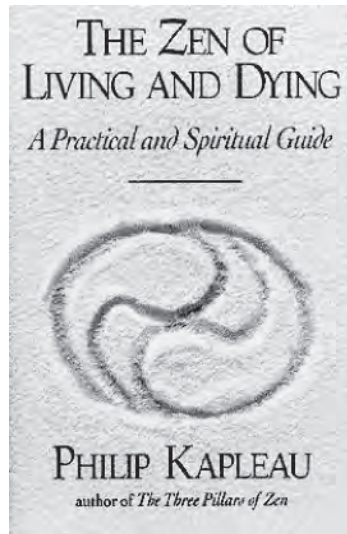
Quan điểm Đông phương xem thuyết *"Một đời sống một cái chết"* là vô lý. Thuyết Duy vật là một niềm tin cho rằng trong số tất cả mọi vật trong vũ trụ, sự sống vận hành trong hư không. Thuyết này muốn chúng ta tin rằng hiện tượng sự sống độc đáo này phát sinh không từ đâu cả, và biến đi không dấu vết. Đa số những người tin theo thuyết này tự xem mình là người *"duy lý"*, nhưng trong vấn đề sự sống và sự chết này họ lại chối bỏ nguyên lý sự bảo tồn của vật chất và năng lượng, một trong những luật chính yếu của vật lý học, khi nguyên lý này được ứng dụng cho năng lượng tâm linh của tâm thức hay thần thức.

Nói về luật nhân quả mà không biết về luân hồi thì như vậy là không trọn vẹn và thiếu sót giống như một cái kéo chỉ có một lưỡi kéo. Vì vậy nhiều tài liệu mới, đa số là của Tây phương, về nhân quả cũng như luân hồi, đã được cho vào cuốn sách này để giúp người đọc hiểu rõ hơn về hai đề mục quan trọng mà tế nhị này.

Phần thứ hai, *"Hấp hối"*, ngoài việc cung cấp sự hướng dẫn tâm linh cần yếu cho người hấp hối và gia đình, còn bao gồm những điều chỉ dẫn chi tiết về cách làm một tang lễ có ý nghĩa và cách làm giảm sự đau buồn của các thân nhân trong thời gian để tang. Thêm nữa, tôi đã cố gắng trình bày rõ ràng hơn về một pháp môn có

thể được gọi là *"Pháp hấp hối hàng ngày"* và tôi cũng cung cấp những pháp thực hành đơn giản để đạt trạng thái này. Những *"cái chết"* hàng ngày này là sự hòa nhập trọn vẹn tới điểm vượt lên trên bản ngã và qua luyện tập có thể được làm cho hoàn hảo và trở thành chứng nghiệm tâm linh thực sự. Nhưng nếu không có sự tạm thời dẹp bỏ tự ngã thì những *"cái chết"* như vậy không thể diễn ra. Và vì vậy tôi thấy cần phải xét nhiều về tính chất và nguồn gốc của tự ngã, hay cái ta, và vai trò của nó trong sự hấp hối và sự chết; vì rốt cuộc, cũng giống như một đời sống hạnh phúc hay đau khổ, một cái chết an lạc hay sợ hãi tùy thuộc vào sự phục tùng hoặc sự nổi trội của cái ta vị kỷ. Trong phần *"Hấp hối"*, tôi cũng nói về sự tự tử và sự gây chết cho người bị bệnh nặng, vốn là hai đề tài càng ngày càng nhận được nhiều sự chú ý của các nhà xã hội học, tâm lý học và các nhà lãnh đạo tôn giáo, do sự gia tăng nhiều của những cái chết tự ý trong những người già cũng như trong giới trẻ.

Tôi cũng nói về pháp Thiền quán sự chết, trong đó hành giả suy ngẫm về sự hiện diện khắp nơi của sự



sống và sự chết. Người đọc cũng thấy có năm tiểu sử sơ lược của những người đã đối diện sự chết một cách vô úy và thanh thản.

Trong phần phụ lục tôi cung cấp thông tin về ý nguyện lúc sống và phong trào bệnh xá dành cho người hấp hối, những điều nên làm và không nên làm trong việc an ủi những thân nhân của người quá cố, một bản danh sách những điều cần phải làm khi có người qua đời và những điều hướng dẫn về căn bản Thiền quán.

Cuốn “*Thiền quán về Sống và Chết*” này được chia thành bốn phần chính là Sự chết, Hấp hối, Nghiệp quả và Tái sinh, nhưng sự thật là sinh lực không thể bị chia thành những phần khác nhau. Sự phân chia này thực sự trình bày những sự chuyển động hay những sự biểu lộ của cái được gọi là “Thần thức”. Đây là bốn thành phần của một toàn phần lớn và là chính toàn phần đó. Khi đời sống được sống một cách thực sự và không bị ý niệm hóa thì những ý tưởng như sống, chết, tái sinh sẽ tan biến.

Mục đích chính của cuốn sách này có thể được tóm tắt như sau: Giúp người đọc học cách sống một cách trọn vẹn với sự sống ở mọi thời điểm và chết một cách an lạc với sự chết (The basic aim of this book can be summed up in these words: To help the reader learn to live fully with life at every moment and die serenely with death).

Nhưng sự giao tiếp một cách khẳng định như vậy với sự sống và sự chết chỉ khả hữu khi người ta nhận thấy sự chết chấm dứt đời sống, cũng giống như sự sống sửa soạn con đường dẫn tới sự chết, và biết rằng do đó sự chết có giá trị và có lý do của nó. Sự chấp nhận này còn làm cho người ta sẵn sàng đối diện sự

chết một cách can đảm và nhận những gì sự chết ban cho mình một cách khôn ngoan: Đó là cách thức thay thế cái thể xác cũ mòn, đau đớn với một thể xác mới, và hơn nữa đây là cơ hội độc nhất trong đời để chúng nghiệm tính chất thật của sự sống. Vì vậy mà triết gia Hy Lạp Socrates phản đối ý kiến cho rằng sự chết là điều xấu nhất trong mọi điều xấu, và Pliny Earle (1809-1892) đã viết:

*“Vây, chết là cái gì,
Để được coi là cần thiết cho hạnh phúc của chúng ta?
Chết là liệm bỏ tất cả những gì trần tục,
Tất cả những cận bã mà con người thừa hưởng,
Và lại tiến tới mặc bộ áo của sự sống bất tử”.*

Người ta sống, rồi người ta chết nhưng ngọn lửa sự sống vốn là sinh lực trong vạn hữu và ẩn ở dưới toàn thể tạo vật thì không đến mà cũng không đi. Ngọn lửa này cháy sáng mãi mãi, không có lúc bắt đầu, không có lúc chấm dứt. Cháy sáng với tâm thức giác ngộ này, người ta có thể chết một cách an lạc hay như sắp bước vào một cuộc phiêu lưu hấp dẫn. Một cái chết như vậy có nguyên nhân là một đời sống dành cho việc thực hiện những tiềm năng về thể xác, tâm trí, đạo đức và tâm linh của một con người.

Tôi hy vọng rằng cuốn sách này nếu được đọc kỹ sẽ có thể giúp cho người hấp hối đạt được sự chết dễ dàng và còn giải thoát người đó khỏi sự trói buộc đau đớn vào luân hồi sinh tử. Và nó cũng có thể làm cho người sống hiểu rằng sự chết cũng phù du như đời sống vậy. ■

Nguồn: *The Zen of Living and Dying, A Practical and Spiritual Guide.* Philip Kapleau, 1998. Boston, MA, USA.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2017

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2017, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ	Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 46 cuốn/kỳ	BS Trần Ngọc Đình : 6 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ	Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ	Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ	Cô Hoàng Thoại Châu : 1 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ	PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ	Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ	
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ	Phật tử Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này: 361 cuốn
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ	Phòng Phát hành VHPG: (028) 3 8484 335
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ	Email: toasoanvhp@gmail.com
Bà Phạm Thị Vinh : 10 cuốn/kỳ	Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ	
Mỹ thuật tượng Zen Art : 10 cuốn/kỳ	Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ	
Cô Huệ Hương : 9 cuốn/kỳ	Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ	
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ	Cty Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ	Ban Biên tập



ĐỌC “**Thần chú trong Phật giáo**” của Giáo sư Lê Tự Hỷ

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Cầm quyển sách trên tay với độ dày 340 trang khổ A5 do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang ấn hành, được Nhà xuất bản Hồng Đức tái bản lần thứ 2 năm 2015, với tựa đề “*Thần chú trong Phật giáo*”, tôi rất vui mừng. Sách này do Phật tử Nguyên Đạo Văn Công Tuấn trao tay cho tôi tại khóa tu Phật thất từ ngày 24 đến 31/09/2017 vừa qua tại chùa Bảo Quang, Hamburg, Đức quốc. Tôi vội vàng đọc ngay; đây là tác phẩm thứ hai của Giáo sư Lê Tự Hỷ mà tôi được đọc.

Nhân đây, tôi xin nêu ra ba quan điểm trong khi đọc kinh, trì chú hay nói đúng hơn là pháp học, pháp hành, và pháp học lẫn pháp hành. Đây chỉ là quan niệm của tôi và tôi xin điểm qua từng pháp một qua các câu

Thần chú “*Yết Đế, Yết Đế Ba La Tăng, Yết Đế, Bồ Đề Tát Bà Ha*”, kế tiếp là câu “*Án Ma Ni Bát Di Hồng*” rồi “*Chú Đại Bi*” và *Thập Chú* lấy từ kinh *Lăng Nghiêm* được trình bày trong quyển sách này mà Giáo sư Lê Tự Hỷ đã dày công nghiên cứu.

Tôi xin phép xếp Giáo sư Lê Tự Hỷ vào quan điểm thứ nhất là Pháp học. Học là một Pháp rất quan trọng. Bởi vì Đức Phật vẫn hay dạy rằng: “*Ai hiểu được Pháp kẻ đó sẽ hiểu được Phật và ai hiểu được Phật người ấy sẽ hiểu được Pháp*”.

Như vậy việc học và hiểu Pháp rất quan trọng. Lâu nay kinh điển được dịch từ chữ Pali sang tiếng Việt, bên Đại tạng kinh Nam truyền gồm 13 tập với 25.000 trang kinh văn, thì có cố Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu đã làm; Đại Chánh Tân tu Đại tạng kinh (Taisho Shinshu

Daizokyo) do cổ Hòa thượng Tiến sĩ Thích Tịnh Hạnh chủ trương dịch từ Hán văn sang Việt Văn thành Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, cũng không dưới 250.000 trang kinh, nhưng vấn đề giảng giải những thần chú ra tiếng Hán và tiếng Việt thì tôi thấy chỉ mới có cổ Hòa thượng Tuyên Hóa và Giáo sư Lê Tự Hỷ thực hiện. Tôi không rõ Giáo sư Lê Tự Hỷ học tiếng Phạn ở đâu, nhưng khả năng phân tích và ngữ nghĩa trong Phạn ngữ của Giáo sư thật quả là tuyệt vời. Có lẽ một phần do tự học như Hòa thượng Thích Tuệ Sĩ mà ra. Riêng tôi, phạm trù Phạn ngữ cũng như tiếng Pali thì xin chịu, bởi từ nhỏ vốn quen với nền văn học chữ Hán cũng như Anh, Pháp, Nhật và Đức ngữ, nên ở những phạm trù Phạn ngữ thuộc về thần chú, thì tôi chỉ có dựa cột mà nghe chứ không dám luận bàn. Vì cuộc đời này có nhiều việc phải tu, phải học nữa, cho đến khi nào nắp quan tài đập lại mới thôi.

Cho nên người xưa thường nói rằng:

*Học hải vô nhai cần thị ngạn
Thanh không hữu lộ chí vi thể.*

Giáo sư cho rằng những phiên âm Hán Việt về thần chú lâu nay chúng ta đọc không sát với tiếng Việt. Do vậy nên hãy đọc âm vận được phiên âm trực tiếp từ chữ Phạn ra chữ Hán thì tương đối đúng hơn. Điều này hẳn tôi đồng ý với tác giả của quyển sách này, nhưng lâu nay ở Việt Nam chưa có vị sư hay cư sĩ nào làm được điều ấy cả. Lý do là sở học về Phạn ngữ của quý ngài giới hạn chăng? Hay vì lẽ gì mà các ngài đã không cho phiên âm ra Việt ngữ? Như vậy ngài Khương Tăng Hội, ngài Chi-cương-lương, ngài Mâu Bác... đã ở Giao Châu chúng ta từ thế kỷ thứ II, thứ III đã chẳng quan tâm về vấn đề này hay sao? Hay là các ngài ấy thấy rằng cứ để nguyên mẫu âm Hán Việt như thế để trì tụng thì công đức cũng không nhỏ. Đến thế kỷ thứ VIII (750) chúng ta có ngài Phật Triết (người Lâm Ấp) và ngài Bồ-đề Thiên-na (người Ấn Độ) đến xứ Phù Nam này và vào năm 752 các ngài được Thánh Vũ Thiên hoàng của Nhật Bản mời sang Nara để làm lễ khai nhân cúng dường tượng Tỳ-lô-giá-na Phật bằng đồng, chắc hẳn quý ngài cũng rất rành tiếng Phạn, không hiểu tại sao các ngài không dịch những câu thần chú trong *Đại Bi*, *Bát-nhã* hay *Lăng Nghiêm* ra tiếng Việt? Hẳn nhiên phải có lý do, nhưng bây giờ quý ngài ấy đâu còn hiện diện trên cõi ta-bà này nữa mà tham vấn. Do vậy, chúng ta vẫn chưa có được câu trả lời. Nhưng dẫu sao đi nữa việc làm của Giáo sư Lê Tự Hỷ là việc làm đáng khâm phục và Giáo sư cũng khuyên là lớp Tăng Ni hay Phật tử trẻ có cơ duyên tiếp xúc với Phạn văn thì nên đọc các thần chú này trực tiếp từ tiếng Phạn ra âm tiếng Việt thì gần gũi với nguyên ngữ hơn. Riêng phạm già gần 70 tuổi như tôi trong hiện tại thì chỉ xin chấp nhận cái cũ đã trải qua truyền thống lâu nay về Pháp hành, chứ chưa thay đổi qua Pháp học như Giáo sư đề nghị được.

Quan điểm thứ hai là về Pháp hành. Ví dụ như ngài Tuyên Hóa, ngài Tinh Vân, ngài Ấn Thuận, ngài Thanh Từ... cả Trung Hoa và Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện tại các ngài này hầu như không có bằng cấp nào của thế gian cả, nhưng về phép tu của các ngài thì quả là thầy của cả Nhân Thiên, ít ai sánh kịp. Ngài Tuyên Hóa khi giảng giải về chú *Lăng Nghiêm* hay chú *Đại Bi*, ngài có bảo rằng ngài không biết chữ Phạn, nhưng cái cảm nhận của ngài khi giảng đến những thần chú này, do như có lực gia trì của chư Phật và chư vị Bồ-tát nên ngài mới giảng được như vậy. Trong sách *"Thần chú trong Phật giáo"* này, kể từ trang 173 trở đi, tác giả Lê Tự Hỷ không đồng ý với ngài Tuyên Hóa mấy. Tuy nhiên ngài đã được xưng là Thánh Tăng của đương đại và ngài cũng có bảo rằng: *"Trong đời mạt pháp này, nếu ai đó hành trì thần chú Thủ Lăng Nghiêm mà bị rơi vào địa ngục, thì ngài sẽ là người xuống đó trước"*.

Hành giả có thể bảo đảm được việc này, chứ học giả thì khó có thể nói những câu tương tự như vậy được.

Nếu đứng về quan điểm của Pháp hành thì nên xem trang 30 của sách này; ở đó, tác giả Lê Tự Hỷ đã kể ra hai câu chuyện trong Phật giáo Tây Tạng rất hay về một vị Thầy chỉ biết trì tụng duy nhất một câu thần chú mà thôi. Một vị Tăng sĩ nổi danh khác không cần Thầy dạy nữa, nên đi tìm vị Tăng sĩ chuyên tu này và thấy vị này đọc sai âm câu thần chú, nên cố gắng sửa lại. Cuối cùng vị theo Pháp hành quên bằng đi là người bạn Tăng sĩ kia đã dạy cho mình phát âm như thế nào, nên đã lướt đi trên nước, đến cạnh bên chiếc thuyền của vị Tăng sĩ nổi danh kia để hỏi lại về âm vận của câu chú, thì cả người chèo thuyền và vị Tăng sĩ nổi danh kia đều hết sức kinh ngạc, nên đã đáp lại rằng: *"Ồi thôi! Ngài không cần gì nữa cả, không cần gì nữa cả!"*.

Câu chuyện thứ hai ở trang 32 và 33 cũng rất hấp dẫn. Đó là câu chuyện của hai học Tăng, một thông minh và một bình thường. Người bình thường niệm câu thần chú *Án Ma Ni Bát Di Hồng* trong ba năm liền, được 100 triệu lần, và người thông minh kia chỉ bắt đầu niệm danh hiệu này trong ba ngày còn lại; trước khi người Tăng sĩ bình thường kia sắp xong 100 triệu lần, người Tăng sĩ thông minh kia quán mọi người trên thế gian này đều là một Đức Quan Thế Âm và mình với Ngài không khác. Cuối cùng Sư phụ của hai vị này đều rất hài lòng cho Pháp hành này.

Thật ra thì Phật giáo Việt Nam của chúng ta trong hiện tại thiếu những vị chuyên tu về Pháp hành như Tây Tạng hay Trung Hoa, chứ chúng ta không thiếu những người theo Pháp học.

Bây giờ trở đi mới chính là những giờ phút Phật giáo Việt Nam của chúng ta phải hạ thủ công phu, mới bắt kịp theo Phật giáo Tây Tạng được. Tôi đi rất nhiều nơi và đến rất nhiều chốn, nhưng những nước còn hành trì thần chú *Lăng Nghiêm* rất ít, trong đó chỉ còn thấy ở các chùa Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và An Nam

tông của Việt Nam ở Thái Lan cũng như những chùa Việt Đại thừa tại ngoại quốc. Trong khi đó Phật giáo Nhật Bản họ hành trì theo kinh điển của tông phái họ và hoàn toàn không có tông nào tụng *Lãng Nghiênm câ*; còn Phật giáo ở Đức lại đa dạng hơn, nghĩa là nhóm Phật tử nào theo tông phái của Phật giáo nước nào thì họ tụng theo ngôn ngữ tiếng của nước đó. Ví dụ như người Mỹ, người Đức, người Pháp theo Phật giáo Tây Tạng thì họ tụng kinh, niệm chú theo âm Tây Tạng, chứ họ chưa có thể biến đổi hoàn toàn theo âm vận của tiếng địa phương được.

Ở đây chúng ta cũng đồng ý với Giáo sư Lê Tự Hỷ rằng: *"Công dụng của thần chú không từ ngoài mà được. Việc chính là hành giả ấy hành trì như thế nào mà thôi"*.

Quan điểm thứ ba là vừa có Pháp học và có cả Pháp hành. Đại diện cho khuynh hướng này có cố Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, cố Hòa thượng Tiến sĩ Thánh Nghiênm và Đức Đạt-lai Lạt-ma. Nếu có ai đó đã đọc *Nam truyền Đại tạng kinh* hay những sách của cố Hòa thượng Thích Minh Châu viết thì chúng ta phải ngưỡng vọng một bậc thầy đạo cao, đức trọng. Là một học giả uyên bác về tiếng Pali, Hán văn, Pháp văn và Anh văn, nhưng pháp hành thiền của Ngài không bao giờ xao lãng. Mặc dầu với cương vị của một vị Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh từ năm 1964 đến năm 1975, có không biết bao nhiêu việc phải giải quyết, nhưng tâm từ và tâm bi qua sự hành thiền, ngài đã làm tỏa chiếu một bầu trời Vạn Hạnh cho đến mãi ngày nay. Thiền sư Thích Nhất Hạnh với hơn 150 tác phẩm bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Thầy Nhất Hạnh đã hướng dẫn người ngoại quốc tu Thiền Chánh niệm như thế nào; và ở ngoại quốc ngày nay, trong giới Phật giáo và các học giả khi nghe nhắc tới Thiền sư Nhất Hạnh, không ai mà không biết.

Ngài Thánh Nghiênm, người Đài Loan, năm 1972 tôi đã có dịp gặp ngài tại Nhật và sau này khi thầy Hạnh Giới tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại Học Hannover vào năm 2003, tôi cũng đã cho thầy ấy qua Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan để tu học với ngài Thánh Nghiênm trong nhiều năm. Tại đó học Tăng có thể học tư tưởng của ngài về: Nhân gian Tịnh độ, Thiên quốc Tịnh độ, Phật quốc Tịnh độ và Tự tánh Di-đà Tịnh độ; và nếu có ai đó đã đọc những sách của ngài như: *Thánh Nghiênm tự truyện* hay *Sơ sánh Tôn giáo học*... thì chúng ta cũng sẽ thấy được một tiến sĩ của Nhật Bản chịu đựng sống dưới gầm cầu

ở New York suốt 6 tháng trường để thực chứng với *"cái KHÔNG là gì?"* sau khi đã không thành công với Ban Hộ tự của chùa Đông Sơ ở New York.

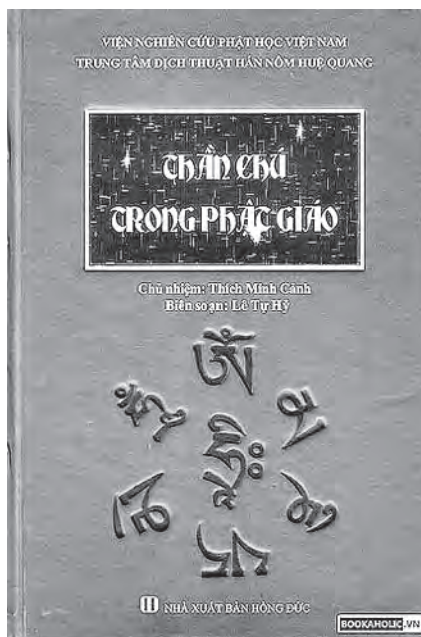
Còn Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 thì khỏi phải phẩm bình, vì ngài là một thánh nhân trong hiện thế, nhưng mỗi ngày ngài đều hành trì 4 tiếng đồng hồ vào mỗi buổi sáng. Còn chúng ta thì sao? Đa phần chúng ta là phạm Tăng, phạm Ni nhưng rất dễ duôi với việc hành trì qua việc trì tụng thần chú *Lãng Nghiênm* vào mỗi buổi sáng. Nếu ai đó đã đọc được những tác phẩm của Đức Đạt-lai Lạt-ma thì trong đó có hai quyển nên đọc trước. Đó là *"Nước tôi và dân tôi"* hay *"Tự do trong lưu đày"* để thấy rằng một bậc Thánh tăng đã thực hành Pháp học và Pháp hành như thế nào trong suốt cuộc đời của ngài.

Có như vậy chúng ta mới cố gắng để thành tựu sở tu và sở chứng của mình được, khi nhìn gương thực hiện Pháp của các ngài.

Đọc *"Nhân Sinh Yếu Nghĩa"* của ngài Tuyên Hóa giảng bằng tiếng Phổ thông và Thượng tọa Minh Định đã dịch sang Việt ngữ, hay đọc *"Thần chú trong Phật giáo"* của Giáo sư Lê Tự Hỷ chúng ta sẽ thấy ngay thế nào là Pháp học và thế nào là Pháp hành. Riêng tôi xin chấp hai tay lại để niệm ân tất cả, vì tôi đã chưa làm được việc đó. Tôi chỉ là người nối bước theo những lối chân mòn của các bậc Tổ đức đã từng lội qua những dòng sông sanh tử mà thôi. Từ đó chúng ta sẽ có một cái nhìn thấu triệt hơn về con đường mà chúng ta đang đi và đang phụng sự.

Về chính tả hỏi, ngã... sách này không có lỗi, nhưng về tiếng Nhật có lẽ Giáo sư Lê Tự Hỷ không chuyên (dĩ nhiên là tiếng Phạn và tiếng Anh thì giáo sư rất rành); bởi lẽ người Nhật không bao giờ đọc là namu amida bu (trang 88) mà họ đọc là Namu Amida Butsu (chữ Phật theo lối viết của Nhật, không giống chữ Phật viết theo chữ Hán) và ngay cả Việt Nam mình sau này cũng có một số người chủ trương là nên đọc "Nam-mô A-mi-đà Phật". Như vậy cũng không ổn, vì lẽ tiếng Trung Hoa không có âm vận d và đ; nên họ đọc Di là Mi và Đà là Là. Nếu ai đó chủ trương sửa đổi, sao không đổi thành "Nam-mô A-mi-là Phật" cho đúng giọng của người Trung Quốc?

Thật ra những điều đã được nêu lên ở trên chỉ là những điều kiến giải riêng biệt của tôi mà thôi và mong rằng: Nếu bài điểm sách này có được lợi lạc nào đó cho cả tác giả lẫn học giả và hành giả trong môi trường mà mọi việc đều được phổ biến rộng rãi trên hoàn cầu như ngày hôm nay, thì quả là một điều quá tuyệt vời đối với người viết bài điểm sách này vậy. ■



Họa phước vô môn

TRINH THỊ NGUYỆT YẾN

Nhà tôi cạnh bến phà và bến xe ôm. Để có đồng vô đồng ra xây xài hàng ngày không phải xin các con, vợ chồng tôi mở quán bán cà-phê, các loại nước giải khát đóng chai và các loại bánh kẹo.

Một hôm, chị Lan, bạn hàng xóm, đến chơi; tôi đãi chị ấy ly cà-phê đá. Lan vừa uống vừa đưa mắt nhìn khắp nơi trong quán rồi hỏi tôi *“Chị không thờ thần tài ông địa sao?”*. Tôi lắc đầu, Lan hỏi tiếp *“Sao vậy? Thờ đi chớ? Mua bán mà không thờ thần tài ông địa thì lấy ai đem tài lộc và lùa khách đến cho chị?”*. Tôi nói *“Tôi mới bán nên không biết! Thờ làm sao chị chỉ dùm coi?”*. Lan nói *“Để ợt chớ gì? Chị đi chợ mua tượng hai ông và cái trang rồi nhờ thầy Út trong Mương Cui khai nhãn khai nhĩ và coi ngày tốt an vị chỗ góc đó là tốt nhất”*. Lan chỉ trong góc quán, tôi nhìn theo, hỏi *“Làm lễ an vị cúng cái gì? Có cần rước thầy làm lễ tụng kinh không?”*. Lan khoát tay *“Khỏi! Chị cúng gà luộc hoặc ký heo quay cùng bánh ngọt và hương đăng trà quả được rồi. Sau đó, mỗi tháng chị nhớ cúng vào mồng hai và mùng sáu, lễ vật ngọt hay mặn cũng được, tùy lòng thành kính của mình thôi”*.

Tôi cũng thấy những người buôn bán đều thờ thần tài ông địa nên cũng muốn làm lắm lại ngại vì chồng tôi đã qui y thọ giới, hiện tu theo giáo pháp Tứ diệu đế và Bát chánh đạo. Anh ấy rất nghiêm khắc, chỉ tin tưởng Đức Phật Thích-ca và những lời dạy của Ngài chứ không tin thần quyền, mê tín dị đoan nên tôi không dám làm càn. Thấy tôi lưỡng lự, Lan hỏi còn chần chờ gì nữa; tôi cho chị ấy biết điều mình ngần ngại rồi nói *“Để tôi hỏi ý kiến ông xã mới được”*. Lan nói *“Tôi cũng theo đạo Phật nè. Nhưng, theo đạo là để mình tu tâm dưỡng tánh, làm lành lánh dữ; còn buôn bán là việc đời, hơn nữa thờ phượng thánh thần là làm lành, là truyền thống, chứ đâu có gì mê tín dị đoan? Chị không thấy dân chài lưới và những người làm nghề trên sông nước đều thờ Bà Cậu đó sao?”*.

Nghe Lan nói có lý, tôi xin ông xã cho được thờ thần tài ông địa. Anh bật cười, nói *“Vớ vẩn! Ông thầy Út nào đó người phàm mắt thịt làm sao khiến được thánh thần, nếu họ có thật? Và lại, những pho tượng đó làm bằng đất nung, bọng lỏng, làm sao thấy nghe được mà khai. Đúng là khô hài”*.

Rồi anh nghiêm chỉnh trở lại *“Bất cứ chuyện gì đều hội đủ ba yếu tố ắt có và đủ để làm thành công. Ba yếu tố đó là thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Cho nên làm bất cứ chuyện gì cũng phải thấy được cái bản chất của nó và suy nghĩ chín chắn trước khi làm. Quán của mình có*



thiên thời, địa lợi nhưng thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa. Để có nhân hòa phải hội đủ các điều kiện sau: Phải coi khách hàng như thượng đế và phải biết cười, biết cảm ơn và biết xin lỗi với họ. Quán xá, bàn ghế, ly tách phải sạch sẽ, vệ sinh. Các thức uống phải ngon, an toàn chất lượng và không quá hạn sử dụng. Giá cả phải chăng không được chặt chém. Làm được như vậy em sẽ mua may bán đắt, còn ngược lại ế ẩm là lẽ đương nhiên. Họa phước do ta mà có, từ ta mà ra chứ không có thánh thần nào giáng họa hay ban phước cho ta cả. Em tạo nghiệp lành, gieo nhân thiện sẽ hưởng phước báu, còn tạo nghiệp ác, gieo nhân dữ sẽ chuốc họa vào thân. Đến khi đó thì dù cho Đức Thích-ca cũng không cứu được em hưởng gì thần tài, ông địa”.

Buôn bán là làm dâu trăm họ, có năm bảy người khen cũng có đôi ba người chê, có ai *“uốn câu cho vừa miệng cá”*, ông trời còn sáng nắng chiều mưa, ăn ở không vừa lòng người hưởng gì mình. Để thu hút và giữ chân khách, tôi mày mò học hỏi cách pha chế cà-phê. Không sợ tốn kém, tôi mua những loại cà-phê, nước giải khát đóng chai ngon nhất, có uy tín chất lượng nhất về bán. Lờ ít bán nhiều còn hơn lờ nhiều bán ít. Quán xá, bàn ghế, ly tách lúc nào cũng sạch sẽ, tinh tươm, *“nhà sạch thì mát bát sạch ngon cơm”*. Đối với những người khách khó tính hay những người say xin, tôi luôn luôn mềm mỏng, nhẹ nhàng, *“tránh voi chẳng xấu mặt nào”* cho êm chuyện làm ăn. Nhờ vậy mà quán của tôi luôn đông khách dù không thờ thần tài, ông địa. ■

Lòng từ bi

NGUYỄN HỮU ĐỨC



Từ bi cho con người

Cách đây nhiều năm, tôi có hướng dẫn một sinh viên dược khoa làm đề tài nghiên cứu tốt nghiệp đại học. Khổ nỗi đề tài này liên quan đến súc vật là chuột lang (cobaye). Để khảo sát sự biến đổi của niêm mạc dạ dày của chuột dưới tác động của một loại thuốc, chuột phải bị giết đi bằng cách bẻ cổ đúng phương cách để chết tức khắc, sau đó mổ bụng lấy dạ dày quan sát.

Em sinh viên đã chuẩn bị phần thực nghiệm rất chu đáo, nhưng khi đứng trước chuồng nuôi chuột, em lại khóc nức nở: *"Thưa thầy, em không thể giết những con chuột ấy được đâu! Bởi em theo đạo ông bà cha mẹ, ăn chay mừng một và rằm. Đặc biệt em thực hành ngũ giới cấm của đạo Phật mà giới thứ nhất là bảo vệ sự sống tức không được sát sanh. Đạo Phật giúp em thấm nhuần ý nghĩa của chữ Từ Bi từ rất lâu rồi ạ"*.

Tôi đã nói với em: *"Em nên biết, không chỉ thử nghiệm làm sàng, tức thử thuốc trên người, là phải tuyệt đối theo đúng các tiêu chuẩn y đức; mà thử nghiệm trên súc vật, chúng ta cũng phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức thử trên súc vật mà thế giới để ra. Nếu em làm đúng theo quy trình thử nghiệm đã thiết kế, đặc biệt không làm điều gì gọi là ngược đãi hành hạ thú vật trước khi giết chúng là được rồi. Hơn nữa chúng bị hy sinh là vì khoa học, việc ta làm là cần thiết và bất đắc dĩ. Ta làm vì lòng từ bi cho con người"*.

Chính mấy chữ "hy sinh vì khoa học, từ bi cho con người" làm em sinh viên người ngoại, vững tinh thần, tiến hành làm đề tài nghiên cứu rất tốt.

Trong kinh Bồ-đề Vương tử có truyện kể rằng:

"Có một vị vương tử tên là Bồ-đề, ông ta xây cất một tòa lâu đài nguy nga và tráng lệ, vì thế ông muốn Đức Phật - một người đầy đủ phước báu và được mọi người tôn kính - chính là người đầu tiên bước chân vào tòa lâu đài của ông."

Sau khi vương tử Bồ-đề thỉnh Đức Phật đến nhà và được nhận lời, ông đã tát bột chuẩn bị mọi thứ để nghinh đón Đức Thế Tôn. Đáng chú ý là ông trải một tấm vải trắng từ trong nhà mình, xuống tới tam cấp và ra thẳng tới cổng. Khi Đức Phật cùng các đệ tử đến, ông thỉnh Đức Phật hãy đặt chân lên tấm vải trắng này và bước vào tòa lâu đài. Đức Phật im lặng và đứng tại chỗ. Lần thứ hai Bồ-đề tiếp tục thỉnh nữa, Đức Phật đứng im lặng. Và lần thứ ba tiếp tục thỉnh nữa, Đức Phật vẫn đứng im lặng.

Lúc đó, Tôn giả A-nan hiểu được ý của Đức Phật nên nói như sau: *"Đức Thế Tôn không thể để chân mình bước lên tấm vải trắng vì Đức Thế Tôn đang nghĩ đến người nghèo không có mảnh vải che thân". Thế là vương tử Bồ-đề nghe lời, cuốn tấm vải trắng đó lên và lúc đó Đức Thế Tôn đi vào tòa lâu đài trên đường không còn trải khăn trắng"*.

Sở dĩ Đức Phật không bước lên tấm vải trắng tinh mà vương tử Bồ-đề trải để đón tiếp Ngài là vì Đức Phật đã nghĩ đến những người nghèo khổ còn khó khăn về ăn mặc. Đây là một trong vô số trường hợp nói về lòng từ bi sâu sắc mà Đức Phật đã thể hiện trong cuộc đời của Ngài. Chỉ có đạo Phật mới có thể phản ánh trọn vẹn ý nghĩa của chữ "Từ Bi" và chỉ có Đức Phật là người làm trọn vẹn điều này!

Từ bi không có nghĩa đơn giản là "xót thương" người khác một cách thụ động và tiêu cực, mà ngược lại Từ bi là một sức mạnh tích cực đưa ta thẳng vào hành động từ nhỏ nhất đến lớn lao, trong mục đích loại trừ mọi thể dạng của khổ đau và mọi cội rễ của khổ đau.

Từ bi cho chúng sinh

Có câu chuyện kể rất thú vị:

Một Hòa thượng lên núi chặt củi, trên đường trở về, ông phát hiện cậu thiếu niên nọ đã bắt được một con bướm và đang cố gắng khom hai bàn tay lại để giữ cho bướm không bay mất.

Nhìn thấy Hòa thượng, cậu cất lời: *“Thưa Hòa thượng, cháu và ngài đánh cược một ván được không? Ngài đoán xem con bướm trong tay cháu sống hay chết? Nếu ngài đoán sai, bó củi sẽ thuộc về cháu”.*

Vị Hòa thượng đồng ý và đoán: *“Con bướm trong tay cháu chết rồi”.*

Cậu thiếu niên cười lớn đáp: *“Ngài đoán sai rồi”.*

Nói đoạn, cậu mở tay ra, con bướm từ lòng bàn tay cậu bay lên.

Hòa thượng nói: *“Được, gánh củi này thuộc về cháu”.* Nói xong, ông đặt gánh củi xuống, vui vẻ bước đi.

Về nhà, nghe hết câu chuyện của con trai, cha của cậu thiếu niên nói với giọng trách móc: *“Con ơi, con hồ đồ quá rồi! Con nghĩ là mình đã thắng sao? Con không hề biết mình đã thua đấy”.*

Lời cha nói khiến cậu con trai ngơ ngác, không hiểu gì. Người cha liền lệnh cho cậu ta gánh bó củi lên vai, và hai cha con mang củi đến trả cho nhà chùa.

Nhìn thấy vị Hòa thượng, người cha liền cất tiếng: *“Thưa thầy, con trai tôi đắc tội với thầy, xin thầy lượng thứ”.*

Hòa thượng gật đầu, mỉm cười và không nói gì.

Trên đường trở về nhà, cậu thiếu niên đã nghe cha nói: *“Vị Hòa thượng đã cố ý đoán con bướm chết, như thế con mới thả nó ra và thắng được gánh củi. Nếu ông ấy nói con bướm còn sống, con sẽ bóp chết con bướm và con cũng sẽ thắng cược. Vị Hòa thượng thua một bó củi nhưng đã thắng được thứ giá trị hơn rất nhiều, đó là lòng từ bi. Còn con, con đã thua, đã để mất thứ quý giá đó mà chẳng hề hay biết”.*

Có câu chuyện khác kể về ngài Vô Trước (Asanga). Ngài Vô Trước là một Đại luận sư Phật giáo, sáng lập ra Duy Thức tông. Ngài đã tìm một hang động trong núi Kukūtapāda, gần thị trấn Rājagrha ngày nay, để tự tham thiền. Ngài thiền định bằng cách quán tưởng Đức Phật Di-lặc. Hai lần ngài bỏ hang ra đi vì thất vọng, nhưng sau rốt vẫn trở về hang để tiếp tục thiền định.

Tổng cộng sau mười hai năm thiền định như thế, ngài vẫn không thấy Phật Di-lặc ứng hiện. Ngài lại bỏ hang và ra đi, trên đường ngài thấy một con chó ghê lở khắp thân thể, giò bọ nhưng nhúc và đang hấp hối. Ngài quá thương xót con vật và loay hoay tìm cách cứu giúp bằng cách chùi các vết thương cho con chó, nhưng lại thương các con giò bị chùi mạnh mà chết, ngài liền thè lưỡi để liếm và đẩy các con giò ra khỏi các vết thương. Nhưng bất thần con chó biến mất và Đức Di-lặc hiện ra trước mặt ngài.

Đức Di-lặc đã bảo ngài Vô Trước công mình lên vai và đi về ngôi làng trong thung lũng phía dưới kia. Có

một cụ già chặn ngài Vô Trước lại và hỏi: *“Này ông kia, ông làm cái trò gì mà công con chó ghê kinh tởm trên vai như thế?”.*

Từ trước đến đây, ngài Vô Trước chỉ thấy Đức Di-lặc qua những hình tượng thiếu hoàn hảo, nhưng con chó ghê đã giúp ngài phát lộ lòng Từ bi của mình một cách toàn vẹn hơn.

Từ bi cho chính mình

Lòng từ bi không phải chỉ để ứng dụng đối với người khác mà còn bao gồm luôn cả chính bản thân mình nữa. Vì mình cũng là một chúng sinh! Vì sao ta không thực hành hạnh Từ Bi với chính mình là không để cho những thị phi, đàm tiếu khiến làm cho mình bị đau, bị khổ, giúp cho mình giảm bớt tâm tham, sân, si?

Đức Phật đã dạy: *“Hãy tự thấp đuốc lên mà đi!”.*

Theo tôi, lời Đức Phật dạy cũng có nghĩa, để từ bi cho người khác trước hết hãy từ bi với chính mình. Rõ ràng là khi nói đến lòng từ bi là chúng ta thường liên tưởng đến từ bi đối với người khác, thậm chí là với cả chúng sinh. Nhưng hãy “tự thấp đuốc” để tự độ mình rồi mới độ tha. Chính nhờ từ bi với chính mình mà ta mới thấu hiểu cách nào để rộng mở lòng từ bi đến cho mọi người.

Bác sĩ Đổ Hồng Ngọc quả là có lý khi ông viết: *“Hình như ta chẳng bao giờ thực sống. Lúc còn trẻ, ta mơ ước tương lai, sống cho tương lai, nghĩ rằng phải đạt cái này cái nọ, có được cái kia cái khác mới là sống. Khi có tuổi, khi đã có được cái này cái nọ, cái kia cái khác thì ta lại sống cho quá khứ. Nhỏ mong cho mau lớn, lớn mong cho nhỏ lại. Quả là lý thú khi biết rằng ta chẳng biết quý những giây phút hiện tại. Khi 20 tuổi người ta băn khoăn lo lắng không biết người khác nghĩ gì về mình. Đến 40 thì ai nghĩ gì mặc họ. Đến 60 mới biết chả có ai nghĩ gì về mình cả. Tóm lại, chấp nhận mình là mình và từ bi với mình một chút”.*

Rõ ràng theo bác sĩ, hãy từ bi với chính mình là biết sống với hiện tại.

Từ bi với chính mình là không để cho những thị phi, đàm tiếu thuộc về quá khứ khiến làm cho mình phải đau, phải khổ, khiến cho tâm tham, sân, si được phen mở rộng. Vì vậy, ta hãy sống thông dong với hiện tiền và không bị ảnh hưởng do sân hận, bực bội và lo lắng.

Nhà hiền triết Krishnamurti thì cho rằng: *“Hãy chết đi từng ngày, chết đi từng giây phút với tất cả mọi thứ, với tất cả những ngày hôm qua và với cái chốc lát mới vừa thoáng trôi qua của cuộc đời chúng ta”.*

Từ bi với chính mình là phải biết “chết” với từng giây phút trong tâm tưởng vì chính sự “chết” này dẫn đến sự bất tử của cái mới trong cuộc đời chúng ta. Từ bi với chính mình là thấu hiểu sự gian manh xảo trá của tư tưởng mình để làm chủ nó, để giải thoát khỏi sự lệ thuộc của thời gian tâm lý, để sống trong hiện tiền của tâm tưởng ta thật ra là tĩnh lặng, an lạc và thanh tịnh. ■

Quá trình phát triển tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh

(từ 1885 đến 1905)

CAO VĂN THỨC

Phan Châu Trinh (1872-1926), là một nhà yêu nước, chủ xướng phong trào Duy Tân ở miền Trung từ năm 1905 đến 1908. Ông chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” với mục đích làm cho dân giàu, nước mạnh, tiến tới giành độc lập dân tộc. Việc xác định cương lĩnh Duy tân nói trên là cả một quá trình phát triển tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh diễn tiến từ 1885 đến 1905.

Từ 1885 đến 1902: Thời kỳ bế tắc về tư tưởng

Phan Châu Trinh, hiệu Tây Hồ, là người làng Tây Lộc, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam). Ông là con trai của Phan Văn Bình, một võ quan cấp thấp của triều đình nhà Nguyễn.

Do cha bận việc quân thường xuyên vắng nhà nên hồi còn nhỏ, Phan Châu Trinh được mẹ dạy học chữ Hán. Năm ông lên tám tuổi thì mẹ qua đời, Phan tiếp tục theo học với thầy đồ trong làng; nhưng do không có người chăm sóc nên ông thờ ơ, chỉ học chiếu lệ trong mấy năm.

Năm 1885, đất nước xảy ra biến động lớn. Sau thất bại trong việc đánh úp quân Pháp đóng trong đồn Mang Cá sau hoàng thành Huế vào rạng sáng ngày 5/7/1885 (ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu), vua Hàm Nghi lánh ra Tân Sở, Quảng Trị và xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi nhân dân các nơi nổi dậy chống Pháp. Ở Quảng Nam, tổ chức Cần Vương được thành lập, gọi là Nghĩa hội do Trần Văn Dư và về sau là Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo, lập chiến khu Tân Tỉnh tại Trung Lộc, Quế Sơn. Ông Phan Văn Bình tham gia Nghĩa hội, giữ chức Chuyển vận sứ, phụ trách việc chuyển vận lương thực cho nghĩa quân, thường ở đồn A Bá, miền thượng nguồn huyện Tiên Phước, giáp giới huyện Trà My ngày nay.

Khi Pháp tấn công vào căn cứ nghĩa quân, chúng đã càn quét đốt phá nhiều vùng quê, trong đó có làng Tây Lộc của Phan Châu Trinh; gia đình ông phải tản cư lên chiến khu ở với người cha. Ở chiến khu hơn hai năm, ông được cha cho tập luyện võ nghệ, cung kiếm... để trở thành một chiến sĩ Cần Vương thực thụ. Những năm tháng này đã rèn luyện cho Phan Châu Trinh một bản lĩnh vững vàng để sau này ông tiếp tục dẫn thân vào một môi trường đấu tranh mới.

Năm 1887, xảy ra việc ông Phan Văn Bình bị Nghĩa hội Cần Vương Quảng Nam nghi ngờ và sát hại; gia đình Phan Châu Trinh đành phải gồng gánh, dắt díu nhau trở

về quê nhà. Không lâu sau, Nghĩa hội Quảng Nam cũng tan vỡ trước sức tấn công của quân đội Pháp và Nam triều; chủ tướng Nguyễn Duy Hiệu phải ra hàng để cứu đồng đội và bị hành quyết ở Huế. Về lại quê nhà, Phan Châu Trinh đã 16 tuổi. Huỳnh Thúc Kháng, một người bạn và đồng chí thân thiết, đã có nhận xét sâu sắc về Phan: “*Huyết thống di truyền cùng gia đình giáo dục, đã nặn sẵn một cái đặc tính vì nước quên nhà từ lúc nhỏ*”.

Khi cuộc sống gia đình dần dần ổn định, Phan Châu Trinh được đi học trở lại. Lần này ông học rất chăm vì có mục đích rõ ràng. Phan Châu Trinh nhận thấy phong trào Cần Vương đã hoàn toàn đi vào thế bế tắc và thất bại, nhưng bản thân ông cũng chưa tìm thấy phương pháp, chưa biết được hướng đi nào để cứu nước trong hoàn cảnh mới, đành phải sống ẩn nhẫn chờ thời cơ. Muốn có thời cơ và phát động được lực lượng quần chúng tham gia thì phải có danh vọng, uy tín người ta mới nghe theo. Muốn có danh vọng, uy tín thì phải thi cử đỗ đạt vì “*những người khoa bảng đồng bào mới nghe*”.

Phan Châu Trinh theo học nhiều nơi ở các trường của một số nhà nho tại huyện nhà hoặc huyện lân cận, ở đâu cũng nổi tiếng học giỏi. Cuối năm 1897, ông trúng tuyển vào trường Đốc Quảng Nam và được bổ vào ngạch học sinh (học trò giỏi được nhà nước cấp học bổng). Năm Canh Tý (1900), Phan Châu Trinh thi Hương tại trường Thừa Thiên đỗ cử nhân; năm sau (Tân Sửu, 1901), thi Hội tại kinh đô Huế đỗ phó bảng.

Tư tưởng cứu nước của Phan từ khi tham gia phong trào Cần Vương cho đến khi khởi xướng công cuộc Duy Tân đã trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau.

Từ năm 1885-1887, ông sống với cha ở chiến khu, được rèn luyện võ nghệ, cung kiếm... để có thể trực tiếp tham gia chiến đấu chống quân Pháp xâm lược. Đây là thời kỳ hăm hở của một cậu thiếu niên sớm hiểu biết, giàu lòng yêu quê hương, đất nước; nhưng tư tưởng cũng chỉ bó gọn trong ý thức hệ phong kiến với quan niệm cũ kỹ “trung quân, ái quốc” như hầu hết nho sĩ đương thời.

Sau khi phong trào Nghĩa hội Quảng Nam thất bại, Phan Châu Trinh từ chiến khu trở về quê, đi học cho đến khi thi cử đỗ đạt (1887-1901), thời gian gần 15 năm. Trong khoảng thời gian, đó Phan Châu Trinh sống trong tâm trạng bế tắc và bi phẫn. Phong trào Cần Vương thất bại, những người tham gia thì kẻ bị giết, bị tù đầy hoặc sống trốn tránh, hay ra đầu thú chính quyền thực dân. Những

nhà nho có tấm lòng ưu thời mẫn thế đối với đất nước đều phải sống ẩn dật với tâm trạng “thời vận tốt đã qua”.

Trải qua thực tế, Phan Châu Trinh nhận thấy phong trào Cần Vương chủ trương bạo động vũ trang với vũ khí thô sơ chỉ dẫn đến kết cục thất bại, thiệt hại. Sống ở thôn quê, đi học loanh quanh trong các địa hạt Tiên Phước hoặc Tam Kỳ, Thăng Bình; chương trình học quanh quẩn chỉ là mấy bộ sách cổ như *Tứ thư*, *Ngũ kinh* với những ông đồ nho chỉ biết giảng chuyện xa lắc nghìn năm bên nước Tàu, còn những chuyện thời cuộc trong nước và thế giới đương đại thì hoàn toàn không biết gì. Ở trong môi trường như vậy, thiếu kiến văn, thiếu đồng chí, Phan Châu Trinh cảm thấy bế tắc và thường thể hiện sự bi phẫn của mình qua hành động, lời nói.

Huỳnh Thúc Kháng nhận xét về Phan ở giai đoạn này: *“Tiên sinh đờm thốc hơn người, lại giàu đường huyết tính, từ tuổi nhỏ đi học đã để con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước. Song khốn vì ở trong nhà quê, chung quanh rành những xã hội hủ bại, bình sinh được thấy chỉ toàn một lớp tuồng đảng Cần Vương mà thôi. Nghe thấy đã hẹp hòi, lịch duyệt cũng chưa rộng, nhiều khi cảm xúc mà không bởi đâu mà mở mang ra, cho việc đời là không làm gì được (Thời sự vô khả vi) trong lòng uất ức thường làm ra thi văn để tỏ ý mình”².*

Năm 1898, Phan Châu Trinh ra học trường Đốc ở tỉnh. Trường nằm ở gần thị trấn Vĩnh Điện của huyện Điện Bàn, cách thị xã Hội An chưa đến 10km. Hội An lúc bấy giờ là trung tâm thương mại của tỉnh Quảng Nam, thông tin về những biến động của thế giới đưa đến đây khá nhanh. Khi ra trường tỉnh, mối quan hệ xã hội của Phan được mở rộng hơn. Nghe ở đâu có sách hay hoặc có những nhân vật tài giỏi, ông đều tìm đến mượn đọc hoặc gặp gỡ, đàm đạo. Phan đã cùng một số người bạn thân ở trường Đốc đến 2 làng Xuân Đài và Đông Bàn (Điện Bàn), lục tủ sách của hai nhà danh nho xứ Quảng đã quá cố là Tổng đốc Hoàng Diệu và Thượng thư Phạm Phú Thứ. Trong tủ sách của Phạm Phú Thứ có nhiều sách khoa học phổ thông của phương Tây đã được dịch ra chữ Hán và một số tờ báo xuất bản ở Hương Cảng, mà trước đây trong thời kỳ còn làm quan, cụ đi công cán ở nước ngoài mua về³.

Phan rất quan tâm đến tình hình thời sự. Năm 1898, ở Trung Quốc xảy ra sự kiện “Mậu Tuất chính biến”⁴, khi nghe được tin này, một số học sinh trường Đốc, trong đó hăng hái nhất là Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, đã đến gặp một số Hoa kiều ở Hội An để tìm hiểu, nhưng những Hoa kiều ở đây cũng không hiểu biết gì nhiều để cung cấp cho các ông⁵.

Từ chốn làng quê heo hút ra sống và học tập ở gần tỉnh lỵ, tuy vốn hiểu biết về cuộc sống, mối quan hệ xã hội có mở rộng hơn, nhưng cũng chỉ loanh quanh trong việc học tập, thi cử với một bầu không khí “bát cổ”⁶ vây quanh.

Trước hoàn cảnh như vậy, Phan phải nỗ lực học tập, đỗ đạt để có cơ hội thoát ra khỏi chốn thôn quê lạc hậu và tạo điều kiện để tìm ra con đường cứu nước phù hợp với giai đoạn lịch sử mới.



Phan Châu Trinh

Từ 1903-1905: Thời kỳ tiếp nhận tư tưởng mới

Sau khi đỗ đại khoa, năm 1903, Phan Châu Trinh được bổ nhiệm chức Thừa biện Bộ Lễ và ra kinh đô nhận chức. Việc ra sống ở kinh đô có thể nói là một bước ngoặt mới trong nhận thức đường lối cứu nước của ông.

Huế lúc bấy giờ là trung tâm chính trị, văn hoá của cả nước. Ở đây tập trung nhiều trí thức nho học, học giả tiếng tăm đương thời và có nhiều sách mới được du nhập từ nước ngoài vào. Nhưng đồng thời ở đây cũng là nơi diễn ra tất cả mọi thứ xấu xa của chế độ phong kiến bù nhìn, dưới sự thống trị của thực dân Pháp.

Trong hai năm làm quan tại Huế, Phan đã tận mắt chứng kiến sự hủ bại của triều đình. Vua chỉ là bù nhìn, quan lại thì sươn hèn, chỉ lo luồn cúi kiếm chức tước danh lợi, thi nhau đê nén, đục khoét dân lành. Phan đã thể hiện sự bất mãn, chán chường đối với đám vua quan triều đình qua bài thơ “*Kinh thành Nguyên đán*” (Ngày Tết ở kinh thành):

京城元旦

香水屏山勝景私
春城萬戶逐春禧
藍袍隨俗行三叩
白酒逢人博一卮
故國惟餘元日好
此身偏被數金欺
歸來酩酊渾無謂
說與旁人盡解頤



Đám tang Phan Châu Trinh

Âm Hán Việt:

Kinh thành nguyên đán

*Hương thủy Bình sơn thẳng cảnh ty!
Xuân thành vạn hộ hạ xuân hy.
Lam bào tùy tục hành tam khấu,
Bạch tửu phùng nhân bác nhất chi.
Cố quốc duy dư nguyên nhật hảo,
Thử thân thiên bị số kim khi.
Quy lai minh đình hồn vô vị,
Thuyết dữ bàng nhân tận giải di.*

Nhà chí sĩ Ngô Đức Kế đã dịch thơ như sau:

Sông Hương núi Ngự cảnh riêng vui,
Nhà cửa thành Xuân vẻ tốt tươi.
Xúng xính áo xanh theo thói lạ,
Kề cà rượu trắng gặp nhau mời.
Còn ba ngày Tết là vui nước,
Vi mấy đồng lương há lụy người.
Say trở ra về vô tích sự,
Gặp nhau nói chuyện khéo mua cười.

Trong thời gian ở Huế, Phan đã giao du với những nhà khoa bảng, trí thức tiến bộ như Đào Nguyên Phổ, Thân Trọng Huề... và được các vị này cho mượn các sách mới (tân thư) như *Trung Đông chiến kỷ*, *Phổ - Pháp chiến kỷ*, *Doanh hoàn chí lược*, *Ấm băng thất*... của hai nhà cải cách Trung Quốc là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, ngoài ra các sách của các nhà triết học, tư tưởng của Pháp ở thế kỷ XVIII như Jean Jacques Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Diderot... đã được dịch sang tiếng Hoa. Phan đọc tân thư một cách say mê và thú vị. Qua kiến văn của những học giả lớn trên thế giới, ông như được mở ra một hướng đi mới. Ông nhận thấy chủ trương của Lương Khải Siêu được thể hiện qua tác phẩm *Ấm băng thất* hợp lý; vì vậy Phan Châu Trinh đã kết hợp những sở kiến trong sách này với sự điều chế của mình để vận dụng phù hợp vào bối cảnh xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Con đường cứu nước của Phan Châu Trinh đã chọn sau khi đọc tân thư là vận động cải cách duy tân,

tự lực tự cường, làm cho dân giàu nước mạnh để tiến tới mưu cầu độc lập.

Ông nhận thấy đất nước mình ở trong tình trạng kinh tế nghèo nàn, trình độ dân trí thấp kém nên chưa thể đủ thực lực để bạo động vũ trang ngay cấp thời, mà cần phải có thời gian lâu dài để bồi dưỡng nhân tài, vật lực. Vì vậy, ông dứt khoát không chủ trương bạo động, mà chọn phương pháp đấu tranh ôn hoà

Năm 1904, hai người bạn thân thiết, cùng học trường Đốc ở Quảng Nam với Phan trước kia là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng ra kinh đô thi Hội và cùng đỗ Tiến sĩ. Gặp lại nhau, Phan đã giới thiệu cho hai người bạn đọc tân thư. Cả hai ông Huỳnh và Trần đều phấn khởi và say mê khi đọc tân thư như Phan trước đây. Sau khi bàn bạc cùng hai người bạn thân thiết, nay đã trở thành đồng chí, Phan quyết định khởi xướng phong trào Duy Tân với phương châm: "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"⁷.

Để thực hiện công cuộc Duy Tân, đầu năm 1905, Phan Châu Trinh từ chức Thừa biện bộ Lễ, trở về quê. Còn Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng từ chối không nhận quan chức⁸. Sau đó, "bộ ba Quảng Nam" là Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng đã tổ chức một chuyến đi vào các tỉnh Nam Trung Bộ để vận động duy tân. Khi đi ngang qua tỉnh lỵ của tỉnh Bình Định, gặp kỳ khảo hạch⁹ học trò do quan tỉnh tổ chức, ba ông đã mạo danh là Đào Mộng Giác nộp quyển dự thi. Đề thi quan tỉnh ra trong kỳ khảo hạch này gồm một bài phú với tựa đề "Tim ngọc ở đất Danh Sơn" (Danh Sơn lương ngọc) và bài thơ thất ngôn bát cú với tựa đề là "Lòng thành thông suốt đạo thánh" (Chí thành thông thánh). Ba ông chia nhau làm, Phan làm bài thơ, còn Trần và Huỳnh làm bài phú. Bài thơ "Chí thành thông thánh" bằng chữ Hán của Phan Châu Trinh:

Nguyên tác chữ Hán:

志誠通聖

世事迴頭已一空，
江山無淚泣英雄。
萬民奴隸強權下，
八古文章醉夢中。

長此百年甘唾罵，
不知何日出勞籠。
諸君未必無心血，
請向斯文看一通。

Âm Hán Việt:

*Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương¹ tủy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung?
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Thỉnh hướng tư văn khán nhất thông.*

Báo *Tân Dân* số 3 năm 1949 dịch thành thơ lục bát như sau:

Cuộc đời ngoảnh lại vắng không,
Giang sơn nào khóc anh hùng được đâu;
Cường quyền đậm đạp mái đầu,
Văn chương tám vẻ say câu mơ màng.
Tháng ngày uất hận đàn cam,
Sổ lỏng tháo cũ biết làm sao đây?
Những ai tâm huyết với đây,
Dốc lòng văn đạo, thơ này thấu cho.

Bài thơ và bài phú có nội dung đã kích nạt khoa cử lạc hậu, kêu gọi sĩ tử mau tỉnh mộng khoa danh, đứng lên cứu nước. Đào Mộng Giác có nghĩa là anh chàng họ Đào tỉnh mộng khoa danh. Bài thơ đã làm xôn xao dư luận đương thời. Quan tỉnh Bình Định nghi ngờ, bắt bớ giam cầm một số thí sinh họ Đào, vì họ Đào của quan Thượng thư Đào Tấn là một dòng họ lớn tại đây, nhưng không đủ chứng cứ nên phải thả ra.

Từ Bình Định, ba nhà khoa bảng cấp tiến này tiếp tục đi vào Nam. Ngang qua vịnh Cam Ranh của tỉnh Khánh Hoà, thấy các chiến hạm Nga đang neo đậu, ba ông mướn thuyền và cải trang làm người bán hàng rong ra đó để tận mắt quan sát sự hiện đại của kỹ thuật phương Tây.

Vào đến Phan Thiết, “bộ ba Quảng Nam” ngụ tại nhà ông Nguyễn Trọng Lợi, trưởng nam của cụ Nguyễn Thông - một quan chức và nhà thơ yêu nước ở Nam Kỳ - đã thực hiện phong trào “tỵ địa”¹⁰ ra đây vào cuối thập niên 60 của thế kỷ XIX. Ba ông đã bàn bạc việc thực hiện công cuộc Duy tân với các nhà nho yêu nước tại đây như Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi... Thời gian ngắn sau đó, các nhà nho ở đây đã lập ra trường Dục Thanh, công ty nước mắm Liên Thành để hưởng ứng phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh khởi xướng.

Trở về Quảng Nam, Phan Châu Trinh và các đồng chí như Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Mai Dịch... bắt tay vào thực hiện công cuộc Duy tân tại tỉnh nhà. Từ năm 1905-1908, trong thời gian non 3 năm, ở Quảng Nam có hơn 40 trường tư thực bậc sơ

học, tiểu học theo chương trình học tập mới của phương Tây được xây dựng; nhiều tổ chức kinh tế ra đời như: hội làm nông nghiệp, hội sản xuất thủ công nghiệp hàng nội hoá, hội buôn bán, hội trồng các loại cây tiêu, chè, quế... Bên cạnh việc phát triển kinh tế, giáo dục thì việc xây dựng nếp sống văn hoá mới cũng được chú trọng như: mặc Âu phục may bằng vải nội hoá, cắt tóc ngắn, bài trừ tệ nạn mê tín dị đoan, thói cờ bạc, rượu chè...

Từ Quảng Nam, phong trào Duy Tân đã ảnh hưởng, lan rộng ra các tỉnh phía bắc. Ở Nghệ An, các đồng chí của Phan Châu Trinh là Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Huân... đã lập tổ chức thương mại mang tên Triều Dương thương quán để kinh doanh, ủng hộ phong trào Duy Tân. Trường Đông Kinh Nghĩa Thực ở Hà Nội do nhóm sĩ tiến bộ như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Hoàng Tăng Bí... thành lập, giảng dạy theo phương pháp mới, chịu ảnh hưởng quan trọng từ tư tưởng Duy tân của Phan Châu Trinh¹¹.

Từ một thiếu niên tham gia phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, đến thủ lĩnh của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh đã có cả một quá trình chuyển biến về tư tưởng cứu nước. Từ đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến, ông đã chuyển sang đấu tranh theo ý thức hệ dân chủ tư sản. Bước chuyển biến về tư tưởng của ông đã phù hợp với yêu cầu của thời đại mới và tư tưởng Duy tân với phương châm “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” vẫn còn giá trị cho đến ngày nay. ■

Chú thích:

1. Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1959, tr.12.
2. Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1959, tr.15.
3. Theo Huỳnh Lý, *Phan Châu Trinh thân thế và sự nghiệp*, Nxb Đà Nẵng, 1993.
4. Năm 1898 (Mậu Tuất), ở Trung Quốc, vua Quang Tự cùng các sĩ phu tiến bộ như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng... tiến hành công cuộc duy tân đất nước, nhưng bị phái thủ cựu trong triều đình đứng đầu là Từ Hi Thái Hậu đàn áp nên thất bại.
5. Theo Huỳnh Lý, *Phan Châu Trinh thân thế và sự nghiệp*, Nxb Đà Nẵng, 1993.
6. Bất cổ là lối văn có tám vẻ đối nhau, có vần điệu du dương, được sử dụng trong thi cử thời phong kiến.
7. Khai dân trí: làm cho nhân dân có học vấn, hiểu biết; Chấn dân khí: bồi dưỡng, khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân; Hậu dân sinh: làm cho đời sống nhân dân no ấm, tự do, hạnh phúc.
8. Năm 1906, Trần Quý Cáp vì nhà nghèo phải ra nhận chức Giáo thụ phủ Thăng Bình để có lương bổng nuôi mẹ già, đồng thời lợi dụng địa vị học quan đó để giúp sức cho phong trào Duy Tân.
9. Khảo hạch là một kỳ thi kiểm tra chất lượng học trò trong tỉnh, để chọn lọc những thí sinh đủ tiêu chuẩn tham dự khoa thi Hương năm sau.
10. Năm 1867, khi quân Pháp chiếm nốt 3 tỉnh Tây Nam Kỳ, Nguyễn Thông và một số nhà nho yêu nước khác đã tổ chức phong trào “tỵ địa” dời ra sinh sống ở Bình Thuận.
11. Theo Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1970.



Bàn về tên gọi "Cầu Bông" ở Gia Định xưa

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Cầu Bông là một cây cầu nằm trên đường Đinh Tiên Hoàng, nối quận 1 và quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đây là một trong những cây cầu bắc ngang rạch Thị Nghè và được xây dựng khá sớm.

Theo nhà văn Sơn Nam, cầu Bông được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVIII (khoảng năm 1736); là một trong những cây cầu được xây dựng đầu tiên ở vùng đất Gia Định xưa. Ban đầu cầu được làm bằng gỗ, nhỏ và ngắn nhưng khá nổi tiếng; bấy giờ được gọi tên là cầu Cao Miên do một Phó vương Cao Miên lúc đó đang tá túc tại Bến Nghé xin được bắc qua sông để tiện việc đi lại.

Về tên gọi Cầu Bông, trên báo *Dân Trí* (*dantri.com.vn*) ngày 1-11-2013 có bài viết với tựa đề *Lịch sử Cầu Bông* của hai tác giả Tùng Nguyên-Đình Thảo, nội dung có đoạn:

"Về cái tên cầu Bông có nhiều giả thuyết, nhưng giả thuyết được nhiều nhà nghiên cứu vùng đất Sài Gòn nói đến nhất là sau khi Tả quân Lê Văn Duyệt xây dựng một vườn hoa xinh đẹp gần cầu này thì dân gian bắt đầu gọi là "cầu Hoa". Sau này, người dân phải đọc trại thành "cầu Huê" vì kiêng tên bà Hồ Thị Hoa là vợ vua Minh Mạng, mẹ vua Thiệu Trị (triều Nguyễn). Sau cùng, người dân Sài Gòn đổi hẳn tên cây cầu này là cầu Bông (bông là hoa theo cách gọi của người miền Nam) cho đến nay..."

Thực ra, tên gọi Cầu Bông đã có từ rất lâu, nó chưa bao giờ có tên Cầu Hoa hay Cầu Huê do kỵ húy "tên vợ" vua Minh Mạng (1820-1840)!

Theo thông tin của nhà nghiên cứu Brian Wu (Mỹ)

cung cấp cho người viết thì sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định biên soạn được khắc in năm 1808 thời vua Gia Long (1802-1820) đã ghi một địa danh bằng chữ Nôm là *Chợ Bông*.

Sách cũng xác định vị trí của chợ Bông ở vào "545 tằm, hai bên là ruộng cấy lúa, xen lẫn với cỏ rậm, dân cư thưa thớt, đến cầu Mỹ Nghi (tức Mỹ Nghè), cầu dài 22 tằm. Sông này chảy ra sông lớn Bến Nghé, chảy đến thượng lưu là hết... 225 tằm... đến ngã tư bên ngoài thành. Bên phía Đông dọc theo ngoài thành có một đường đến cửa Chấn Hanh, đường phía Tây đi 275 tằm thì đến "chợ Bông", thông với đường trước cửa Khâm Hiểm". (HVNTĐC, sđd, tr.94)

Như thế, theo sách *Hoàng Việt*, từ cầu **Thị Nghè** bên phía Đông qua đến tới chợ Bông khoảng 540 tằm (1 tằm = 1,85m), thì khoảng 985m hay gần 1km. Như vậy đúng vào khu vực cầu Bông ngày nay. (Cầu Bông cách cầu Thị Nghè khoảng 1,2km đường chim bay).

Đối chiếu với bản đồ Gia Định do Trần Văn Học vẽ năm 1815 cho ta thấy vị trí *Chợ Bông* rất gần với Cầu Cao Miên.

Về cây cầu Cao Miên thì sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn chép: "Cầu Cao Miên ở huyện Bình Dương, năm Tân Hợi **hồi đầu bản triều**, quốc vương Cao Miên là Nặc Tha bị Nặc Sô đánh, chạy sang Gia Định, cho ở khoảnh đất khoảng chỗ thượng du sông Nghi Giang. Nặc Tha thấy chỗ ở cách sông, bèn bắc cầu ván để qua lại, nên gọi tên là cầu Cao Miên..."

(ĐNNTC, sđ, tr.271)

Sự trừng phạt của văn hóa

LÊ HẢI ĐĂNG

Truyện Ân Anh, người nước Tề đi sứ nước Sở thời Chiến quốc, đáng đưa vào lịch sử ngoại giao Trung Quốc. Ân Anh vốn là tế tướng nước Tề, thân hình nhỏ bé, xấu xí. Biết Ân Anh tới thiết lập quan hệ bang giao, vua Sở bèn sai quân lính khoét một cái lỗ vừa người ông đi qua và đóng hết cửa thành lại. Khi Ân Anh tới, quân lính chỏ tay vào cái lỗ để Ân Anh chui qua.

Ân Anh biết vua Sở bày chuyện làm nhục mình, bèn lên tiếng: *"Đây là cái lỗ dành cho chó đi. Tới nước của người thì đi lối của người, tới nước của chó mới đi lối của chó. Chẳng hay nước Sở là nước của người hay nước của chó?"*

Quân lính nghe xong vội vàng mở cổng thành mời Ân Anh vào. Được tiếp kiến vua Sở, khi Ân Anh chưa kịp ngồi nóng ghế đã thấy xung quanh bàn tán xôn xao. Vua Sở hỏi có chuyện gì thì quân lính đáp, đại ý là vừa bắt được một tên trộm người nước Tề. Vua Sở bèn hỏi Ân Anh, rằng vậy người nước Tề thường có thói trộm cắp à. Ân Anh nghe thế liền giải thích: *Thần nghe nói, trong dân gian có giống cam, trồng ở đất Giang Nam cho ra trái ngọt, còn trồng ở vùng Giang Bắc thì thành ra quả chua. Đó là do thổ nhưỡng. Người Tề ở trong nước lương thiện tốt bụng, sang nước Sở ăn trộm ăn cắp, đó là do thổ nhưỡng.*

Nhiều người ngoại quốc vốn tôn trọng pháp luật đất nước của họ, sau khi sang nước ta, họ bắt đầu học thói xấu của người Việt, đi bộ qua đường không đúng vạch, thỉnh thoảng có người không tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông... Nói theo cách của Ân Anh, đó là do thổ nhưỡng! Và thổ nhưỡng ở đây nhằm chỉ bối cảnh văn hóa, xã hội. Cây cối cắm rễ xuống đất hút chất dinh dưỡng, đón ánh mặt trời, không khí, nước mưa... để sinh trưởng. Con người sinh ra, lớn lên với các chuẩn tắc ứng xử được hun đúc nhờ bối cảnh văn hóa, bên cạnh sự chỉ bảo, dạy dỗ của gia đình, nhà trường. Văn hóa chính là "trường khí quyển" nuôi dưỡng, cảm hóa con người.

Như hai khía cạnh của một hình tượng, cả thổ nhưỡng - môi trường thiên nhiên - lẫn văn hóa đất nước - môi trường xã hội - đều bị ô nhiễm, xuống cấp trầm trọng. Theo Trung tâm Quan trắc và Dự báo Tài

nguyên thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường: *"Hầu hết các kết quả nghiên cứu đều cho thấy nước ngầm đang bị ô nhiễm bởi hóa chất độc hại, cụ thể, ở đồng bằng Bắc Bộ, lượng amoni lên đến 23,3mg/l, cao hơn 200 lần so với quy định về an toàn; khoảng 60% các mẫu quan sát có chứa Mn (Mangan) vượt quá hàm lượng tiêu chuẩn..."*

(báo *Đời sống* và *Pháp luật online* ngày 30 tháng 7 năm 2014)

Mạch nước ngầm cũng giống như mạch máu cơ thể, nếu máu nhiễm chì, nhiễm mỡ, động mạch sẽ xơ vữa... nguy cơ mắc huyết áp, tiểu đường, tai biến tăng cao. Hiện tượng này giống như quả bom hẹn giờ, chỉ chờ thời điểm kích nổ bằng hành động vô tri. Đối với môi trường văn hóa, bầu không khí coi thường pháp luật đã bao trùm lên xứ sở khiến cho "luật rừng" phát triển. Bước chân ra đường có thể chứng kiến vô số hình ảnh phản ánh ý thức chấp pháp của quốc dân. Hệ thống chuẩn mực trong văn hóa đã đi đến chỗ không còn khả năng tự điều tiết hành vi con người. Sự phổ biến, quá lạm của thói xấu, cái ác, hành vi phản văn minh, tiến bộ đã trở nên bình thường. Nó đẩy xã hội đến tình trạng "vô chính phủ", đề cao "chủ nghĩa buông lỏng", kích thích tập tính tự nhiên, tùy tiện, phát triển phần bản năng bên trong con người.

Trẻ nhỏ còn mong nhận được sự giáo dục, uốn nắn, chuyển hóa từ cha mẹ, thầy cô. Còn một khi bộ phận tạo nên "trường sinh quyển" trong đời sống văn hóa là những công dân đã trưởng thành thì thực trạng văn hóa của chúng ta đã tụt dốc thê thảm. Lenin từng coi văn hóa là những giá trị khi thời gian qua đi vẫn còn ở lại và trở nên phổ biến. Xét theo nghĩa đó, văn hóa tinh anh, phương thức ứng xử của những con người được giáo dục, tiến bộ không hề được phổ biến nơi công cộng.

Những biểu hiện tích cực, như "câu chuyện tử tế" phát trên truyền hình chỉ là những "điểm sáng văn hóa" hay nói cách khác, thứ ánh sáng le lói không đủ rọi sáng vùng tăm tối của đám đông vô tri. Đơn cử một thói quen mà bất cứ công dân quốc gia văn minh nào cũng tôn trọng, đó là xếp hàng. Ở ta, thói quen xếp hàng chưa hề được hình thành, đồng thời chẳng hề mang giá trị phổ biến. Xếp hàng chỉ là một trong nhiều biểu



hiện của lối sống đô thị. Từ một thói quen nhỏ này, văn hóa được kế thừa và sẽ liên kết với những hành vi khác trong xã hội. Bởi vậy, ở nhiều quốc gia khác, người dân xếp hàng khi lên tàu điện, xe buýt, thực hiện việc thanh toán và các giao dịch ngân hàng, mua thực phẩm, mua vé xem phim... thậm chí như người Nhật vẫn duy trì thói quen ấy khi nhận nhu yếu phẩm tiếp tế sau thảm họa sóng thần.

Như đã nói, thói quen văn hóa mang tính kế thừa và có khả năng liên kết với nhiều hành vi khác. Nếu dân ta chưa hình thành được thói quen này thì từ chốn công cộng cho đến công quyền, người ta có khuynh hướng "lách hàng", "vượt đèn đỏ", "đi cửa sau"... nhằm tạo nên sự bất công trong xã hội. Xây dựng đời sống văn hóa cần hướng tới thiết kế hai hệ thống thiết chế và chuẩn tắc ứng xử tương thích nhau, thay vì dựng biển, đặt tên cho những khu phố. Các giá trị tiến bộ không được ứng xử một cách văn minh sẽ giống như con dao hai lưỡi mà một lưỡi gây hậu quả cho trật tự xã hội. Ví như, nông nghiệp công nghệ cao vốn là một giải pháp giúp phát triển, nâng cao sản phẩm nông nghiệp đất nước.

Nhưng, quy trình công nghệ này không đi kèm với hành vi ứng xử văn minh đã và đang để lại hậu quả khôn lường về môi trường. Nói cách khác, công nghệ cao cũng cần có văn hóa ứng xử cao, chứ không thể

lấy văn hóa thấp để đối ứng với công nghệ cao. Đây là một ví dụ, nói rộng ra toàn bộ đời sống xã hội. Bởi vậy, đất nước cần có một sự đi lên tương ứng của cả đời sống văn hóa, chứ không thể dừng lại ở những điển hình tiên tiến.

Khi cái xấu, cái ác, thói vô trách nhiệm phổ biến, lây lan trở thành "trường khí quyền" gây ô nhiễm môi trường văn hóa, chúng sẽ đầu độc con người, giống như không khí, nước sinh hoạt, thực phẩm bẩn... Bằng chứng cho thấy, ở các đô thị, giữa đám đông vô danh, con người sử dụng phần bản năng ứng xử nhiều hơn hành vi văn hóa. Trong nhiều trường hợp, bất chấp đúng hay sai, thấy người khác xung đột lợi ích với mình là người ta sẵn sàng phỉ báng, uy hiếp, đe dọa. Đó là mối nguy cơ tai hại, ảnh hưởng lâu dài đến đất nước.

Tình trạng trên sẽ tiếp diễn theo chiều hướng gia tăng, chờ ngày "chạm đáy" theo quy luật thịnh suy. Chúng ta nói nhìn thẳng vào sự thật, nhưng ở một đất nước mà việc lập thành tích trở thành bệnh thì sự thật có thể bị nhìn với sự khúc xạ qua lăng kính chủ quan một chiều mang đầy tính trang sức.

Tư duy này tiếp tục đẩy cuộc sống vào tình trạng ru ngủ bằng kết quả ảo tưởng và đó chính là cội nguồn tạo ra những biểu hiện lệch lạc trong tư duy và đời sống văn hóa. ■



Việc làm của ngày mai

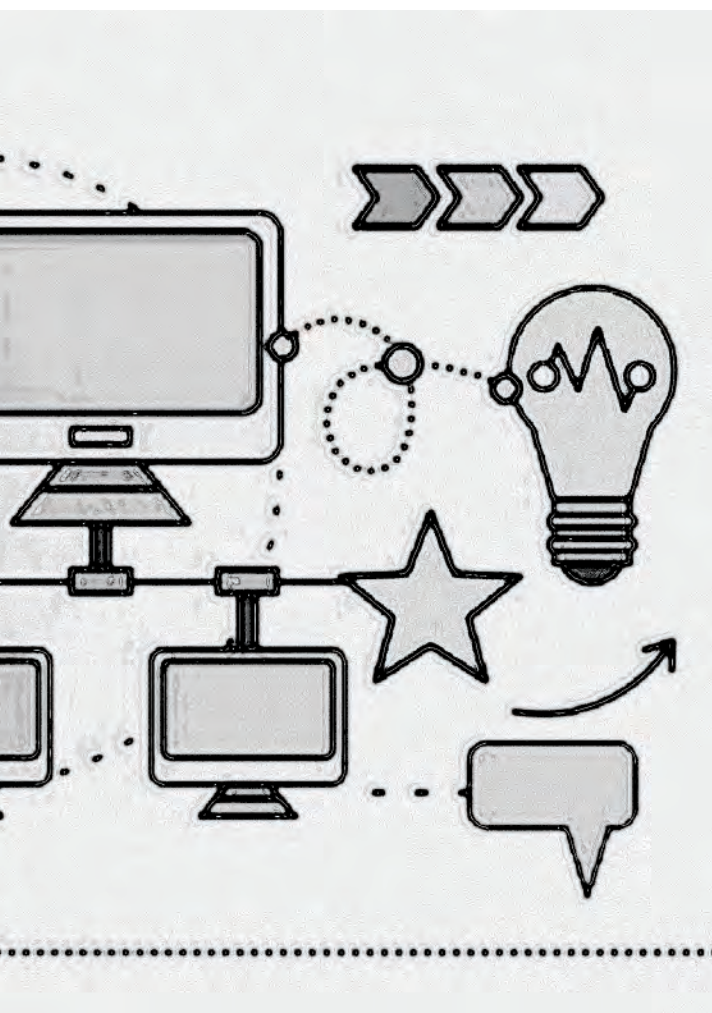
CAO HUY HÓA

Ngày mai được đề cập trong bài này không phải là xa xôi, mà có thể là hai, ba năm, đến 10, 15 năm. Việc làm của ngày mai cũng là việc làm của ngày hôm nay, hoặc việc làm được cải tiến của ngày hôm nay, hoặc là việc làm hoàn toàn mới. Việc làm được quyết định bởi nghề nghiệp, mà nghề nghiệp thì thay đổi và cải tiến càng ngày càng nhanh, do khoa học, kỹ thuật tiến bộ dồn dập, cho nên khó tiên đoán ngày mai có những ngành nghề gì mới, có những nghề gì mai một, kỹ năng nghề như thế nào, từ đó việc làm của ngày mai khó định hình rõ ràng.

Truyền thông trên thế giới cho rằng thế giới nói chung đang ở trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba - bắt đầu từ thập niên 1970, với sự ra đời của sản

xuất tự động dựa vào máy tính, phương tiện truyền thông, thiết bị điện tử và internet; riêng những nước phát triển cao đang tiến vào **cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư**, đại thể đó là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano,... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số.

Hai mươi chuyên gia về lãnh vực công nghệ số, trong môi trường đại học và chuyên nghiệp đã cùng hội thảo vào tháng 3/2017, theo lời mời của Công ty DELL - một đại công ty về công nghệ máy tính đa quốc gia, đặt trụ sở chính tại Austin, Texas (Hoa Kỳ) - nhằm dự đoán những thay đổi có thể thấy trước về thế giới các xí nghiệp và việc làm. Kết quả gây ấn tượng mạnh:



85% việc làm dự đoán vào năm 2030 là hiện nay không có. Theo những chuyên gia tham dự hội thảo, thế giới đang bước vào thời kỳ thứ hai của sự phát triển công nghệ số. Giai đoạn đầu là bắt chước đơn giản tư duy lôgic, những năm tiếp theo cho thấy sự lên ngôi của một loại thông minh có khả năng nhận thức của máy tính, có thể tưởng tượng ra lời giải, diễn dịch những dữ liệu - có thể không hoàn toàn - cũng giống như con người. Giai đoạn 3 là sự xuất hiện của “con người ảo”, sau năm 2030.

Tư liệu cũng dẫn một cuộc thăm dò do DELL thực hiện, với khoảng 4.000 nhà công nghiệp, doanh nghiệp có thẩm quyền trên khắp thế giới, cho biết, khoảng một nửa trong số họ không biết ba năm sau có cái gì giống như kỹ nghệ của họ hiện nay không. Như là kết quả của sự bất định đó, 45% trong số họ sợ bị lỗi thời vào ba hoặc năm năm sau.

Trước đà tiến triển của công nghệ, nhất là công nghệ mới đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, người lao động và chủ xí nghiệp đứng trước thách thức lớn, như không thích nghi với thời đại mới, hoặc không có việc làm. Đây là nỗi ám ảnh của nhiều người, không chỉ là người có trình độ học vấn cao mà cả những người lao động bình thường. “Thợ đẽo đá, người bán hàng,

thương gia, thợ hớt tóc, thợ làm khung, nhà nghiên cứu, chủ xí nghiệp, mọi người đều bị tác động hay sẽ bị va đập bởi làn sóng kỹ thuật số”. Như để trấn an ý nghĩ ám ảnh đó, Pierre Gattaz, Chủ tịch Hiệp hội các xí nghiệp Pháp, Giám đốc Công ty Radiall¹ đã diễn giải: “Công nghệ số không làm “biến mất những nghề” hay những việc làm. Nhưng có một điều đúng, đó là nghề nào cũng sẽ bị biến đổi bởi kỹ thuật số vào ngắn hạn hay trung hạn”.

Nhưng xác định như thế nào về một người chuyên nghiệp tốt trong thế giới số của thế kỷ XXI?

Trước hết là phải tinh thông nghề. Nhưng không chỉ chùng đó! Pierre Gattaz nhấn mạnh: “Cần có những kỹ năng khác nữa, không phải là “kỹ thuật” mà là tổng hợp: *Biết làm việc theo nhóm, biết truyền thông và trình bày vấn đề, chia sẻ hiểu biết dưới dạng mở, biết tò mò, biết đặt lại nguyên nhân nếu cần thiết...* Biết bao nhiêu kỹ năng không được học trong nền giáo dục cổ điển. Nhưng người ta có thể thấu thạo được những kỹ năng đó qua thời gian”.

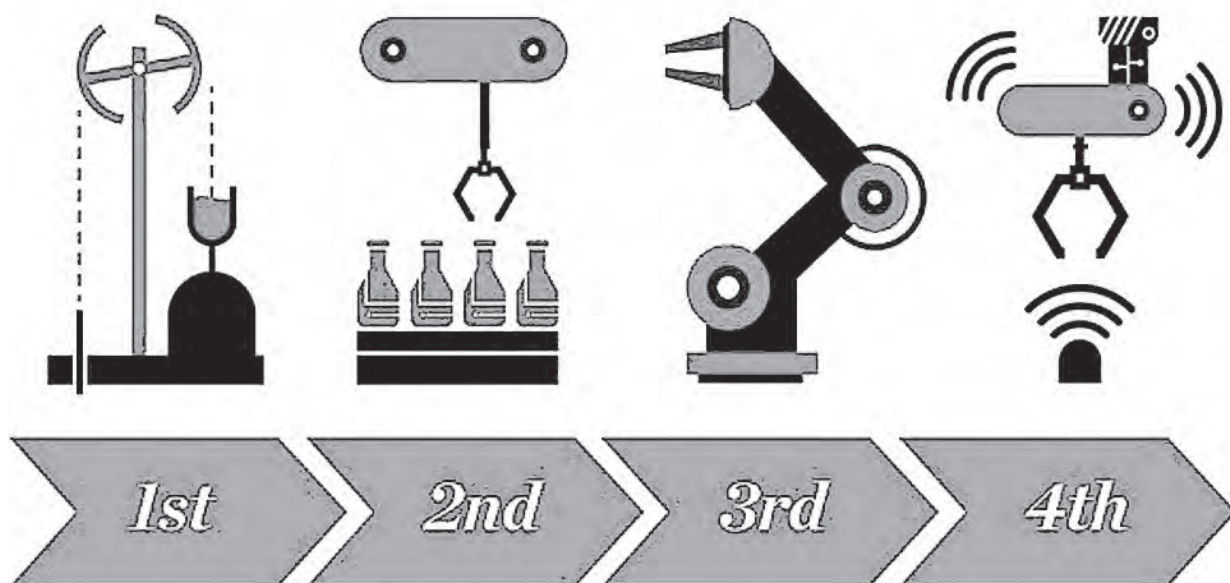
Thường thường người ta cho rằng, người trẻ dễ thích nghi với mọi biến đổi, nhưng theo Gattaz, vấn đề chính không phải là tuổi, mà về tâm tính, “Mỗi lứa tuổi, mỗi người tích lũy vốn kinh nghiệm, tích lũy từ quá khứ và xây dựng tương lai. Như vậy, không phải vì tôi đã 50 tuổi nên tôi không thể thích nghi được thế giới ngày mai!”.

Đối với giới trẻ, cách đào tạo và tự đào tạo phải có vai trò lớn trong phương pháp dạy học, đó là người học việc “*phải trải qua một cách thường xuyên từ lý thuyết đến thực hành rồi từ thực hành đến lý thuyết. Sự chuyển đổi xen kẽ có thể thí nghiệm trong cái cụ thể, bằng cách thực hành, bằng cách đương đầu với hiện thực. Và chính sự đương đầu đó mới sinh ra thay đổi, tiến hóa!*”.

Nhưng không chỉ học, không chỉ hành, không chỉ thuần quan hệ trả lương - nhận lương, mà còn có khía cạnh nhân văn, đó là thái độ của chủ xí nghiệp đối với người làm công ăn lương. Gattaz nhấn mạnh: “Để cho sự chuyển hóa đó thành tựu, điều này cũng đòi hỏi một **cuộc cách mạng quản lý diễn ra trong xí nghiệp: lòng khoan dung!** Bởi vì ta không thể đòi hỏi những người làm công phải chuyển động, phải hứng lấy rủi ro, phải đặt lại nguyên nhân, nếu ta tiếp tục trừng phạt ngay cả lỗi đầu tiên, nếu ta chỉ phán xét kết quả thất bại hay thành công trong ngắn hạn”.

Phải chăng mọi người để đón nhận thời cơ và thách thức thì phải biết học, học để thích nghi, học để sáng tạo. Nếu không thể chủ động học thì làm sao sống được với những công nghệ mới, phương pháp mới, tổ chức mới?

Khác với các biến động chính trị dồn dập và khốc liệt trên thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp có vẻ trầm hơn, nhưng tác động sâu sắc và trải khắp mọi nơi, dầu là nước phát triển hay chậm phát triển. Ở nước ta, Thủ tướng Chính phủ cũng thường nhắc đi nhắc lại cuộc



cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ông đã ký Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Chỉ thị nêu rõ: “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh học với sự đột phá của internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với đặc điểm là tận dụng một cách triệt để sức mạnh lan tỏa của số hoá và công nghệ thông tin. Làn sóng công nghệ mới này đang diễn ra với tốc độ khác nhau tại các quốc gia trên thế giới, nhưng đang tạo ra tác động mạnh mẽ, ngày một gia tăng tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội”.

Chỉ thị đề cập chính sách, vai trò và nhiệm vụ từ cấp vĩ mô đến doanh nghiệp, với rất nhiều nội dung. Riêng về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, chỉ thị cho biết cần “thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy nghề nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới, trong đó cần tập trung vào thúc đẩy đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM²), ngoại ngữ, tin học trong chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh tự chủ đại học, dạy nghề; thí điểm quy định về đào tạo nghề, đào tạo đại học đối với một số ngành đặc thù”.

Nước ta có chủ động đối phó với thách thức và lợi dụng thời cơ để thâm nhập một cách hàng loạt vào trào lưu mới, hay bị động đi theo cái mới như là ứng dụng để dải của công nghệ theo sự dẫn dắt của các tập đoàn tư bản, các đại công ty đa quốc gia, mà không góp phần sáng tạo để mở lối đi riêng, phần lớn là từ giáo dục và đào tạo.

Vai trò đang đặt nặng vào giáo dục và đào tạo, nhưng xem ra mục tiêu, nội dung, phương pháp vẫn không có gì đổi mới đáng kể, căn bản vẫn như mấy chục năm về trước. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề càng mất cân đối so với giáo dục phổ thông, trường dạy nghề thì càng đui hui. Các thầy cô giáo bị thúc bách bởi thi đua thành tích vô bổ nên mòn dần niềm vui dạy học, mọi đánh giá trong nhà trường đều trở thành hình thức, không thực, học sinh giỏi thì xa lánh trường sư phạm. Rất mong ngành giáo dục và đào tạo “thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy nghề nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới” như chỉ thị của chính phủ đã nêu trên. Chuyển động có thực chất như thế quả là quá khó, theo cái đà hiện nay. Nhưng nếu không thế như thế thì chẳng lẽ nước ta rơi lại đằng sau cuộc cách mạng công nghiệp đang diễn ra trên thế giới? ■

Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
- Pierre Gattaz, Numérique : la révolution des compétences concerne tout le monde!, trên mạng LinkedIn, ngày 27/6/2017.

- Luc Lenoir, Une étude affirme que 85% des emplois de 2030 n'existent pas aujourd'hui, Le Figaro.fr, 18/7/2017.

Chú thích:

1. *Radiall* là một công ty ở Pháp, chuyên thiết kế, triển khai và chế tạo các thiết bị kết nối và những thành phần liên kết, được dùng trong những ứng dụng điện tử.

2. *STEM* là viết tắt của các từ Science (khoa học), Technology (công nghệ), Engineering (kỹ thuật) và Mathématique (toán học). Giáo dục STEM về bản chất được hiểu là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học.

Ham đọc chỉ là huyền thoại

HÒ ANH THÁI

Bảng xếp hạng 61 nước đọc sách nhiều nhất có kể đến bốn nước ở Đông Nam Á. Singapore xếp thứ 36, Malaysia xếp thứ 53, Thái Lan thứ 59, và Indonesia áp chót, đứng thứ 60.

Tim mỗi mắt, không thấy có Việt Nam. Có thể hiểu là Việt Nam không có trong số 61 nước đọc sách nhiều nhất trên thế giới.

Công trình nghiên cứu này do một trường đại học Mỹ là Central Connecticut State University thực hiện. Họ thống kê một cách cụ thể và khoa học những nước “có chữ” nhất và đọc sách nhiều nhất.

Vị trí thứ 60 khiến ông Bộ trưởng Giáo dục và Văn hóa Indonesia rất ưu tư. Công trình nghiên cứu còn chỉ rõ những yếu tố cơ bản tạo điều kiện cho việc đọc sách ở Indonesia không hề thấp, mà đứng thứ 34. Như vậy là còn hơn cả điều kiện ở các nước Đức, Bồ Đào Nha, New Zealand và Hàn Quốc. Điều này cho thấy hiệu quả rất thấp của việc sử dụng điều kiện sẵn có để đọc sách. Số lượng thư viện, số lượng sách xuất bản, số lượng báo chí, thời gian dành cho văn học ở trường sở, máy tính và thư viện di động không nói lên được tình trạng thật của thói quen đọc sách.

Khoảng dăm năm trước, một nhà giáo dục Indonesia tỏ ý trách chính phủ nước mình về chính sách giáo dục, rồi bà nói thêm: trong các nước ASEAN, họa may giáo dục Indonesia chỉ hơn có Việt Nam mà thôi.

Người viết bài này nghe vậy thì cảm thấy có chút tổn thương trong lòng. Tổn thương vì khi ấy chưa có thông tin về xứ vạn đảo. Bà tự nhận là kém thì cứ việc, sao lại vẽ ra chuyện xếp trên nước khác. Người dễ tự ái là người ảo tưởng về mình và không hiểu về người xung quanh. Bây giờ, khi đã hiểu về đất nước Indonesia thì người viết không còn thấy bực mình nữa.

Việc đọc sách cũng vậy. Ai nói người Việt ham đọc tức là mới chỉ ra đến phố sách Tràng Tiền - Nguyễn Xí - Đinh Lễ ở Hà Nội, mới chỉ đến vài đường sách ở Sài Gòn. Đến phố sách thì thấy quả là có nhiều người đọc sách. Nhưng có bao nhiêu người đọc sách thì ra đấy hết cả rồi. Còn nhìn phố phường hàng triệu người chen chúc ngoài kia thì mới thấy tỷ lệ đọc sách là rất thấp.

Vào bệnh viện mới thấy người ốm là rất nhiều. Nhưng không ai nhìn một bệnh viện đầy người ốm mà nghĩ đường phố ngoài kia chắc cũng chỉ toàn người ốm.

Từng có lúc người ta nói với học sinh rằng người Việt có tính hiếu học. Huyền thoại đấy. Ngày xưa bỏ công bỏ của bỏ sức đi học, mục đích là đỗ đạt sẽ được bổ làm

quan, có quyền có thể có tiền có danh. Như vậy học là để được thoát ly khỏi chốn chân lấm tay bùn, thoát khỏi cảnh nghèo. Học là có mục đích thực dụng. Cũng là mục tiêu thực tế, không có gì là dở. Ngày nay học cũng là có nhiều dụng ý nhiều toan tính. Cũng là thiết thực. Chỉ có điều học không hẳn là vì hiếu học, không hẳn coi học như một thói quen, một cái thú, một niềm yêu thích.

Ai nói học là một cái thú, xin hãy nhắc lại? Phản biện thì học là công cuộc lao lực bậc nhất, học là lao động, học là đổ mồ hôi sôi nước mắt và tra tấn trí não. Học bị coi là đối trọng của giải trí, xả hơi.

Ấy thế, đang bàn về tinh thần hiếu học. Một tinh thần yêu lao động. Đang làm một công trình nghiên cứu lớn, quay ra giải một bài toán nhỏ cũng là giải trí. Đang viết một cuốn sách dày, chuyển sang viết một đoạn tản văn cũng là thư giãn. Đang cày cấy trồng trọt cho một vụ lúa, lúc nông nhàn ngồi đan lát cái rổ cái rá, cũng là đối gió. Những thứ với người khác bị coi là vất vả thì với người yêu lao động, có khi nó là giải trí là thư giãn.

Đọc cũng thế, một khi đã thành thói quen, thành niềm yêu thích, thì đọc không còn là lao lực phải cố gắng. Một ngày không đọc như một ngày không ăn, không đọc không chỉ là thiếu thiếu một cái gì, mà là không chịu nổi.

Nhưng tôi cũng đã có lần viết, người Việt hầu như đã mất thói quen tiêu dùng sản phẩm văn hóa. Phụ nữ có thể mất hàng giờ đến trung tâm mua sắm, có thể bỏ kha khá tiền mua túi xách ví da mỹ phẩm và các phụ kiện khác. Đàn ông có thể tụ tập bia bọt trà lá với số tiền không hề nhỏ. Nhưng tiền ấy bảo họ trích một phần ra mua sách, thì không. Không không là không. Tiền ấy bảo họ mua vé đi xem phim xem kịch, không không là không.

Vé cho thì đi xem, sách tặng thì đọc, xem và đọc xong thì cũng có thể thấy một cái gì trong ấy, nhưng tự mình đi mua thì, xin lỗi.

Không hình thành được thói quen tiêu thụ sản phẩm văn hóa.

Nhiều nhà văn hóa khi nêu vấn đề này ra thường có ý trách. Đùng trách. Người viết bài này thì không có ý ấy. Có chăng thì cười đùa giễu cợt một tí, giễu người mà cũng cả tự giễu. Tạo hóa ban cho toàn nhân loại tứ khoái, nhưng chỉ ban cho một thiếu số người ngũ khoái mà thôi. Đấy là cái khoái thứ năm, khoái cảm đọc sách. Chỉ rất ít người có khả năng mê sách, rất ít người có khả năng thu nhận được nhiều điều từ sách, vận dụng được từ sách. Không được trời cho cái khoái thứ năm, đấy là thiệt thòi, là đáng tiếc cho con người chú đầu phải là đáng trách. ■



Đất phương Nam ngày cũ

Thất lòng Ba Thắc

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng nhận chìm ghe, lấp dấu tích và vội vã ẩn mình trong rừng bần tối trời trốn quân Tây Sơn. Chợt có tiếng động ngoài mé sông; Ánh mím môi, níu chặt vai Lê Văn Duyệt, chẳng hiểu vì run sợ hay như thể dặn bề tôi cảnh giác.

"Giống chi toàn là giống đực

Thiếu tứ bề cam cực chung thân".

(Câu hò Long Phú)

Không gian im ắng sau tiếng hò đố của người con gái; chắc có lẽ anh chàng nào đó bị cú *giật giò lái bể dái* bò nên tạm thời ngưng hò *đáp*. Đoàn tùy tùng Nguyễn Ánh đồng thở *cái khi*, tiếng khi hơi nhẹ người nặng vật khiến bầy đom đóm hốt hoảng tắt đèn.

Duyệt trầm mình lặn xuống tát nước, đưa Ánh vào thiet sâu rừng bần.

"Cặt bần tuy là giống đực

Thương em đành cam cực chung thân".

(Câu hò Sóc Trăng)

Thì ra, câu hò đố lúc này đã có lời giải đáp chính xác: *Cây bần!* Dân dã thông minh như vậy, lo chi chuyện *phục quốc* của chúa chẳng dựng thành! Mãi mê nghĩ chuyện, Duyệt lơ là lách sào len lỏi rạch, xuống đội ngược vì mũi đụng phải gốc bần cổ lưu niên. Thường khi, gặp sự cố tương tự, chúa có thể nổi cáu và phán dạy; nhưng đêm nay thì không. Tiếng quốc kêu trên nền nhạc côn trùng miền ven biển, chúa chạnh lòng và bóng đêm như đã làm biến dạng khuôn mặt chúa, trở thành khuôn mặt khác.

"Duyệt! Ta lạnh lắm rồi...".

Duyệt nghe rõ miệng chúa *đánh bò cạp*, đôi hàm răng va mạnh vào nhau liên tục làm chúa run cầm cập. Mây ngũ sắc vén trời hùng mặt; chúa bắt đầu lo sợ quân Tây Sơn truy kích kịp, tằm ra tông tích.

"Nước Ba Thắc chảy cắt như dao

Con cá đao bổ nhào vô lưới

Biết chừng nào anh (mới) cưới dựng em".

(Câu hò Trà Vinh)



mã Trương Văn Đa đã tới Cổ Chiên và đang thọc xuống miền duyên hải Ba Động.

Bụng dạ Đồ đốc Vàng nóng như lửa đốt. Duyệt lo phân tán nội cung, đưa bớt cung nữ trà trộn trong dân sinh sống.

Nguyễn Ánh nằm võng không tàn lọng, chỉ có quân hầu và mong được một lần thưởng thức hương bản. Duyệt thưa:

"Bông bản trắng điểm huyết sắc tím, không hương"

"Có sắc không hương thì, sắc kia cũng vô dụng!"

Ánh uốn lưng, chồm người và như sức nhớ:

"Khanh người Trà Lọt, chắc là hiểu bản hơn ai!"

"Bẩm! Chúa sáng suốt. Hỡi nhỏ, thần thường nghe má thân ru em:

Bần ơi! Oi hỡi là bần

Lá xanh bông trắng, lại gần không thơm.

Thế nhưng thực ra cây bản có nhiều công dụng"

Tiếp theo, Duyệt phân tích với Nguyễn Ánh về những thổ ngơi phương Nam. Tuy cây bản không hương thơm, nhưng nó đặc dụng và nó vẫn hơn biết bao loài bông tràn hương sắc mà trái thì chẳng ra gì, có khi còn phản trặc sắc hương. Rừng bản chắn sóng giữ đất cù lao dày đến độ trưa đứng bóng, nắng không rớt nổi một giọt xuống đất. Trái bản từng chùm đưa theo nhịp gió biển. Vì mãi đưa theo nhịp gió biển nên trái bản tròn đẹp, mang đậm vị chua và chát, đài bông dày đủ sức chịu phong ba và nhọn gần cuống để chống chọi bão táp.

2 Chiến cuộc lan rộng, chiến sự ngày thêm ác liệt và quân Nguyễn Ánh vỡ trận khắp nơi. Tại mắt Tây Sơn rắc đều bốn cõi, Nguyễn Ánh khác nào mãnh hổ bị truy đuổi và rồi tự nhốt mình trong cái cù lao mà ông chưa từng rõ tên. Chẳng lẽ, ta thúc thủ đợi quy hàng!? Những lúc như vậy, cái chết thảm của Nguyễn Phúc Thuần, Nguyễn Phúc Dương chập chờn hiện về với cây thị không còn da và mất đầu. Sau mấy ngày ăn trái bản và tắm môi nước mặn, Nguyễn Ánh cùng tùy tùng bị tiêu chảy kiệt sức. Nguyễn Ánh nằm liệt võng và không sao gượng ngồi dậy nổi. Duyệt lo lắng, luôn túc trực bên cạnh; Đồ đốc Vàng bối rối bởi, thủy binh của Đồ đốc tàn tới chỗ tạ vô cùng.

"Đây là đâu, Đồ đốc?"

Nguyễn Ánh hỏi Đồ đốc Vàng. Đồ đốc quỳ cận đầu võng, tàu rằng:

"Dạ, bẩm chúa! Nơi đây là con rạch không tên, nó lấy nước từ sông Ba Thắc nuôi đất cù lao. Thời đànng cự chỉ lại đànng tân, rằng sông Ba Thắc' đổ ra biển Đông bằng ba cửa: Định An, Ba Thắc, Trần Di. Thiên hạ theo thói quen thấy mặt đặt tên, thấy vóc dáng cù lao giống kinh ngư trườn ra biển bồi và giữ đất, chim muông tụ về, nên cù lao có nhiều tên gọi do lưu dân và người bản địa tự đặt?"

Khuôn mặt Nguyễn Ánh còm cõi cóp má, mắt nhắm, thờ ờ. Duyệt ra hiệu cho Đồ đốc Vàng thối lui vì chúa đã thiếp ngủ.

Tiếng hò của chàng trai sống nghề chài lưới rất tình tứ, rất trong và ấm, xé bóng tối lộ ra bóng nắng ban mai. Chúa vừa qua đêm ngự miền đất lạ cuối nguồn sông Hậu.

Chim đồng độc kêu rộ trời. Chàng trai cô gái dỡ câu, cuốn lưới đầy ắp cá tôm và xen tiếng cười khúc khích lan lan mặt nước. Nguyễn Ánh vươn vai đón gió biển, ngấm bông bản... Mùi đất nước làm chúa tươi tỉnh. Bất giác Ánh nói với Duyệt: *Giang sơn ta đẹp quá!*

Đồ đốc Thủy binh Nguyễn Văn Vàng rờn rã một ngày trời bỏ công lực lạo bờ hơi tai nhưng vẫn không tìm ra được một giọt nước nào ngọt trên cái cù lao này; vùng đất rộng mênh mông, đồng ken cây bản thành rừng rậm. Khát khô cả cổ! Chúa cùng quân gia ngậm trái bản cảm hơi. Trong lúc đó, quân thám thính cấp báo: *Quân Tây Sơn dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Phò*

* * *

*"Thân em như trái bần trôi
Sóng dập gió dồi, biết tấp vào đâu?"*

(Ca dao)

Nguyễn Ánh tươi cười và nhớ... À! Ta nhớ ra rồi! Giọng hò nầy chính là cái giọng hò đố của cô gái buồng câu trên sông, vào đêm ta lủi vô rừng bần lẩn trốn quân Tây Sơn. Nàng hiện ra và chào ôi, nàng đẹp tựa tiên nga. Nàng sắc nước mà sao chẳng có hương trời? Ánh tự hỏi trong nuối tiếc; song nuối tiếc đó đã bị cái nòi tình đè bẹp. Nàng thướt tha trong bộ xiêm y trắng điểm tuyết sắc tím, chậm chậm bước tới.

"Thiếp tên tục là Bần, xin ra mắt chúa công!"

"Ta miễn lễ cho nàng và ta muốn nói với nàng, rằng: Sóng dập gió dồi hãy tấp vào ta!"

Nàng ỡm ờ khúc khích cười.

"Thân chúa công đang bị gió dồi sóng dập, thân lo chưa xong, nói chi tới lo cho thiếp!"

Sợ Nguyễn Ánh buồn, nàng giả là:

"Chắc là chúa công đói nhiều lắm rồi, phải hôn? Thiếp đãi chúa công".

Nghe nói được ăn, Nguyễn Ánh không kềm nổi nước miếng ứa ra miệng. Tai Nguyễn Ánh còn nghe văng vẳng tiếng nàng nói: Chúa công cố ăn cho lợi sức, để có sức chạy nhanh, Tây Sơn không bắt kịp!

Chẳng sơn hào hải vị chi, chỉ là món ăn dân dã: Gỏi bông bần, cá sặt, rô, chốt, trê vàng mẩn mẩn ăn với cơm nguội kèm bần ổi chín xắt lát mỏng, rau rừng, chuối chát, ớt hiểm xanh... Nguyễn Ánh quên mình là đấng quân vương, ngồi chàng hàng dưới đất, tay xé con mắt ăn bốc... bụng no càn hông ròi, miệng vẫn thèm ăn. Mới biết cái ăn quan trọng tới chừng nào!

Nguyễn Ánh ăn xong bữa cơm, thần trí minh mẫn; nhìn nàng Bần, ông có cảm giác đó là tiên nữ từ cây bần hóa thân để cứu giúp ông qua cơn hoạn nạn. Rồi Nguyễn Ánh ngẫm nghĩ, *"Bần là giống cây từ nước ngoi lên để sống, dáng bần như dáng cây liễu; có lẽ đây là loại thủy liễu cũng nên"*. Ông chưa kịp mở lời cảm ơn thì nàng vội vã căn dặn đôi điều, rồi lặng lẽ mất hút theo khói lam chiều bên kia sông. Và, hình như có tiếng chuông chùa nương gió vòm Đại Ngãi.

- Thủy Liễu! T...h...ủ...y... L...i...ể...u..."

Nguyễn Ánh kêu thất thanh, long thể xuất hạn mồ hôi đầm đìa! Từ đó, dân gian gọi cây bần là thủy liễu.

3 Đò đốc Vàng người con miệt sông Tiền, vào thời loạn đã bỏ bến sông thành chiến binh thủy và một lòng sống chết cùng chúa hơn ba mùa trăng thu. Đêm nay, ở rừng bần trong bước đường cùng nầy, nhìn thấy trăng khiến Đò đốc nhớ hiền thê, nhớ *trắng mười bảy trảy giường chiếu*. Gió từ biển thốc từng cơn, hàng hàng lớp lớp cành bần va nhau tạo thanh âm buồn

lê thê trên bãi đất cồn. Đò đốc chẳng màng gì thân, chỉ nghĩ tới sự sống còn của chúa, giọt máu cuối cùng nhà Nguyễn kể từ khi Nguyễn Hoàng vào đất Thuận Hóa.

Trăng trằm hà đầy Ba Thắc, Đò đốc coi thiên văn thấy lành ít dữ nhiều, nhìn địa thế sông Ba Thắc *lợi không tới bờ, lặn không tới đáy*; ba cửa sông không thể bảo vệ cù lao một khi quân Tây Sơn phát hiện và dùng chiến thuyền bố lưới bao vây. Đò đốc biết chắc mấy ngày tới, quân Tây Sơn sẽ vượt sông Cổ Chiên qua cửa Cung Hầu đến Mỹ Long và từ đó, tiến về cửa Định An, cửa Ba Thắc, cửa Trần Di (Trần Đề) để như trở bàn tay. Nhiều lần Lê Văn Duyệt trao đổi tình hình chiến sự cùng Đò đốc; và cũng nhiều lần Đò đốc định báo sự nguy cấp *chỉ mảnh treo chuông* cho chúa nắm nhưng sợ chúa kinh động nên thôi!

"Bẩm báo Đò đốc, thủy bộ quân Tây Sơn đã rời Mỹ Long cách đây hai canh giờ!"

Toán đặc thủy tiền sát báo khẩn cấp.

Đò đốc chỉ kịp bàn với Lê Văn Duyệt.

"Lê tướng quân! Tướng quân cứ làm như vậy... như vậy... Nếu chúa có chân mạng đế vương thì, chắc an toàn mạng".

"Tôi bao nỡ để Đò đốc..."

Duyệt chưa nói dứt nửa câu, Đò đốc chặn lời:

"Tình thế nguy khốn, ta không thể nhiều lời. Phận làm tôi phải cứu chủ lúc nguy nan".

Thấy mắt Duyệt rung rung, Đò đốc cầm tay Duyệt:

"Tướng quân bảo vệ long thể an toàn, việc đó còn khó gấp trăm lần ta xông pha nơi chiến trận".

Duyệt bùi ngùi, đôi dòng lệ ứa ra từ đôi mắt thiếu ngủ.

"Nhưng..."

Đò đốc Vàng một tay cầm chuôi gươm, một tay vỗ vai người bạn cùng sinh ra và lớn lên chung một dòng sông Tiền, rồi cười khanh khách:

"Tướng mất, còn chúa thì, còn giang sơn. Mất chúa, tướng còn thì giang sơn vẫn mất và cái còn kia chỉ là cái còn ngàn năm ô nhục!"

Mây vần vũ chuyển mưa, trời mang hơi nước nặng nặng. Đò đốc như vừa trút gánh nặng trên đôi vai *nặng nghĩa Quân-Thần*, thanh thân đi vào cõi tử sinh, mà phần tử hoàn toàn thuộc về mình!

"Xin tướng quân giấu nệm sự việc với chúa trước khi ta dẫn dụ quân Tây Sơn vượt đui ta cùng chạy về sông Khoa Giang!"

Duyệt ôm Đò đốc, nghẹn ngào:

"Đò đốc! Sanh vi tướng, tử vi thần!"

* * *

Sau buổi trưa gặp nàng Thủy Liễu trong chiêm bao, tâm trí Nguyễn Ánh thôi bất an. Nhất nhất mọi việc, Duyệt thi hành theo kế hoạch của Đò đốc Vàng dặn dò trước lúc chia tay.

Duyệt che mình giấu Nguyễn Ánh dưới hàng bần cỏ mọc cặp mé rạch hoang chạy ngoằn ngoèo. Ngoài

cửa sông Ba Thắc tiếng reo hò, tiếng binh khí... hơn tiếng sấm dậy lúc trời chuyển mưa đầu mùa.

"Giặc Huệ đã đuổi tới rồi à!"

Duyệt ra ám hiệu, chúa nín khe. Bông bản lắng lơ sắc, bốn cột với binh đao.

Đô đốc Tấn cùng thủy binh Tây Sơn tưởng Đô đốc Vàng là Nguyễn Ánh nên dốc toàn lực rượt đuổi. Phó tướng Duy có điều nghi vấn, ngăn cản:

"Thưa Đô đốc! Nguyễn Ánh nhỏ con, người này chẳng những lớn con mà còn oai vệ, tiếng nói như tiếng chuông rền át cả tiếng sóng biển. Theo tôi, đây là kẻ kim thiên thoát xác; Đô đốc cẩn trọng, đừng để mắc mưu địch. Chi bằng, ta quay lại lục soát rừng bản trên cái cù lao đáng nghi ngại kia!"

Đô đốc Tấn gác ngoài tai những lời của Phó tướng Duy.

Tiếng quân đòi bên xa dần. Rừng bản chỉ còn tiếng sóng biển.

Rồi ngay trong đêm, Lê Văn Duyệt trình bẩm Nguyễn Ánh nắm toàn bộ kế hoạch đánh lừa quân Tây Sơn của Đô đốc Vàng. Tay Nguyễn Ánh níu vạt áo Duyệt bật run, một sự bật run đầy cảm kích trước tấm lòng tận tụy của kẻ bề tôi đối với quân vương. Bất ngờ, Nguyễn Ánh nắm vạt vãi, khóc thét lên rúng động cả vạt rừng bản. Trời đầy sao bỗng ngưng sấm sét chớp giựt, gió hú rừng làm nao lòng người. Mưa xối xả, mưa như chưa bao giờ được mưa!

Rừng bản xanh tươi, thay áo mới; chim ríu rít chào nắng ban mai. Lòng Nguyễn Ánh chợt sáng khoái trước cảnh vật đẹp lạ thường và có cảm giác, đang sống trong đất nước thanh bình.

"Lạy Trời! Lạy chúa công! Lạy..."

Tiếng lạy vang lừng hòa trong nỗi vui mừng khôn tả của bầy cung nữ, của đoàn tùy tùng phát hiện đầm nước ngọt nơi Nguyễn Ánh nằm lăn lóc khóc hồi đêm.

Nguyễn Ánh lạy cảm đất, tạ trời đã ban tặng đầm nước ngọt giữa bốn bề nước mặn bủa vây. Giây phút linh thiêng, Nguyễn Ánh nghĩ tới Thủy Liễu và tự hỏi: *Nàng là người trong mộng hay là Tiên?*

Lê Văn Duyệt nhớ lời Đô đốc Vàng nhắc đi nhắc lại:

"Thuyền ta nhỏ chạy nhanh, thuyền Tây Sơn là loại thuyền chiến lớn nên chạy chậm; và một khi thuyền Tây Sơn vô Khoa Giang sẽ càng thêm khó bề xoay trở. Sớm mai, tướng quân cần gấp rút đưa chúa trốn nhanh nơi khác. Quân Tây Sơn sẽ trở lại tức thời một khi phát hiện ra ta..."

Bóng nghiêng nắng chưa đứng, Duyệt cũng Nguyễn Ánh đi trốn qua ngã cửa Trần Di. Và, trước lúc đi, Nguyễn Ánh kịp đặt tên đầm nước ngọt là *Đầm Tiên*, rạch hoang nơi Ánh từng lui trốn là rạch *Long Ẩn*.



Trái bản.

Nguồn: doisongvietnam.vn

4 Rừng Thủy Liễu chắn sóng giữ đất, Đầm Tiên ngăn mặn gìn nước và rạch Long Ẩn góp phần tạo nên vùng đất cù lao Dung bạt ngàn lúa, mía. Có lẽ hơn ai hết, người đàng trên hay đàng dưới mà thiên hạ thường gọi đàng cụt, đàng tân đều thấu hiểu lẽ trời ở vùng đất Ba Thắc; chẳng phải khi không vùng đất Ba Thắc mang hình dáng *rồng giao nhau*, dân sở tại gọi là *Giao Long* có đủ các bộ phận: *đầu, mình, chum, đuôi*... biểu tượng qua những giống cá⁴. Và, cũng chẳng phải khi không cái nơi *bông thừa sắc thiếu hiếu hương* của cây bản, sinh ra loài cá bống sao - món nhà quê ăn ngon trên cả tuyệt vời. Tương truyền, Đô đốc Vàng bị quân Tây Sơn cắt lấy thủ cấp, thân liệt trôi sông. Hồn Đô đốc Vàng chia ba phần: Một phần ở lại sông Khoa Giang (Cà Mau), một phần quay về cù lao Dung nơi xuất phát ra đi và một phần gửi cố hương sông Tiên. Mỗi nơi đều có một loài cá bống nhỏ hơn cá thòi lòi, thân dài như cá bống dứa và mình tròn, da dày đặc đốm trắng li ti, kết từng chùm sao giông giống sao trời.

Mỗi doi đất, một dòng sông người xưa để lại; người đời nay chắc gì đã hiểu hết! ■

Chú thích:

1. Sông Hậu.
2. Có thể kể một vài tên như Huỳnh Dung Châu, Hồ Châu, Kác Tung, Chằng Bè, cù lao Duông; và sau này là cù lao Dung. Cù lao Duông là tên gọi của người Khmer, ý nói cù lao của người Việt. Cửa Ba Thắc đã bị phù sa bồi lấp, nhiều cồn bãi nổi lên ngăn dòng chảy trong đó có cồn Tròn với rạch cồn Tròn khiến Ba Thắc mất đầu.

3. Đô đốc Nguyễn Văn Vàng bị quân Tây Sơn giết trên sông Khoa Giang (Cà Mau). Về sau, dân gọi sông Ông Đốc; ngày nay gọi sông Đốc và có thị trấn Sông Đốc.

4. Những giống cá có tên như giống Long Tử, Mã Tộ (có chùa Dơi), Bến Bò, Sóc Vồ, Phú Nổ, An Trạch, Trường Khánh...



Một cuốn sách

TÁNH THIỆN

Sách Thầy tặng từ quê hương nắng ấm
 Âm cả lòng, âm suốt cả con tim
 Từ phương xa tôi lặn lội đến tìm
 Rất trân trọng những gì Thầy đã tặng.

Xin nguyện nhớ tình Thầy luôn tinh tấn
 Sống chan hoà với tất cả tình thương
 Lời Thầy trao cùng cuốn sách mở đường
 Chẳng sai lạc giữa cuộc đời huyền mộng

Nhớ đến Thầy lúc ngồi chung chụp bóng
 Lòng tôi vui như gặp lại người thân
 Mỗi chân tình xin luôn mãi tri ân
 Cuốn sách quý là bao lời nhắn gửi.

Viếng bảo tháp Đại sư Liễu quán

NGUYỄN

Vắng lặng, an bình một cõi Không
 Tâm kinh rủ rì gió ngàn thông
 Mây lành, trời phù tàn năm sắc
 Sen báu, hồ dâng phẩm vạn bông
 Mây độ thêm rêu ngời nắng hạ
 Bao lần tháp đá tầm sương đông
 Gậy thiền, bóng khuất trắng non Thử
 Dẹp cỏ còn thơm ngát dặm hồng.

Gợi nhớ

NGUYỄN TỪ

Hôm nay thăm lại quê tôi
 Trưa thu man mát nắng rơi bên thềm
 Mông toi mấy ngọn lay mềm
 Lá xanh, quả tím gợi niềm xa xăm
 Lá ghi đôi chút... hương thềm
 Quả um màu nhớ qua năm tháng dài
 Trường xưa, quê cũ là đây
 Giờ nghe nắng gọi, gió lay điệu buồn
 Đâu đây vắng tiếng chim muông
 Nào khuôn mặt cũ yêu thương thưở nào?
 Hững hờ mây chuyển về đâu
 Chân buồn nhẹ gót xôn xao nắng vàng.

Dòng sông thương nhớ

PHẠM ÁNH

Bây giờ ông ở nơi đâu
 Để tui lẻ bóng bên cầu nhân duyên
 Ai hay cay cực ưu phiền
 Một mình trăm nỗi niềm riêng ngậm ngùi

Ông đi biển biệt phương trời
 Chiến tranh khói lửa một thời đã qua
 Bây giờ đã tuổi tám ba
 Chưa lần gặp lại buồn xa trách gàn

Cả đời làm mẹ đơn thân
 Vọng phu hóa đá trong ngàn bể dâu
 Minh tui chẳng biết ông đâu
 Dòng sông thương nhớ bạc đầu răng long.

Thương về miền Trung

PHAN THÀNH MINH

Trời hành chi lăm miền Trung
Lũ lụt hạn hán bão bùng bủa vây
Chan mưa nước mắt đường cày
Giáp mùa khoai sắn khói cay cả làng

Cuộc kêu khắc khoải đồng hoang
Hắt hiu còn cát ngô vàng cà thâm
Chợ vợ cái kén con tằm
Cái nghèo dài đến trăm năm chưa dừng

Cả đời buộc bụng thắt lưng
Cơm và khoai vức bồng dung thâm tình
Nụ hôn hẹn cuộc an bình
Chong đèn tựa cửa vẫn đỉnh ninh lòng

Mặc hạn hán
Mặc bão giông
Mẹ như cây lúa bầm đồng làm dâu
Oằn vai gian khó cơ cầu
Cách lòng xa mặt về đầu xuân thì.

Lục bát quê

TỊNH BÌNH

Tôi đèn cây sáng hiên trắng
Nặng oằn đời lúa chân trần bầm què
Rạ rơm kiu kịt đi về
Héo cau lườm nguyệt nhún trề thóc tươi

Nong nia rộn tiếng nói cười
Khéo tay sàng sảy khéo lời đầy đũa
Đẻo dai thẳng tắp đường bừa
Gieo neo cây cấy nặng mưa dãi dầu

Đèo bông đồng cạn đồng sâu
Nắc na nắc nôm lưng trâu băng đồng
Tiếng gà chẳng kịp ánh hồng
Thúng quang thoăn thoắt chợ Đông chợ Đoài

Bếp chiều củi ướt khói cay
So bằng đũa lệch mới tày lua com
Đất lè quê thói thảo thơm
Ngoài bùn lem lăm mà tinh tươm lòng...

Đông chuyển gót về

TRƯỜNG KHÁNH

Những giọt mưa đông bắt đầu rơi,
Mặt đất khô, gọi mời nước đến,
Hơi lạnh theo mùa về - hiện diện,
Gương mặt mùa đông đặc quánh buồn.

Hơi hướm mù sương chìm nổi nhớ,
Ngàn năm cách trở lối về đi,
Trăm năm mòn gót bao lần đến!!
Cuộc thế trôi xuôi có được gì!?

Đông chuyển mùa sang lạnh ít nhiều,
Mơ về chốn cũ... gót bông phiêu,
Ra đi từ dạo non xanh tuổi,
Nay đã chôn chân... bóng xế chiều.

Thời tiết chuyển mùa đông chớm qua,
Âm vang ngày cuối lạnh dương tà,
Thời gian nhòa nhạt chân chùn bước
Ngoái lại nhìn ta - thấy bóng ta!!

Rét mướt theo về mưa chớm đông,
Hanh hao tiết lạnh xót xa lòng,
Đường chiều cuối ngõ rưng rưng bước,
Thắm đẫm nỗi buồn ai biết không!?



Thiền..

VŨ THỊ HUYỀN TRANG

Cát bắt đầu ăn chay và ngồi thiền năm ba mươi tuổi. Không theo trào lưu, cũng không phải vì giác ngộ. Đơn giản chỉ là tự nhiên sợ thịt và thèm được ngồi thiền. Cát nói với chồng những điều ấy trong lúc anh đang gặm đầu gà. Ban đầu Duy không để ý đến những lời vợ nói vì còn bận tận hưởng cái mào gà luộc thơm sì. Nhưng rồi đột nhiên Duy dừng lại hỏi vợ bằng đôi môi bóng nhẫy *“em nói thật đấy à?”*. Sau cái gật đầu của Cát, anh bỗng phá lên cười *“để xem được bao lâu!”*.

Chắc hẳn anh đang nghĩ đến vài quyết định khác trong đời Cát. Như lần quả quyết đòi đi tập yoga. Mua sắm quần áo, thảm tập, nộp học phí cả năm cho một trung tâm thể dục thể thao. Cát nhất định phải có thân hình đẹp như các kiều nữ của *Victoria's Secret*. Để có thể ngồi trước biển hoặc bể bơi mà chụp vài pò ảnh đáng đẹp mê hồn như cái cô nữ hoàng giải trí xứ mình. Để níu giữ tuổi thanh xuân như nữ hoàng nhạc pop Madonna. Bao nhiêu là quyết tâm cuối cùng cũng chỉ đủ cho vài ba buổi tập.

Lần khác Cát quyết tâm phải xóa mù ngoại ngữ. Mất mấy ngày mấy đêm tham khảo xem nên học ở trung tâm nào tốt nhất. Lượn quanh thành phố mua từ điển, đài cassette, băng đĩa đủ kiểu. Nhưng cuối cùng vẫn cứ mù ngoại ngữ không biết gì ngoài hello, how are you? Giờ lại đến món ngồi thiền với cả ăn chay. Duy cười ha hả kể với mấy cô bạn thân của Cát về ý định của vợ mà anh nghĩ nó rất điên rồ. Cát không hiểu thắng phân bua như những lần khác. Chỉ ước nếu không vương tụi nhỏ thì có khi sẽ khăn gói lên chùa.

Cát không nghĩ sâu xa rằng Thiền là một kiểu giác ngộ mà nó giống như sự về nguồn. Tựa như đến một thời điểm nào đó con người ta bỗng sợ những bon chen xô bồ trong đời sống thực tại. Không còn tha thiết tìm vui nơi khác mà quay về với chính mình. Cát ngồi thiền trong tâm thế thoải mái. Nhưng tâm trí Cát không thể dừng mọi thao tác vận hành tâm thức cũng như những tạp niệm. Tâm trí Cát bị hút vào lỗ đen với ma lực khủng khiếp. Lúc ấy Cát như người đã bị bắt mất linh hồn chỉ còn lại thể xác trong tư thế ngồi bán kiết-già.

Ở một thế giới khác Cát rơi tõm xuống bờ sông mùa cạn nước. Mẹ đang gánh nước để tưới ngô trên đồng. Những luống ngô héo queo vì nắng nóng. Cát chui trong vườn mía nhìn đôi vai mẹ cũng đang muốn rũ xuống như những chiếc lá ngô. Đứng từ dưới bờ sông cũng có thể nhìn thấy dáng bố Cát đi ngắt ngưỡng

trên đê. Nếu gió mạnh có khi xô ngã được cơn say của bố. Mẹ tính năm bằng những mùa lúa mùa ngô. Năm của bố được tính bằng mùa rượu sắn, mùa rượu ngô, mùa rượu gạo. Mẹ công mùa trên vai đảm đĩa những giọt mồ hôi. Bố công mùa say bằng nước mắt. Đã có lúc Cát nghĩ nếu nước mắt bố tưới sống được những cây ngô thì còn hữu ích. Đàng này...

Mẹ sinh được mình Cát thì bị bệnh phải cắt cả hai buồng trứng. Bố là con trai độc đinh nên có trách nhiệm nối dõi tông đường. Việc mẹ không thể sinh thêm con cũng có nghĩa bố không làm tròn trách nhiệm đối với dòng họ, tổ tông. Thứ quan niệm cổ hủ của cả xã hội thời ấy kéo đời bố chúi vào chai rượu. Lúc say bố hay đi vào trán Cát nói bằng hơi rượu:

“Giá mà là con trai có phải đời bố đỡ khổ không?”

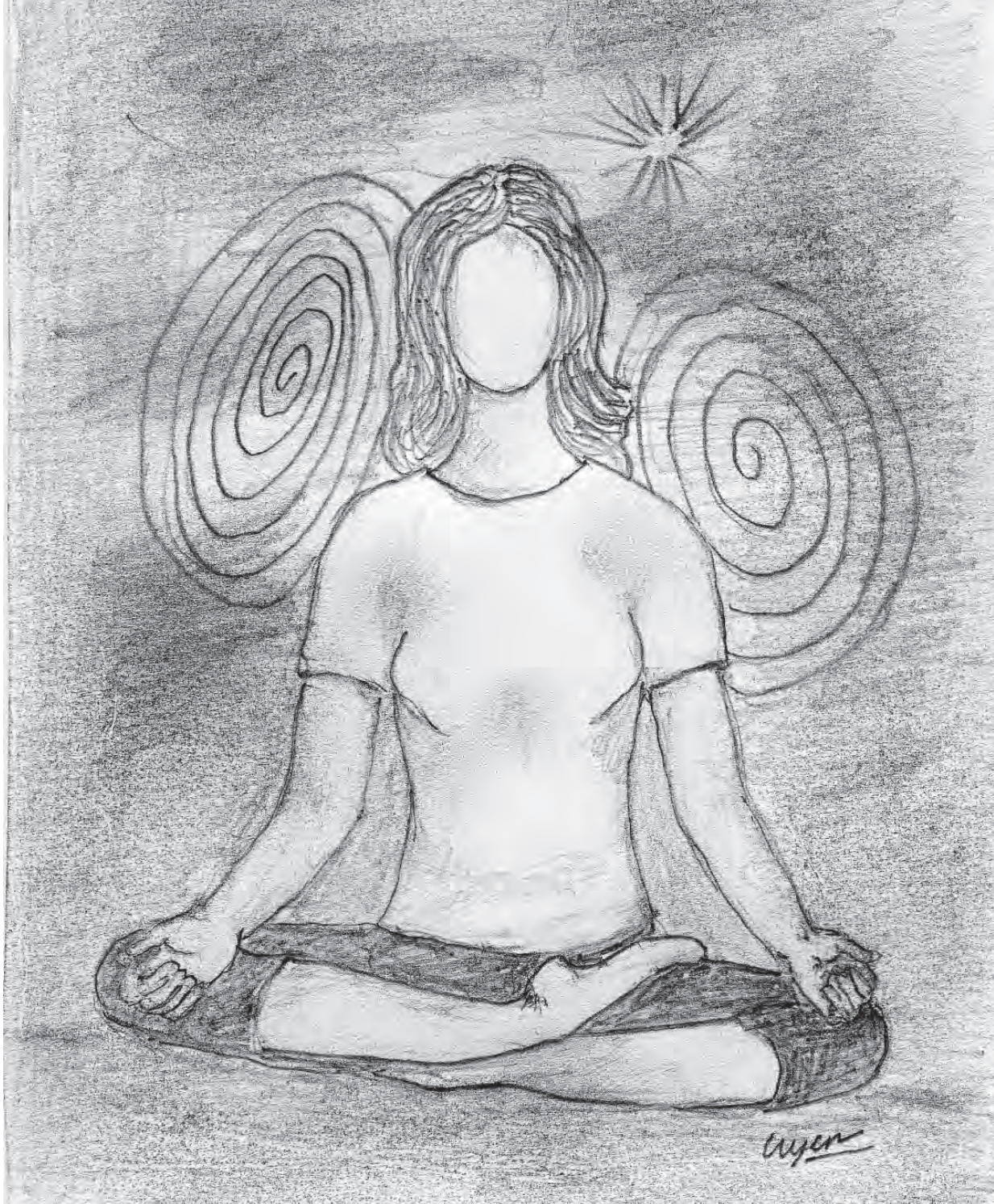
“Để làm gì hả bố? Sao bố cái Hoa, cái Thắm cũng nói với chúng y như vậy?”

“Để bố mẹ già còn có người chăm sóc, chết còn có người chôn cất, ngày giỗ còn có đĩa thấp hương. Vịt giò như mày nuôi lớn lại bay đi. Được trò trống gì, nhờ vả gì cơ chứ?”

“Thì sau này bố mẹ già con cũng chăm sóc được chứ sao?”

Bố phẩy tay cười khan. Trong cổ họng ông, hình như men rượu đang bốc cháy. Mẹ sống lắm lùi qua những cơn say của bố. Đàn bà tịt đê là cũng tịt luôn tiếng nói trong nhà. Nên bồ thóc vơi dần vì bố xúc đi đổi rượu. Mấy tải ngô cũng vơi dần vì bố xúc đi nấu rượu. Tiền mẹ ki cốp từng đồng dặt trên mái nhà, buộc ni lông vùi trong đống tro, giấu trong đầu giường hay kẽ tường bố đều tìm lấy. Mẹ có biết cũng chỉ dấm dúi khóc. Mẹ tiếc của khóc to bố trừng mắt là im bật, nước mắt nuốt vào trong. Vợ vẫn là bố dọa đi lấy vợ khác để lấy thằng nối dõi tông đường. Bồn từ “nối dõi tông đường” cũng chẳng khác nào một thứ thuế hạnh phúc. Đong đủ thì vui. Thiếu thì dập vùi tan nát.

Thời của mẹ, đàn bà hiền như những dải khoai. Sống chỉ cúi đầu xuống bùn để che chở bao bọc búp non. Có nhiều lần vừa bắt đầu ngồi thiền Cát đã thấy mình ngã sõng soài trên chiếc lá khoai môn. Màu xanh mềm như lớp lụa ấy từng che nắng cho Cát những buổi trưa đi học về. Từng thay lá sen gói cốm đầu mùa. Từng là mái nhà của những chú gà con. Và từng chứng kiến nỗi đau đớn tột cùng khi gã bạn rượu của bố đê Cát ra hăm hiếp. Bố lúc ấy ở đâu? Câu hỏi ấy như một viên sỏi vừa bật ra khỏi cổ họng trong tiếng hực khan của Cát. Mẹ vẫn đang khom lưng vét những gầu nước dưới



sông mùa cạn. Mẹ đâu biết con gái mình cũng đang rũ xuống như những cây ngô. Trong tư thế tọa thiền Cát từ từ gục xuống. Như những chiếc lá khoai trong buổi trưa hôm ấy.

Có thật sự là Cát đang thiền? Dưới góc độ yoga, thiền là dòng chảy của tâm trí. Là trạng thái tinh khiết và tập trung cao độ khi tâm trí xuôi chảy, hoàn toàn đắm chìm trong suy nghĩ về ý thức vũ trụ. Nhưng Cát thì khác. Dòng chảy tâm trí của Cát có lẽ đang chảy ngược. Về những ngày ngoảnh đi đâu cũng thấy những ánh mắt găm chặt vào mình. Cát từng tìm mọi cách chạy trốn ánh mắt soi mói của người đời. Nhưng lại va phải ánh mắt đỏ như hòn than của bố. Để rồi ngã gục vào

ánh mắt đầy bão giông của mẹ. Trong nhà nhìn đâu cũng thấy hận thù. Ngoài hàng rào thì găm đầy những nhấp nháy mĩa mai.

Đạo này bà giúp việc hay làm các món chay bằng khoai môn khiến Cát nhờ đến ngày giỗ đầu mẹ. Mâm cúng không có gì ngoài bát canh khoai môn nấu với muối trắng và đĩa cua đồng rang mặn. Mẹ mất vì bị cảm lạnh sau khi uống rượu say. Can rượu mà bố đổi bằng những đầu thóc cuối cùng trong nhà mẹ đã giã lấy tu một hơi hết sạch. Sau đám tang của mẹ, bố không bao giờ động vào giọt rượu nào. Sống lặng lẽ như bụi cỏ dại.



Những người bạn rượu khi xưa không lui tới nữa. Người từng hăm hiếp Cát đã bỏ làng ra đi biệt tích. Bởi sau khi tình rượu bố từng cầm dao đến tận nhà tìm hấn trả thù. Bố không khóc nữa nhưng dáng ngồi như tứa ra thành từng giọt. Đó là giọt sầu hay là giọt rượu mà bố đã ngâm đời mình suốt gần hết đời người?

Cát cũng không biết nữa. Với bố, Cát vừa thương vừa hận. Như lúc nhìn bố ngồi giữa đêm sương là vừa muốn chạy ra kéo bố vào lại vừa muốn bỏ mặc. Lúc bố ốm, ngồi đút thìa cháo cho bố mà lòng trào lên cơn giận. Phải chi bố không say thì cửa nhà đã không tan nát, mẹ còn sống và Cát đã có một tuổi thơ yên bình như bao đứa trẻ khác. Đã không phải sống trong sự ám ảnh về một buổi trưa sặc sụa men rượu và nỗi đau thể xác xuyên thấu cả ấu thơ.

Một buổi sáng thức dậy Cát bỏ làng ra đi. Nếu không đi Cát sợ mình sẽ chết chìm trong sự giày vò, ám ảnh. Gần hai mươi năm qua Cát đến một thành phố xa xôi tìm cách rũ bỏ gốc gác và quá khứ của mình. Từ một con nhỏ phụ bàn trong quán cơm sườn, Cát bươn chải mưu sinh đủ đường để có tiền học nghề và trở thành một bà chủ cửa hàng *spa* xinh đẹp. Thỉnh thoảng Cát về thăm nhà thắp hương cho mẹ, dúi cho bố ít tiền rồi vội vã ra đi. Vội vàng đến mức Cát không kịp nhận ra lưng bố đã còng, đôi bàn tay run lẩy bẩy lúc thái rau nấu cơm, lúc khâu lại cúc áo, lúc lần tìm mấy vỉ thuốc có khi đã hết hạn sử dụng từ lâu.

Đám cưới của Cát không tổ chức ở quê nhà. Bố được đón ra thành phố, được khoác lên chiếc áo vest đường chỉ nhẵn nhụi vì may vội. Lúc khoác tay bố bước vào lễ đường, Cát mới nhận ra người đang đi bên cạnh mình đã như chiếc lá vàng trong mùa cây thay áo. Bố hình như khóc dù Cát không nhìn thấy giọt nước mắt nào.

Cát bước ra khỏi căn phòng bỏ những cánh sen vương vãi trên sàn. Cát không muốn ngồi thiền khi tâm mình

còn chưa thật sự rũ bỏ được quá khứ. Vậy mà Cát từng nghĩ mình có thể sống mà không cần phải chạy trốn bất cứ điều gì. Nhưng hóa ra quá khứ không biến mất và nó chôn chặt trong lòng chờ cơ hội trở dậy. Có thể vì Cát chưa bao giờ chịu cởi bỏ ẩn ức để thanh thản sống với thực tại. Cát nói với chồng muốn đưa con về quê một chuyến, có thể vài ngày cũng có thể sẽ lâu. Suốt trên chặng đường đi thẳng nhỏ không chịu ngồi yên phút nào. Nó hồi đủ thứ khiến Cát không kịp trả lời. Cát xa quê lâu rồi nên quên cả mùi của bông lúa cọng rơm. Quên mất tiếng hót của bầy chim chiến chiến. Quên mất mùi phù sa dưới con sông Hồng mẹ từng khom lưng gánh từng thùng nước. Ngò mùa này xanh quá không héo rũ như những vụ ngò đời mẹ. Thành nhỏ bảo:

"Quê đẹp vậy mà trước kia mẹ cứ nói mẹ không có quê hương. Cô giáo con bảo ai cũng có ít nhất một nơi để trở về. Mẹ nhỉ?"

"Lúc con được một tuổi, ông vẫn dắt con tập đi trên đường làng này đấy. Cũng vào độ mùa thu".

Cát bỗng nhớ lần dẫn con về thăm ông ngoại. Thành bé nhanh biết nói đã có thể gọi "ông ơi" ngọng nghịu. Ông dẫn cháu đi mua bóng bay ở quán tạp hóa ngoài đầu làng. Thành bé lăm chằm tập đi, thích thú nhào lại những bụi hoa dại ven đường. Tiếng ông, tiếng cháu cười vang cả đoạn đường quê còn vương rơm rạ. Đến khi về đến nhà thành bé nhào vào lòng mẹ cũng là lúc Cát mang con đi. Trong ánh hoàng hôn nhập nhoạng, Cát thấy mắt bố trũng sâu ầng ậc nước. Xe đi một đoạn nhìn qua gương chiếu hậu Cát vẫn thấy cha già đứng như thân cây khô rạc.

Thành bé giờ đã vào lớp một mà Cát mới đưa nó về thăm ông ngoại lần thứ hai. Thường thì Cát chỉ tạt qua thăm nhà khi đi công tác. Mấy Tết rồi Cát ở nhà chồng, chỉ thăm hỏi bố bằng những cuộc điện thoại bập bõm câu được câu không. Có thể vì sóng. Cũng có thể vì chiếc điện thoại Cát mua cho bố gần chục năm nay giờ sắp hỏng rồi. Nghĩ lại tự nhiên Cát thêm khóc quá.

Căn nhà nhỏ nằm lọt thỏm giữa lùm cây. Một cột khói mỏng manh xuyên qua tầng xanh bay lên trời. Giờ này chắc bố đang nấu cơm chiều. Thành nhỏ mở toang cánh cổng sắt ọp ẹp gọi vang "ông ơi". Từ trong bếp ông ngoại lần mò đi ra mang theo cả khói bếp vương đầy trên tóc. Run run vui mừng ông cháu ôm nhau như chưa hề cách xa tháng năm đằng đẳng.

Cát ngồi xuống bậc thềm dụi mắt giả vờ than "bố đun củi ướt hay sao mà khói khiếp". Nhìn chiếc dây phơi gi sét, vài chiếc áo sờn cũ phất phơ. Nhìn sân nhà trơn trượt rêu xanh. Nhìn cỏ dại mọc lan vào tận sân. Nhìn dáng bố gù như bông lúa, như lưới liềm, như trăng khuyết mà Cát muốn than trời. Yêu thương đến ghen tim mà sao suốt bao nhiêu năm qua Cát cứ gò mình như sắt đá.

Giờ thì Cát có thể ngồi đây thanh thản và nhẹ nhõm. Tựa như một giấc thiền sâu... ■

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

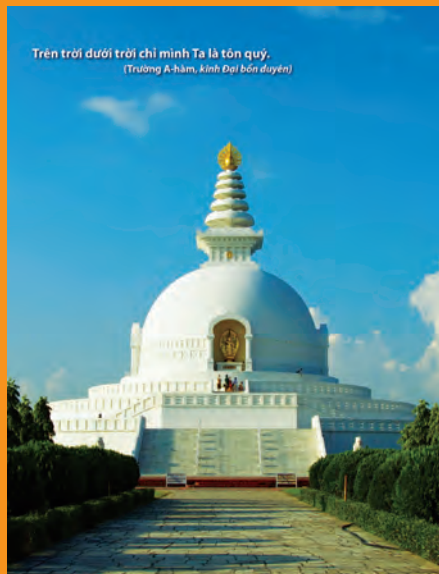
Sắp Phát hành

Lịch 2018 Mậu Tuất

Bộ lịch Văn Hóa Phật Giáo với chủ đề "Bốn Thánh tích Phật giáo".

Văn Hóa Phật Giáo, tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Lịch khổ 35cmx70cm, nẹp thiếc, 5 tờ, in 4 màu, trình bày trang nhã.

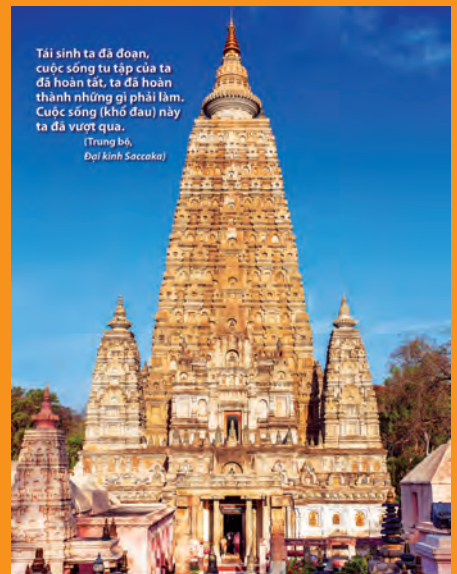


Tên trời dưới trời chỉ mình Ta là tôn quý.
(Trương A-hàm, kinh Đại bát niết bàn)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, Quận 3, TP.HCM. Chi nhánh: ĐT: (04-26) 9848 131 - 9848 130. Email: vanhoa@vphg.com.vn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14				
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27	28								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31					



Tái sinh ta đã đoạn, cuộc sống tu tập của ta đã hoàn tất, ta đã hoàn thành những gì phải làm. Cuộc sống (khó đau) này ta đã vượt qua.
(Trung Bô, Đại Kinh Saccaka)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

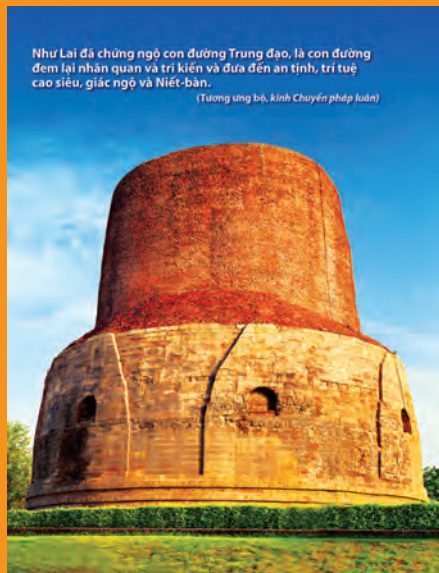
Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, Quận 3, TP.HCM. Chi nhánh: ĐT: (04-26) 9848 131 - 9848 130. Email: vanhoa@vphg.com.vn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							



Chúc Mừng Năm Mới 2018 Mậu Tuất

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

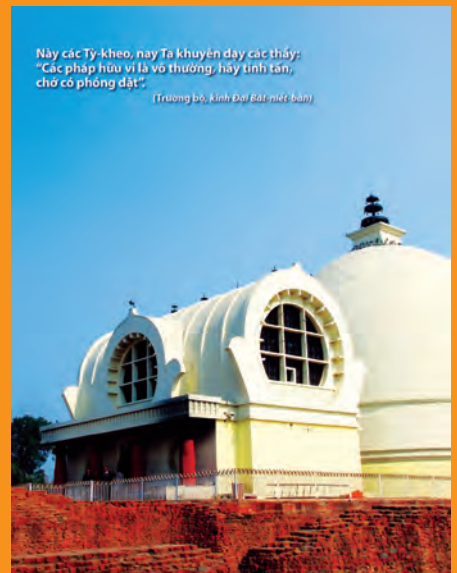


Như Lai đã chứng ngộ con đường Trung đạo, là con đường đem lại nhân quả và trí kiến và đưa đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và Niết-bàn.
(Tuông ung bô, kinh Chuyển pháp luân)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, Quận 3, TP.HCM. Chi nhánh: ĐT: (04-26) 9848 131 - 9848 130. Email: vanhoa@vphg.com.vn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							



Này các Tỷ-kheo, này Ta khuyến dạy các thầy: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chí công phóng đạt".
(Trương bô, kinh Đại Bát niết-bàn)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, Quận 3, TP.HCM. Chi nhánh: ĐT: (04-26) 9848 131 - 9848 130. Email: vanhoa@vphg.com.vn

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31							

Tôn giáo bạn:

ĐẠI LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI SINH ĐẠO CAO ĐÀI

23/8 Bính Dần (1926) - 23/8 Đinh Dậu (2017)

PHÁP TUỆ

T rờ i v ừa h ừng s áng ngày 23 tháng 8 năm Đinh Dậu (tức là ngày 12/10/2017), trên các nẻo đường của thành phố thấp thoáng những bóng áo trắng đang vận tập về ngôi Nam Thành Thánh thất (NTTT)

nguyên là Thánh thất Cầu Kho, số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM để tham dự **Đại lễ Kỷ niệm ngày Đại hội thành lập Đại đạo Tam kỳ Phổ độ - 23/8 Bính Dần (1926) - 23/8 Đinh Dậu (2017) - Đạo lịch năm thứ 93** để tưởng nhớ công ơn vô cùng to lớn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và công đức cao dày của các vị Tiên bối đã hoàn thành sứ mạng khai sinh mỗi đạo Trời để cứu độ nhơn sanh trong thời hạ ngưng mặt pháp.

Đúng 9 giờ, Đại lễ được khai mở với phần nghi thức trang trọng. Đạo huynh Chí Đạt, Chánh hội trưởng NTTT kính cẩn dâng hương và các đồng nhi đọc kinh Nhập hội. Kế tiếp là *"1 phút mặc niệm Đức Chí-tôn, Phật-mẫu, chư vị Tiên bối Khai hù,ng, Liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc"*.

Tiếp theo, MC Tánh Thuận trân trọng giới thiệu sự hiện diện của quan khách và quý vị khách quý: Ông Dương Văn Đóa, Ủy viên Thường vụ TW Hội Khuyến học VN, Giám đốc Văn phòng phía Nam; ông Nguyễn Trọng Nghĩa, Trưởng phòng HCQT - Cơ quan phía Nam của TW Hội Chữ thập đỏ VN; ông Nguyễn Văn Lượng, Phó ban Tôn giáo TP.HCM; ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Phó Chánh Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao TP.HCM; ông Nguyễn Thành Tuyển, PA.88 TP.HCM; ông Nguyễn Trung, Ban Thông tin Truyền thông UNESCO VN; Pero Linh mục Hà Viên Trung, Ban Mục vụ Đối thoại Liên tôn, Tòa Tổng Giám mục Giáo phận TP.HCM; ông Hứa Vĩnh Phúc, Phó Chủ tịch Thường trực UBMTTQVN Q.1 và đại diện Quận ủy, HĐND, UBND Q.1 và đoàn; bà Đặng Đình Phú Quý, Phó Chủ tịch Hội CTĐ Q.1 và đoàn; ông Vương Liên,

Chủ tịch Hội Người cao tuổi Q.1; bà Trần Thị Mỹ Dung, Chủ tịch UBMTTQ P.Nguyễn Cư Trinh và đoàn; các vị Trưởng ban tăng đoàn các Hội thánh, Thánh thất, Thánh tịnh từ Quảng Trị, Tam Quan, Bình Định, Nha Trang, Bến Tre và các tỉnh Nam Bộ, Đại diện Tòa thánh Tây Ninh, các Tịnh viện ở Nam bộ; cùng quý anh chị em phóng viên các báo *Sài Gòn GP, Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Nhân Đạo...* và Đài Truyền hình HTV, VTV và hơn 700 nam nữ đạo tâm tham dự đại lễ.

Đạo huynh Chí Đạt, thay mặt Ban tổ chức (BTC) Đại lễ đọc diễn văn khai mạc và đạo đệ Quốc Khải báo cáo Đạo sự của Ban Cai quản NTTT gồm nhiều mặt: hoạt động phổ thông giáo lý, sinh hoạt, quan hệ xã hội và liên giao hành đạo, v.v... trong đó nổi bật của hai vấn đề lớn. *Thứ nhất:* Tái thiết *Ngôi di tích lịch sử Văn hóa đầu tiên của đạo Cao Đài là Thánh thất Cầu Kho* tức NTTT, được khởi công xây dựng từ ngày 11/4/2008 mãi đến ngày 30/9/2017 mới hoàn mãn, khang trang, uy nghi với tổng phí là **9 tỷ 756 triệu đồng**. Nguyên do tái thiết chậm vì nguồn tài chính eo hẹp; nhờ đạo huynh Chí Đạt toàn tâm toàn ý, biết vận dụng sáng tạo từ nhiều nguồn tài chính cùng sự chung sức chung lòng của bốn đạo gần xa; *Thứ hai:* Các mặt hoạt động từ thiện xã hội, từ ngày 01/12/2012 đến 30/9/2017 của *Phòng Khám bệnh nhân đạo NTTT* (thuộc Hội Chữ thập đỏ Q.1) đã mở rộng vòng tay yêu thương đến với bà con nghèo cơ nhỡ, các cụ già neo đơn, người khiếm thị, người khuyết tật, sinh viên và học sinh nghèo... được trợ giúp, tặng quà (vật thực, áo quần...) với số tiền: **3 tỷ 223 triệu đồng**. Đồng thời, khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo với số tiền: **571 triệu**



Đạo huynh Chí Đạt đọc diễn văn khai mạc



Đạo huynh Thiện Hạnh thuyết trình giáo lý



Đạo đệ Quốc Khải báo cáo Đạo sự



Phối sư Hương Phương đại diện Tổ chức Liên giao, phát biểu



Các đơn vị tặng lễ hoa chúc mừng Đại lễ (từ trái qua: Tổ chức Liên giao, Ban Tôn giáo TP





Quang cảnh buổi lễ



Quan khách và khách quý dự lễ



Ông Hứa Vĩnh Phúc, Phó Chủ tịch UBMTTQVN Q.1 phát biểu

đồng. Nguồn tiền chủ yếu từ đạo huynh Chí Đạt vận động với các nhà hảo tâm, bạn bè và thân quyến.

Chuyển sang phần trao tặng lễ hoa và quà, BTC vui mừng đón nhận: Các lễ hoa: Ban Tôn giáo TP.HCM; Ban Đối thoại Liên tôn, Tòa Tổng Giám mục Giáo phận TP.HCM; Cộng đồng Tôn giáo Bahai VN; Tổ chức Liên giao các Hội thánh Cao Đài; Hội Người cao tuổi Q.1; 3 Ban Ca nhạc Lễ sĩ Đồng nhi NTTT; Nhà hàng chay Hoa Khai. Các phần quà: Quận ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN Q.1; Hội CTĐ và Hội LHPN Q.1; Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN P.Nguyễn Cư Trinh; Ban Đại diện PG Hòa Hảo TP.HCM...

Trong năm Đạo thứ 92, Ban Cai Quản NTTT đã vinh dự đón nhận được 15 bằng khen, giấy khen và kỷ niệm chương, vì thời gian có hạn nên BTC chỉ mời 2 đơn vị lên trao: Ông Dương Văn Đóa, đại diện Hội Khuyến học VN, trao Kỷ niệm chương



Ông Dương Văn Đóa, đại diện Hội Khuyến học VN trao Kỷ niệm chương

cho ông Nguyễn Hữu Nhơn, Hội đồng Cố vấn Ban Thông tin & Truyền thông và ông Nguyễn Trọng Nghĩa, đại diện Hội Chữ thập đỏ VN trao Bằng khen "Tấm lòng vàng nhân đạo" cho ông Nguyễn Hữu Nhơn, Trưởng ban điều hành Phòng Khám bệnh Nhân đạo NTTT.

Được biết, tại Thánh thất Cầu Kho ngày xưa, mà nay là Nam Thành Thánh thất đã liên tục tổ chức trọng thể Đại lễ Kỷ niệm ngày Khai sinh đạo Cao Đài và Ban Cai quản NTTT vinh dự đón tiếp Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Đại tướng Mai Chí Thọ; Nhà tư tưởng Trần Bạch Đằng; ông Hoàng Minh Viễn; ông Trần Thanh Lê; ông Nguyễn Xuân Thắng - Chủ tịch Liên hiệp các Hội UNESCOVN và các vị lãnh đạo TP.HCM như ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp (6 Tuổi), ông Nguyễn Văn Thuyền (3 Tôn), ông Lê Tâm Dũng, v.v... Vừa qua, Liên hiệp các Hội UNESCO VN ban hành QĐ số 76/QĐ-LH ngày 01/9/2016 chứng



Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, đại diện Hội CTĐ VN trao Bằng khen "Tấm lòng vàng Nhân đạo"

nhận Ngày Khai Đại-đạo Tam-kỳ Phổ-độ của NTTT và UBND TP.HCM ban hành QĐ số 923/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích có giá trị lịch sử - văn hóa, hiện trạng công trình và địa điểm của NTTT.

Sau tiết mục văn nghệ "Cội nguồn Đại đạo & Lễ ca ĐĐTKPD" do ca sĩ Hiếu Ngọc và tốp ca Thanh thiếu niên NTTT trình diễn là phần thuyết trình của đạo huynh Thiện Hạnh về đề tài "Cao Đài - Thực thể đạo cứu thế". Kế đó, quý quan khách và đạo khách phát biểu chúc mừng Đại lễ. Chuyển sang phần cuối, Trưởng ban tổ chức Chí Đạt bái tạ và đồng nhi đọc kinh Xuất hội.

Kết thúc Đại lễ trong niềm hân hoan và thân tâm an lạc của chư vị quan khách và các vị khách quý, các vị đại diện Tổ chức Liên giao các Hội thánh, Tòa thánh, Thánh thất, Thánh tịnh và các đạo tâm gần xa.



Ban Đối thoại Liên tôn, Tòa Tổng Giám mục TP.HCM, 3 Ban Ca nhạc Lễ sĩ Đồng nhi NTTT)



Chư huynh đệ, tỷ muội

Mét đẹp văn hóa

Phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.HCM

NGUYỄN BÔNG

Chúng tôi tình cờ đến phường Linh Trung dự lễ Vu-lan tại các chùa trong phường; được nghe bà con nhắc đến tên anh Lê Quốc Đạt là một người cán bộ với chức vụ Phó Chủ tịch rất quan tâm đến dân nghèo trong địa phương. Chúng tôi tìm đến tận nơi. Qua tiếp xúc mới biết những ngày lễ lớn anh đều quan tâm nhắc nhở cho anh Tuấn liên hệ đến các nhà hảo tâm nhờ tài trợ cho các hộ nghèo; điển hình như chùa Hòa Quang và các nơi khác đều ủng hộ qua sự liên hệ của Phó Chủ tịch phường và Chữ thập đỏ của phường...



Thể hiện sự đoàn kết giữa tôn giáo và chính quyền: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Q.Thủ Đức thăm viếng và tặng quà tại chùa Hòa Quang



Đại diện chính quyền Q.Thủ Đức tặng bằng khen cho Ni trưởng Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang, Q.Thủ Đức

Sau đây là phần phỏng vấn của chúng tôi với anh Quốc Đạt:

+ Phóng viên hỏi: Anh vui lòng cho biết hoạt động văn hóa và xã hội của phường có gì khởi sắc?

- Anh Lê Quốc Đạt: Hoạt động của mảng văn hóa và xã hội của phường có sự phát triển trong những năm gần đây. Với hoạt động như *tuyên truyền, giáo dục* nhằm mục đích cho người dân nâng cao ý thức, muốn cho người dân nâng cao sự hiểu biết, điều đầu tiên là cần quan tâm đầu tư giáo dục, vì khi người dân có trình độ học vấn sẽ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, có như vậy họ mới làm tốt các mặt khác trong xã hội; điều thứ hai, công tác tuyên truyền chủ yếu về các điều *luật quy định* trong sinh hoạt và cuộc sống hàng ngày của bà con, giúp cho họ hiểu và tự nguyện tuân thủ chấp hành luật pháp như: Phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, hôn nhân và gia đình, giao thông đường bộ... Chúng tôi tuyên truyền hàng tuần đến mọi người. Vì nơi đây có trường Đại học Quốc gia và các trường đại học chuyên ngành, rất đông sinh viên lưu trú và có khu chế xuất Linh Trung thu hút rất đông công nhân các nhà máy, xí nghiệp và bà con lao động đến học tập và lao động... Phường Linh Trung hiện có dân số khá đông: khoảng 60.000 người, trong



Từ trái sang: Cô Võ Thị Bích Hạnh, CB UBND P.Linh Trung, nhà báo Hồ Thủy, ông Lê Quốc Đạt, Phó Chủ tịch VHXH và tác giả

đó có gần 40.000 người là dân nhập cư (tạm trú), họ chỉ quan tâm đến việc đi làm và mưu sinh với đa phần là lao động phổ thông nên học vấn chưa cao, do đó phường phải chú trọng đến việc tuyên truyền cho họ bằng các buổi tuyên truyền tập trung, kèm thêm những hình ảnh pano, áp-phích, tờ rơi với số lượng rất nhiều.

+ Phóng viên hỏi: Vấn đề sức khỏe của bà con trong phường được quan tâm như thế nào?

- Anh Lê Quốc Đạt: Hiện phường có trạm y tế và các bệnh viện tọa lạc xung

quanh phường đã hỗ trợ thiết thực cho bà con khi đau ốm, bệnh tật. Đồng thời, việc tuyên truyền về sức khỏe của cộng đồng luôn được chúng tôi coi trọng, nhất là khi dịch bệnh sốt xuất huyết tăng cao trong cả nước. Đặc biệt, tại địa phương là nơi tập trung với lượng người lưu trú khá đông đảo, lưu lượng một ngày người dân ra vào địa bàn phường hơn 100.000 người, bao gồm: đi học, đi làm... vì vậy số người mang mầm bệnh sốt xuất huyết rất dễ lây lan trong cộng đồng dân cư, nhất là khi người dân chưa ý thức phòng ngừa. Trong những năm gần đây, tình hình dịch bệnh trên địa bàn phường có chiều hướng giảm dần theo qua từng năm, đó là nhờ bà con sau khi được tuyên truyền đã có ý thức diệt muỗi và lăng quăng cũng như làm tốt việc ngăn ngừa muỗi vẫn sinh sản; đồng thời, phường tích cực trong công tác xịt muỗi diệt lăng quăng rộng khắp. Song hành, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phường luôn chủ động tổ chức kiểm tra và xử lý các cơ sở kinh doanh thực phẩm chưa đảm bảo, nhất là ở trường đại học có thực phẩm dành cho "sinh viên giá rẻ" mà báo chí đã có phản ánh...

+ Phóng viên hỏi: Vui lòng cho biết mối quan hệ giữa chính quyền với các cơ sở tôn giáo?



Ni trưởng TN Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang và Đại đức Thích Hạnh Thế, trụ trì chùa Pháp Bảo



Ông Huỳnh Long Tuấn cùng Phật tử chùa Hòa Quang qua sự tài trợ của các mạnh thường quân và Ni trưởng Như Trí tặng quà cho người nghèo



Nhân ngày Hội Người cao tuổi, ông Huỳnh Long Tuấn, CTĐ P.Linh Trung hướng dẫn bà con đến nhận quà tặng tại chùa Hòa Quang



Ông Huỳnh Long Tuấn, CTĐ P.Linh Trung hướng dẫn bà con đến nhận quà tại chùa Hòa Quang, nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3



Ni trưởng Như Trí và Ban an ninh dân quân KP.3 chụp lưu niệm ngày lễ Vu-lan tại chùa Hòa Quang

- Anh Lê Quốc Đạt: Đối với các tôn giáo, phường tạo mối quan hệ đại đoàn kết gồm: Mặt trận - Chính quyền - Các cơ sở tôn giáo (Phật giáo, Thiên Chúa giáo và Cao Đài...). Hiện nay trong địa phương có 10 cơ sở tôn giáo. Nhìn chung, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các cơ sở tôn giáo (gắn gũi trong phong trào hoạt động xã hội - từ thiện của phường là hai ngôi tự viện Hòa Quang và Pháp Bảo thường xuyên hỗ trợ và đồng hành), có mối quan hệ rất mật thiết, tạo nên sự đại đoàn kết chung giữa chính quyền và tôn giáo. Chính quyền luôn hỗ trợ, tạo thuận lợi cho các cơ sở tôn giáo hoạt động; nhất là Phật giáo vào các dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, Đại lễ Phật đản và Vu-lan ở các chùa và tịnh thất đều có tổ chức phát quà cho bà con nghèo, bà con khiếm thị và khuyết tật, trẻ em nghèo

cũng như tham dự các khóa tu có số người tham gia đông đảo có khi lên đến số ngàn vẫn được phường âm thầm bảo vệ về trật tự và an toàn...

+ **Phóng viên hỏi:** Được biết, hiện có phường trong thành phố, khi bà con đến công chúng giấy tờ vào tầm 10 giờ ngày thứ Hai và thứ Sáu, sẽ được hẹn bà con buổi chiều quay lại lấy giấy tờ vì lãnh đạo bận họp, xin hỏi phường mình có tình trạng này không?

- **Anh Lê Quốc Đạt:** Trong công tác giải quyết về hành chính và nhất là công chúng giấy tờ, chúng tôi không bao giờ để cho người dân chờ đợi, phương châm: *nhANH, gọn* luôn có người trực duyệt ký; không bao giờ gây phiền hà cho bà con phải đi lại, cũng như các chùa hay tịnh xá có quý thầy, quý Ni tạm trú được giải quyết mau lẹ.

Chúng tôi (PV) thiết nghĩ, nếu dân trí được nâng cao sẽ mang lại cho phố phường bộ mặt tươi đẹp. Vì một khi dân hiểu, dân bàn, dân tự nguyện thực hiện thì không có việc gì là khó cả; như Bác Hồ kính yêu đã dạy: *"Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"*. Mong các bạn trẻ làm công bộc cho dân nên lưu tâm!

Chia tay anh Lê Quốc Đạt, người cán bộ phường có 5 năm kinh nghiệm với chức trách Phó Chủ tịch phụ trách Văn hóa - Xã hội, là cán bộ trẻ vừa có *tâm và tầm* đã góp phần cùng lãnh đạo UBND phường Linh Trung đưa hoạt động của phường có một sức sống vươn lên, tạo mối giao tình cho dân mến, dân thương, thể hiện gương mẫu công bộc của nhân dân.



Chi hội CTĐ chùa Hòa Quang và các Phật tử tặng quà Vu-lan



Ông Huỳnh Long Tuấn, Ni trưởng Như Trí, Phật tử tặng quà tình thương và xe lăn cho người khuyết tật nghèo trong P.Linh Trung, nhân lễ Vu-lan

Chúc mừng **LỄ KỶ NIỆM 12 NĂM CÔNG TY INTERLOG**

Tôi có duyên đồng hành cùng Công ty Interlog (hay còn gọi là Công ty CP Giao nhận Tiếp vận Quốc tế) từ những ngày đầu mới thành lập và chia sẻ với những khó khăn vất vả mà công ty phải vượt qua từ nguồn lực, khách hàng, v.v... Tôi còn nhớ lúc mới tách ra từ Interline, Công ty Interlog nhân sự chưa tới 30 người, khách hàng chưa nhiều, nên Marketing phải nỗ lực khai thác khách hàng tiềm năng ở thị trường và tôi hỗ trợ khai thác về mảng chuyên chở tượng và văn hóa phẩm của các chùa chiền...

Interlog từng bước phấn đấu vươn lên và mở rộng thị phần; Công ty đã trụ vững trên thương trường. Về nhân sự, nay đã hơn 100 em với lứa tuổi từ 25 - 35, trình độ văn hóa đa phần là đại học, các em tùy theo phần việc đều có thể giao dịch bằng tiếng Anh, Pháp và nay là Nhật ngữ. *Cảng giao hàng* cũng được mở thêm, từ cảng Cát Lái nay có thêm cảng ở Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng; đội xe *chuyên dùng* từ 3 chiếc nay đã có hơn 20 chiếc, đáp ứng nhanh nhu cầu chuyển vận.

Đại diện công ty ở Hà Nội năng động, hiệp đồng tốt với khách hàng và đối tác Nhật Bản... Thành quả này là nhờ sự điều hành sáng suốt và không ngừng sáng tạo của anh Nguyễn Duy Minh, Giám đốc và sự chịu thương chịu khó của anh đến các nước để giao dịch và tìm giao mới; điều bất ngờ, anh học rành tiếng Nhật để hôm nay ký kết làm ăn với người Nhật một cách tự tin...

Đón mừng **Lễ kỷ niệm 12 năm thành lập Công ty Interlog**, tổ chức ở Khách sạn Nikko Saigon; chúng tôi được nghe anh Duy Minh báo cáo thành quả, đó là nhờ cung cách phục vụ tốt của Interlog đã mang lại hiệu quả và tiện ích cho khách hàng (giá phí, thời gian, v.v...). Chúng tôi rất mừng và kính cầu chúc cho Interlog luôn phát triển, anh Duy Minh, Ban Giám đốc cùng toàn thể anh chị em CBNV luôn được sức khỏe dồi dào.

NGUYỄN BÔNG

Trì sự Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



KÍNH MỜI ĐẶT MUA **tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO - NĂM 2018**

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa hoan hỷ đặt mua **tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - năm 2018**.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm : 316.000đ
- 12 số cuối năm: 316.000đ
- Trọn năm 2018 : 604.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)
(Ưu tiên quý khách đăng ký sớm sẽ được tặng lịch 2018).

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335 hoặc điền chi tiết vào phiếu thông tin dưới đây và cắt gởi về: Ban Phát hành - Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

THÔNG TIN ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN - 2018 tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thời hạn đặt mua và phương thức thanh toán:

Ký tên



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết
Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP. Biên Hòa - Đồng Nai

Văn phòng công ty: 363B đường Ông nước Thô, khu phố Tân An, phường Tân Đông, thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

Nhà Gốm Nhật

Đặng Thị Trúc Giang

☎ 0908.62.0908 - 0908.18.28.38

🏠 04 & 6C4 - Đinh Bộ Lĩnh - Phường 24 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM
 📍 Đặng Thị Trúc Giang (Nhà gốm nhật) - Hotline: 0908.18.28.38
 📱 Nhà Gốm Nhật - Hồ Chí Minh (Fanpage)
 🌐 nhagomnhat.com 📧 nhagomnhat@gmail.com
 📞 0908.62.0908 📞 0822.536.538



Nhà Gốm Nhật

Chuyên Kinh Doanh Sĩ & Lễ :

Gốm sứ Japan, Nhang Trâm, Trà Việt Nhật và Trang Sức Đá Quý thiên nhiên



Số 04 & 6C4 - Đinh Bộ Lĩnh - Phường 24 - Quận Bình Thạnh

ĐT: 0822.536.538 - 0908.18.28.38 - 0908.62.0908

ASA[®] Repell

Không sát sanh chỉ xua đuổi

Từ tinh dầu thiên nhiên



Không ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường

CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
 Hotline: (028) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
 www.facebook.com/ASAhoamypham

Nước Cắm Hoa
ASA[®]

Hoa tươi
 gấp **2 lần**



Hiện có mặt tại
 Co.op Mart,
 Vinmart,
 Aeon Citimart,
 Auchan, ...

CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
 Hotline: (028) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
 www.facebook.com/ASAhoamypham



TU VẤN THIẾT KẾ KHÔNG GIAN THỜ CÙNG - THIÊN TRẠ NGHỆ THUẬT

HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663



HỒ CHÍ MINH:

- NAM KỶ 1: 382B NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 2: 382D NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 3: 382G NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM

- VIÊN DUNG ĐƯỜNG: 668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.II, TP. HCM
- 3 THÁNG 2: 212 BÀ THẮNG 2, P. 12, Q. 10, TP. HCM

HÀ NỘI:

112 PHỐ HUẾ, P. NGỘ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM





Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Cơm có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)

✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)

✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr500 (6N)

✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 9tr900 (5N)

✓ Myanma - Bago - Thuylin - Yan Gon: 9tr900 (4N)

✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (10N)

✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland:

13tr990 (4N)

✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)

✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành:

11tr590 (5N)

Đặc biệt

CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 285

Phát hành ngày 15 - 11 - 2017

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Giấc mơ nhỏ

9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân

74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương

Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071 188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914.018.093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 068 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Tứ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 Ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 658 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 028 38.484.835

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG